

Số: 20/NQ-HĐND

Côn Đảo, ngày 15 tháng 10 năm 2019

NGHỊ QUYẾT

**Về việc thông qua Chương trình phát triển đô thị
huyện Côn Đảo, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu giai đoạn 2019 - 2030**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN HUYỆN CÔN ĐẢO
KHÓA XI, NHIỆM KỲ 2016 - 2021
KỶ HỌP THỨ MƯỜI BỐN (BẤT THƯỜNG),**

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương và Luật hoạt động giám sát của Quốc hội và Hội đồng nhân dân năm 2015;

Căn cứ Luật Quy hoạch đô thị năm 2009 và Luật xây dựng năm 2014;

Căn cứ Nghị quyết số 1210/2016/UBTVQH13 ngày 25/5/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về phân loại đô thị;

Căn cứ Nghị định số 11/2013/NĐ-CP ngày 14/01/2013 của Chính phủ về quản lý đầu tư phát triển đô thị và Quyết định số 1659/QĐ-TTg ngày 07/11/2012 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Chương trình phát triển đô thị quốc gia giai đoạn 2012 - 2020;

Căn cứ Quyết định số 264/2005/QĐ-TTG ngày 25/10/2005 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt đề án phát triển kinh tế - xã hội huyện Côn Đảo, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu đến năm 2020; Quyết định số 1742/QĐ-BKHĐT ngày 15/11/2011 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư về việc phê duyệt quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội huyện Côn Đảo, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu đến năm 2020, tầm nhìn đến 2030; Quyết định số 1263/QĐ-TTg ngày 02/12/2015 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt điều chỉnh Quy hoạch tổng thể bảo tồn, tôn tạo và phát huy giá trị Di tích lịch sử Quốc gia đặc biệt Côn Đảo, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu; Quyết định số 120/QĐ-TTg ngày 21/01/2009 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt dự án quy hoạch tổng thể đầu tư phát triển Vườn Quốc gia Côn Đảo, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu giai đoạn đến năm 2020; Quyết định số 870/QĐ-TTg ngày 17/6/2015 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Quy hoạch tổng thể phát triển Khu du lịch Quốc gia Côn Đảo, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu đến năm 2030;

Căn cứ Quyết định số 05/2016/QĐ-UBND ngày 01/02/2016 của UBND tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu phê duyệt Chương trình phát triển đô thị tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu giai đoạn năm 2015 đến năm 2025; Quyết định số 3352/QĐ-UBND

ngày 16/11/2017 của UBND tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu phê duyệt đề cương Chương trình phát triển đô thị huyện Côn Đảo.

Xét Tờ trình số 168/TTr-UBND ngày 08/10/2019 của UBND huyện Côn Đảo việc đề nghị thông qua dự thảo Chương trình phát triển đô thị huyện Côn Đảo giai đoạn 2019 - 2030; Báo cáo thẩm tra số 08/BC-BKTXH ngày 01/7/2019, báo cáo số 14/BC-BKTXH ngày 11/10/2019 của Ban Kinh tế - Xã hội HĐND huyện và ý kiến thảo luận tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Thông qua Chương trình phát triển đô thị huyện Côn Đảo, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu giai đoạn 2019 - 2030. (có Chương trình kèm theo)

Điều 2. Hội đồng nhân dân huyện giao:

- Ủy ban nhân dân huyện tiếp tục hoàn chỉnh các hồ sơ, thủ tục để trình cấp thẩm quyền phê duyệt theo quy định pháp luật;

- Thường trực Hội đồng nhân dân huyện, các Ban của Hội đồng nhân dân huyện, các Tổ đại biểu và Đại biểu Hội đồng nhân dân huyện có trách nhiệm giám sát việc thực hiện Nghị quyết này.

Điều 3. Nghị quyết này đã được Kỳ họp thứ Mười bốn (bất thường) của Hội đồng nhân dân huyện Côn Đảo khóa XI, nhiệm kỳ 2016-2021 thông qua ngày 15/10/2019 và có hiệu lực từ ngày thông qua./.

Nơi nhận:

- TTr. HĐND, UBND tỉnh;
- TTr. Huyện ủy, UBND huyện;
- Ban TTr UBMT TQVN huyện;
- Các vị đại biểu HĐND huyện;
- Các cơ quan, đơn vị, đoàn thể, khu dân cư;
- Đảng Công TTĐT của HĐND và UBND huyện;
- Lưu: VT-TH

PHÓ CHỦ TỊCH



Lê Minh Nhựt



TRUNG TÂM KIẾN TRÚC MIỀN NAM - BỘ XÂY DỰNG
SOUTHERN SUB - INSTITUTE OF ARCHITECTURE - MINISTRY OF CONSTRUCTION

THUYẾT MINH TỔNG HỢP

CHƯƠNG TRÌNH PHÁT TRIỂN ĐÔ THỊ

HUYỆN CÔN ĐẢO GIAI ĐOẠN 2019 – 2030

ĐỊA ĐIỂM: HUYỆN CÔN ĐẢO, TỈNH BÀ RỊA - VŨNG TÀU



BÀ RỊA – VŨNG TÀU, NĂM 2019

**THUYẾT MINH TỔNG HỢP
CHƯƠNG TRÌNH PHÁT TRIỂN ĐÔ THỊ HUYỆN CÔN ĐẢO
GIAI ĐOẠN 2019 - 2030**

ĐỊA ĐIỂM: HUYỆN CÔN ĐẢO, TỈNH BÀ RỊA - VŨNG TÀU

CƠ QUAN THỎA THUẬN, THỐNG NHẤT BẢNG VĂN BẢN BỘ XÂY DỰNG	BỘ TRƯỞNG
CƠ QUAN PHÊ DUYỆT ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BÀ RỊA – VŨNG TÀU	CHỦ TỊCH
CƠ QUAN THẨM ĐỊNH SỞ XÂY DỰNG TỈNH BÀ RỊA – VŨNG TÀU	GIÁM ĐỐC
CHỦ ĐẦU TƯ SỞ XÂY DỰNG TỈNH BÀ RỊA – VŨNG TÀU	GIÁM ĐỐC
ĐƠN VỊ TƯ VẤN TRUNG TÂM KIẾN TRÚC MIỀN NAM	P. GIÁM ĐỐC

MỤC LỤC

DANH MỤC HÌNH ẢNH.....	i
DANH MỤC BẢNG BIỂU.....	ii
PHẦN I: MỞ ĐẦU	1
Chương 1. Cơ sở lập Chương trình phát triển đô thị huyện Côn Đảo giai đoạn 2019 - 2030	1
1.1. Thông tin chung về Chương trình	1
1.2. Lý do và sự cần thiết lập Chương trình phát triển đô thị huyện Côn Đảo giai đoạn 2019 - 2030	1
1.3. Các căn cứ lập Chương trình phát triển đô thị huyện Côn Đảo giai đoạn 2019 - 2030	2
1.3.1. Các căn cứ pháp lý	2
1.3.2. Các số liệu, tài liệu liên quan	4
1.4. Nhiệm vụ của Chương trình.....	4
Chương 2. Tổng quan về huyện Côn Đảo.....	6
2.1. Vị trí địa lý	6
2.2. Đặc điểm điều kiện tự nhiên	6
2.2.1. Đặc điểm địa hình và đất đai.....	6
2.2.2. Khí hậu, thủy văn và hải văn.....	7
2.2.3. Tài nguyên thiên nhiên	7
2.3. Quản lý hành chính.....	8
2.4. Hiện trạng sử dụng đất.....	9
2.5. Tình hình đầu tư xây dựng trên địa bàn huyện Côn Đảo.....	10
Chương 3. Khái quát đồ án điều chỉnh quy hoạch chung xây dựng Côn Đảo được phê duyệt và các quy hoạch liên quan trên địa bàn huyện Côn Đảo	12
3.1. Đồ án điều chỉnh quy hoạch chung xây dựng Côn Đảo đến năm 2030	12
3.1.1. Cấu trúc không gian.....	12
3.1.2. Định hướng phân vùng chức năng	12
3.2. Các quy hoạch xây dựng và quy hoạch ngành liên quan.....	14
PHẦN II: ĐÁNH GIÁ THỰC TRẠNG PHÁT TRIỂN ĐÔ THỊ CÔN ĐẢO THEO CÁC TIÊU CHÍ PHÂN LOẠI ĐÔ THỊ TẠI NGHỊ QUYẾT 1210/2016/UBTVQHQH13.....	16
Chương 4. Đánh giá thực trạng phát triển đô thị huyện Côn Đảo theo tiêu chí đô thị loại IV ..	16
4.1. Tiêu chí 1. Vị trí, chức năng, vai trò, cơ cấu và trình độ phát triển kinh tế - xã hội	16
4.1.1. Tiêu chuẩn vị trí, chức năng, vai trò.....	16
4.1.2. Nhóm tiêu chuẩn cơ cấu và trình độ phát triển kinh tế - xã hội	17
4.2. Tiêu chí 2. Quy mô dân số.....	20
4.2.1. Dân số toàn đô thị.....	20
4.2.2. Dân số khu vực nội thành, nội thị	20
4.3. Tiêu chí 3. Mật độ dân số	20
4.3.1. Mật độ dân số toàn đô thị.....	20
4.3.2. Mật độ dân số khu vực nội thành, nội thị tính trên diện tích đất xây dựng đô thị	21
4.4. Tiêu chí 4. Tỷ lệ lao động phi nông nghiệp	21

4.4.1. Tỷ lệ lao động phi nông nghiệp toàn đô thị	21
4.4.2. Tỷ lệ lao động phi nông nghiệp khu vực nội thành, nội thị	21
4.5. Tiêu chí 5. Trình độ phát triển cơ sở hạ tầng và kiến trúc, cảnh quan đô thị	21
4.5.1. Nhóm các tiêu chuẩn về hạ tầng xã hội	21
4.5.2. Nhóm các tiêu chuẩn về hạ tầng kỹ thuật	24
4.5.3. Nhóm các tiêu chuẩn về vệ sinh môi trường.....	27
4.5.4. Các tiêu chuẩn về nhà tang lễ.....	28
4.5.5. Nhóm các tiêu chuẩn về kiến trúc, cảnh quan đô thị.....	29
4.5.6. Nhóm các tiêu chuẩn về trình độ phát triển cơ sở hạ tầng và kiến trúc, cảnh quan khu vực ngoại thành, ngoại thị (gồm 08 tiêu chuẩn).....	30
PHẦN III: NỘI DUNG CHƯƠNG TRÌNH PHÁT TRIỂN ĐÔ THỊ.....	43
Chương 5. Quan điểm, mục tiêu của Chương trình.....	43
5.1. Quan điểm.....	43
5.2. Mục tiêu	43
Chương 6. Các giải pháp thiết yếu xây dựng Côn Đảo phát triển theo hướng đô thị xanh - thích ứng với biến đổi khí hậu – đô thị thông minh.....	44
6.1. Sử dụng năng lượng hiệu quả.....	44
6.2. Hệ thống thiết bị sử dụng điện năng lượng mặt trời.....	45
6.3. Sử dụng vật liệu hiệu quả.....	46
6.4. Sử dụng nước hiệu quả	46
6.5. Vật liệu xanh	47
6.6. Công trình xanh.....	47
6.7. Tái chế và giảm rác thải.....	48
6.8. Sử dụng hệ thống giao thông công cộng.....	48
6.9. Triển khai các đề án của các ngành, lĩnh vực liên quan đến phát triển đô thị thông minh trên địa bàn tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu	50
Chương 7. Danh mục lộ trình triển khai xây dựng các khu vực phát triển đô thị.....	51
7.1. Định hướng phân bố các khu vực phát triển đô thị huyện Côn Đảo đến năm 2030	51
7.1.1. Cụm khu vực phát triển đô thị trung tâm.....	52
7.1.2. Cụm khu vực phát triển đô thị Bến Đầm	63
7.1.3. Cụm khu vực phát triển đô thị Cỏ Ống.....	68
7.2. Lộ trình triển khai các khu vực phát triển đô thị huyện Côn Đảo đến năm 2030	71
7.2.1. Nguyên tắc xây dựng lộ trình.....	71
7.2.2. Danh mục lộ trình triển khai xây dựng các khu vực phát triển đô thị.....	72
Chương 8. Cụ thể hóa các chỉ tiêu phát triển đô thị cần đạt được cho từng giai đoạn.....	74
8.1. Tiêu chuẩn vị trí, chức năng, vai trò.....	74
8.2. Nhóm tiêu chuẩn cơ cấu và trình độ phát triển kinh tế - xã hội	75
8.3. Nhóm tiêu chuẩn về quy mô dân số, mật độ dân số, tỷ lệ lao động phi nông nghiệp	77
8.3.1. Quy mô dân số.....	77
8.4. Nhóm các tiêu chuẩn về trình độ phát triển cơ sở hạ tầng và kiến trúc, cảnh quan khu vực nội thành, nội thị	80

8.4.1. Nhóm các tiêu chuẩn về nhà ở	80
8.4.2. Nhóm các tiêu chuẩn về công trình công cộng	81
8.4.3. Nhóm các tiêu chuẩn về giao thông	82
8.4.4. Nhóm các tiêu chuẩn về cấp điện và chiếu sáng công cộng	84
8.4.5. Nhóm các tiêu chuẩn về cấp nước	85
8.4.6. Nhóm các tiêu chuẩn về hệ thống viễn thông	86
8.4.7. Nhóm các tiêu chuẩn về hệ thống thoát nước mưa và chống ngập úng	87
8.4.8. Nhóm các tiêu chuẩn về thu gom, xử lý nước thải, chất thải	88
8.4.9. Nhóm các tiêu chuẩn về nhà tang lễ	90
8.4.10. Nhóm các tiêu chuẩn về cây xanh đô thị	91
8.4.11. Nhóm các tiêu chuẩn về kiến trúc, cảnh quan đô thị	92
Chương 9. Xây dựng danh mục dự án hạ tầng kỹ thuật khung, công trình đầu mối hạ tầng kỹ thuật và hạ tầng xã hội ưu tiên đầu tư	95
Chương 10. Xác định kế hoạch vốn cho các dự án ưu tiên đầu tư	100
Chương 11. Xây dựng các giải pháp về cơ chế, chính sách huy động các nguồn vốn	101
11.1. Giải pháp chung	101
11.2. Giải pháp huy động vốn ngân sách	101
11.3. Giải pháp huy động vốn từ các doanh nghiệp và từ nhân dân	101
11.4. Giải pháp huy động vốn nước ngoài	102
11.5. Giải pháp nâng cao năng lực cho cán bộ công chức lãnh đạo, quản lý phát triển	102
Chương 12. Phân công tổ chức thực hiện	103
12.1. Sở Kế hoạch và Đầu tư	103
12.2. Sở Tài nguyên và Môi trường	103
12.3. Sở Tài chính	103
12.4. Sở Xây dựng	103
12.5. Sở Nội vụ	104
12.6. Sở Giao thông Vận tải	104
12.7. Sở Thông tin và Truyền thông	104
12.8. Các Sở, ban, ngành có liên quan	104
12.9. UBND huyện Côn Đảo	104
PHẦN IV: KẾT LUẬN VÀ KIẾN NGHỊ	106
PHỤ LỤC 1. CÁC VĂN BẢN PHÁP LÝ LIÊN QUAN	107
PHỤ LỤC 2. GIẢI TRÌNH Ý KIẾN GÓP Ý CỦA CÁC SỞ, BAN NGÀNH	113
PHỤ LỤC 3. CÁC BẢN VẼ THU NHỎ KHỔ A3	Error! Bookmark not defined.
PHỤ LỤC 4. KẾ HOẠCH VỐN CHO CÁC DỰ ÁN ƯU TIÊN ĐẦU TƯ	Error! Bookmark not defined.

DANH MỤC HÌNH ẢNH

Hình 1. Chuyển dịch cơ cấu kinh tế huyện Côn Đảo giai đoạn 2015 - 2017.....	19
Hình 2. Sơ đồ phân bố các khu vực phát triển đô thị huyện Côn Đảo	52
Hình 3. Vị trí, ranh giới khu vực bảo tồn đô thị (Khu vực 1)	53
Hình 4. Vị trí, ranh giới khu vực cải tạo đô thị (Khu vực 2).....	55
Hình 5. Vị trí, ranh giới khu vực phát triển đô thị mở rộng (Khu vực 3).....	56
Hình 6. Vị trí, ranh giới khu vực phát triển đô thị mở rộng (Khu vực 4).....	57
Hình 7. Vị trí, ranh giới khu vực phát triển đô thị mở rộng (Khu vực 5).....	59
Hình 8. Vị trí, ranh giới khu vực có chức năng chuyên biệt (Khu vực 6)	60
Hình 9. Khu vực có chức năng chuyên biệt (Khu vực 7).....	61
Hình 10. Vị trí, ranh giới khu vực có chức năng chuyên biệt (Khu vực 8)	62
Hình 11. Vị trí, ranh giới khu vực có chức năng chuyên biệt (Khu vực 9)	63
Hình 12. Vị trí, ranh giới khu vực phát triển đô thị mới (Khu vực 10)	64
Hình 13. Vị trí, ranh giới khu vực có chức năng chuyên biệt (Khu vực 11).....	65
Hình 14. Vị trí, ranh giới khu vực có chức năng chuyên biệt (Khu vực 12).....	66
Hình 15. Vị trí, ranh giới khu vực có chức năng chuyên biệt (Khu vực 13).....	66
Hình 16. Vị trí, ranh giới khu vực có chức năng chuyên biệt (Khu vực 14).....	67
Hình 17. Vị trí, ranh giới khu vực phát triển đô thị mới (Khu vực 15)	68
Hình 18. Vị trí, ranh giới khu vực có chức năng chuyên biệt (Khu vực 16).....	69
Hình 19. Vị trí, ranh giới khu vực có chức năng chuyên biệt (Khu vực 17).....	70

DANH MỤC BẢNG BIỂU

Bảng 2.1. Thống kê hiện trạng sử dụng đất huyện Côn Đảo năm 2018	9
Bảng 4.1. Thống kê dân số huyện Côn Đảo giai đoạn 2014 – 2017	19
Bảng 4.2. Thống kê lao động trong các ngành nghề huyện Côn Đảo năm 2018	21
Bảng 4.3. Thống kê diện tích đất dân dụng.....	22
Bảng 4.4. Đánh giá thực trạng chỉ tiêu phát triển đô thị huyện Côn Đảo theo các tiêu chuẩn đô thị loại IV	31
Bảng 4.5. Tổng hợp đánh giá hiện trạng phát triển đô thị Côn Đảo theo tiêu chí đô thị loại V	41
Bảng 4.6. Tổng hợp đánh giá hiện trạng phát triển đô thị Côn Đảo theo tiêu chí đô thị loại IV	41
Bảng 4.7. Thống kê số tiêu chuẩn chưa đạt theo tiêu chí đô thị loại IV	42
Bảng 7.1. Thống kê các khu vực phát triển đô thị huyện Côn Đảo.....	70
Bảng 7.2. Danh mục lộ trình triển khai các KVPTĐT Côn Đảo đến năm 2030.....	72
Bảng 8.1. Cụ thể hóa tiêu chuẩn vị trí, chức năng, vai trò qua các giai đoạn	74
Bảng 8.2. Cụ thể hóa nhóm tiêu chuẩn cơ cấu và trình độ phát triển kinh tế - xã hội qua các giai đoạn.....	75
Bảng 8.3. Cụ thể hóa nhóm tiêu chuẩn về quy mô dân số, mật độ dân số, tỷ lệ lao động phi nông nghiệp	78
Bảng 8.4. Cụ thể hóa nhóm tiêu chuẩn về nhà ở qua các giai đoạn	80
Bảng 8.5. Cụ thể hóa nhóm các tiêu chuẩn về công trình công cộng qua các giai đoạn	81
Bảng 8.6. Cụ thể hóa nhóm các tiêu chuẩn về giao thông qua các giai đoạn	82
Bảng 8.7. Cụ thể hóa các tiêu chuẩn về cấp điện và chiếu sáng công cộng qua các giai đoạn..	84
Bảng 8.8. Cụ thể hóa các tiêu chuẩn về cấp nước qua các giai đoạn	85
Bảng 8.9. Cụ thể hóa các tiêu chuẩn về hệ thống viễn thông qua các giai đoạn.....	86
Bảng 8.10. Cụ thể hóa nhóm các tiêu chuẩn về hệ thống thoát nước mưa và chống ngập úng qua các giai đoạn	87
Bảng 8.11. Cụ thể hóa các tiêu chuẩn về thu gom, xử lý nước thải, chất thải	88
Bảng 8.12. Cụ thể hóa các tiêu chuẩn về nhà tang lễ qua các giai đoạn.....	90
Bảng 8.13. Cụ thể hóa các tiêu chuẩn về cây xanh đô thị qua các giai đoạn.....	91
Bảng 8.14. Cụ thể hóa nhóm tiêu chuẩn về kiến trúc, cảnh quan đô thị qua các giai đoạn.....	92
Bảng 8.15. Lộ trình khắc phục, hoàn thiện các tiêu chuẩn phát triển đô thị Côn Đảo theo tiêu chí đô thị loại IV	94
Bảng 9.1. Xác định danh mục các dự án ưu tiên đầu tư	96

PHẦN I: MỞ ĐẦU

Chương 1. Cơ sở lập Chương trình phát triển đô thị huyện Côn Đảo giai đoạn 2019 - 2030

1.1. Thông tin chung về Chương trình

Tên Chương trình: Chương trình phát triển đô thị huyện Côn Đảo giai đoạn 2019–2030.

Cơ quan tổ chức lập: Sở Xây dựng tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

Đơn vị tư vấn: Trung tâm Kiến trúc Miền Nam.

Cơ quan thẩm định: Sở Xây dựng tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

Cơ quan thỏa thuận, thống nhất bằng văn bản: Bộ Xây dựng.

Cơ quan phê duyệt: Ủy ban nhân dân tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

Phạm vi lập Chương trình: Phạm vi nghiên cứu, lập Chương trình theo đúng ranh giới quy hoạch chung huyện Côn Đảo đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 1518/QĐ-TTg ngày 05/09/2011 với tổng diện tích khoảng 7.678 ha (trong đó đảo Côn Sơn có diện tích khoảng 6.128 ha).

1.2. Lý do và sự cần thiết lập Chương trình phát triển đô thị huyện Côn Đảo giai đoạn 2019 – 2030

Côn Đảo là một quần đảo ở ngoài khơi bờ biển Nam Bộ Việt Nam, là huyện đảo trực thuộc tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu. Huyện gồm 16 hòn đảo, trong đó hòn đảo lớn nhất là Côn Đảo – là trung tâm kinh tế, văn hóa, chính trị, xã hội của huyện. Với bờ biển trải dài khoảng 200km, có nhiều bãi tắm đẹp như bãi Đất Dốc, Bãi Cảnh, bãi Đầm Trầu, bãi Hòn Cau,... các danh lam thắng cảnh mang vẻ đẹp nguyên sơ cùng nhiều địa danh nổi tiếng gắn liền với lịch sử đấu tranh của dân tộc qua các cuộc kháng chiến chống đế quốc; huyện Côn Đảo có nhiều tiềm năng thế mạnh để phát triển các loại hình du lịch, khai thác chế biến hải sản, phát triển cảng biển.

Tại Quyết định số 1518/QĐ-TTg ngày 05/09/2011 của Thủ tướng Chính Phủ về phê duyệt điều chỉnh Quy hoạch chung xây dựng Côn Đảo đến năm 2030 đã định hướng tính chất của Côn Đảo: *“Là khu kinh tế du lịch hiện đại, tâm cờ khu vực và quốc tế. Là khu vực bảo tồn di tích lịch sử có giá trị tôn vinh và giáo dục truyền thống lịch sử. Là khu vực bảo tồn hệ sinh thái đa dạng rừng, biển của quốc gia. Có vị trí quan trọng về an ninh và quốc phòng.”* cho thấy tầm quan trọng của Côn Đảo trong sự phát triển chung của tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu và cả nước.

Nhằm cụ thể hóa các định hướng của Quy hoạch xây dựng vùng tỉnh Bà Rịa –

Vũng Tàu đến năm 2025; Chương trình phát triển đô thị tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu giai đoạn 2015 đến năm 2025; Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội huyện Côn Đảo, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu đến năm 2020, tầm nhìn năm 2030; việc lập Chương trình phát triển đô thị huyện Côn Đảo giai đoạn 2019 – 2030 là rất cần thiết và cấp bách, là cơ sở để huy động tổng hợp các nguồn lực đầu tư phát triển huyện Côn Đảo khắc phục những tiêu chuẩn chưa đạt của đô thị loại V với số điểm cao trong giai đoạn từ nay đến năm 2020, đạt tiêu chuẩn đô thị loại IV trong giai đoạn 2021 – 2025. Chương trình phát triển đô thị sẽ từng bước nâng cao chất lượng cuộc sống dân cư, diện mạo kiến trúc, cảnh quan đô thị theo hướng văn minh, hiện đại, bền vững và giữ gìn giá trị tinh hoa, bản sắc văn hóa.

1.3. Các căn cứ lập Chương trình phát triển đô thị huyện Côn Đảo giai đoạn 2019 - 2030

1.3.1. Các căn cứ pháp lý

Nghị quyết số 1210/2016/UBTVQH13 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về phân loại đô thị;

Nghị định số 11/2013/NĐ-CP ngày 14/01/2013 của Chính phủ về quản lý đầu tư phát triển đô thị;

Quyết định số 1659/QĐ-TTg ngày 07/11/2012 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình phát triển đô thị quốc gia giai đoạn 2012 – 2020;

Thông tư số 12/2014/TT-BXD ngày 25/08/2014 của Bộ Xây dựng hướng dẫn lập, thẩm định và phê duyệt Chương trình phát triển đô thị;

Quyết định số 05/2016/QĐ-UBND ngày 01/02/2016 của UBND tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu phê duyệt Chương trình phát triển đô thị tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu giai đoạn năm 2015 đến năm 2025;

Quyết định số 1518/QĐ-TTg ngày 05/09/2011 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt điều chỉnh Quy hoạch chung xây dựng Côn Đảo, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu đến năm 2030;

Quyết định số 2737/QĐ-UBND ngày 12/12/2014 của UBND tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu phê duyệt điều chỉnh cục bộ quy hoạch chung xây dựng Côn Đảo, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

Quyết định số 3352/QĐ-UBND ngày 16/11/2017 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu phê duyệt đề cương Chương trình phát triển đô thị huyện Côn Đảo giai đoạn 2018 – 2025;

Quyết định số 3064/QĐ-UBND ngày 11/09/2008 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu phê duyệt Quy hoạch xây dựng vùng tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu đến năm

2025;

Quyết định số 1742/QĐ-BKHĐT ngày 15/11/2011 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư về việc phê duyệt quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội huyện Côn Đảo, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030;

Quyết định số 2163/QĐ-TTg ngày 02/12/2015 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Điều chỉnh quy hoạch tổng thể bảo tồn, tôn tạo và phát huy giá trị Di tích lịch sử quốc gia đặc biệt Côn Đảo, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu;

Quyết định số 120/QĐ-TTg ngày 21/01/2009 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Dự án Quy hoạch tổng thể đầu tư phát triển Vườn quốc gia Côn Đảo, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu giai đoạn đến năm 2020;

Quyết định số 870/QĐ-TTg ngày 17/6/2015 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt quy hoạch tổng thể phát triển khu du lịch quốc gia Côn Đảo, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu đến năm 2030;

Quyết định số 264/2005/QĐ-TTg ngày 25/10/2005 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án phát triển kinh tế - xã hội huyện Côn Đảo, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu đến năm 2020;

Nghị quyết số 09-NQ/TU ngày 27/12/2017 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh về phát triển du lịch chất lượng cao tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu giai đoạn 2017 – 2020, định hướng đến năm 2030;

Quyết định số 1267/QĐ-UBND ngày 17/5/2018 của UBND tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu ban hành chương trình hành động của UBND tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu thực hiện Nghị quyết số 09-NQ/TU ngày 27/12/2017 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh về phát triển du lịch chất lượng cao tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu giai đoạn 2017 – 2020, định hướng đến năm 2030;

Quyết định số 1037/QĐ-TTg ngày 24/6/2014 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt điều chỉnh Quy hoạch phát triển hệ thống cảng biển Việt Nam đến năm 2020, định hướng đến năm 2030;

Quyết định số 1009/QĐ-UBND ngày 28/4/2016 của UBND tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu về việc phê duyệt quy hoạch phân khu tỷ lệ 1/2000 khu Bến Đầm, huyện Côn Đảo, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu;

Quyết định số 1010/QĐ-UBND ngày 28/4/2016 của UBND tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu về việc phê duyệt quy hoạch phân khu tỷ lệ 1/2000 khu trung tâm Côn Sơn, huyện Côn Đảo, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu;

Quyết định số 32/2013/QĐ-TTg ngày 22/5/2013 của Thủ tướng Chính phủ về một số cơ chế, chính sách ưu đãi đối với địa bàn Côn Đảo.

1.3.2. Các số liệu, tài liệu liên quan

Đồ án điều chỉnh Quy hoạch chung xây dựng Côn Đảo, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu đến năm 2030;

Nghị quyết số 09-NQ/TU ngày 27/12/2017 của Ban chấp hành Đảng bộ tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu về phát triển du lịch chất lượng cao tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu giai đoạn 2017 – 2020, định hướng đến năm 2030;

Quyết định số 2351/QĐ-TTg ngày 24/12/2014 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Quy hoạch tổng thể phát triển du lịch vùng Đông Nam Bộ đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030;

Quy hoạch phân khu tỷ lệ 1/2000 khu trung tâm Côn Sơn, huyện Côn Đảo, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

Quy hoạch phân khu tỷ lệ 1/2000 Khu Bến Đầm, huyện Côn Đảo, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu;

Quy hoạch tổng thể phát triển Khu du lịch quốc gia Côn Đảo, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu đến năm 2030;

Đề án quy hoạch phát triển nguồn năng lượng trên địa bàn huyện Côn Đảo, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu đến năm 2020, có xét đến năm 2030.

Kế hoạch đầu tư công năm 2019 trên địa bàn tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu (Nghị quyết số 85/NQ-HĐND ngày 14/12/2018 của HĐND tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu);

Các bản đồ quy hoạch, bản đồ địa giới hành chính, bản đồ khác có liên quan;

Các số liệu điều tra về kinh tế, văn hóa, xã hội,...liên quan phục vụ nghiên cứu Chương trình.

1.4. Nhiệm vụ của Chương trình

Chương trình phát triển đô thị huyện Côn Đảo giai đoạn 2019 – 2030 phải hoàn thành các nhiệm vụ cụ thể sau:

- Xác định danh mục lộ trình triển khai xây dựng các khu vực phát triển đô thị Côn Đảo cho từng giai đoạn 5 năm và ưu tiên giai đoạn đầu (5 năm và hàng năm) phù hợp các giai đoạn của quy hoạch chung đô thị đã được duyệt;

- Cụ thể hóa các chỉ tiêu phát triển đô thị cần đạt được cho từng giai đoạn 5 năm và hàng năm phù hợp quy hoạch chung đô thị, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội được phê duyệt;

- Xây dựng danh mục dự án hạ tầng kỹ thuật khung và công trình đầu mối hạ tầng kỹ thuật và hạ tầng xã hội ưu tiên đầu tư nhằm kết nối các khu vực phát triển đô thị với hệ thống hạ tầng kỹ thuật chung của đô thị;

- Xác định kế hoạch vốn cho các công trình hạ tầng kỹ thuật khung và công trình

đầu mối ưu tiên phù hợp với điều kiện phát triển thực tế của địa phương;

- Xây dựng các giải pháp về cơ chế, chính sách huy động các nguồn vốn hợp pháp trong và ngoài nước cho đầu tư phát triển đô thị;
- Phân công tổ chức thực hiện.

Chương 2. Tổng quan về huyện Côn Đảo

2.1. Vị trí địa lý

Huyện Côn Đảo nằm ở vùng biển phía Đông Nam Việt Nam, cách thành phố Vũng Tàu 97 hải lý (khoảng 185 km), cách cửa sông Hậu 83 km và cách đường hàng hải quốc tế 60 km, ở vị trí ngã tư của đường biển quốc tế, điểm cắt của hai tuyến đường hàng hải từ phía Nam lên phía Bắc Á và tuyến hàng hải đi từ phía Đông sang phía Tây và ngược lại.

Côn Đảo còn nằm trong vành đai kinh tế ven biển phía Đông – Tây – Nam: Côn Đảo – Năm Căn – Hà Tiên – Phú Quốc – Singapore và nằm giữa ngư trường hải sản lớn của cả nước. Côn Đảo là cửa ngõ của Việt Nam kết nối với các nước khu vực ASEAN theo đường biển.

2.2. Đặc điểm điều kiện tự nhiên

2.2.1. Đặc điểm địa hình và đất đai

Phần lớn diện tích đất huyện Côn Đảo phân bố trên các dạng địa hình núi dốc mạnh. Trong tổng quỹ đất, diện tích đất có độ dốc hơn 25⁰ chiếm tới hơn 63,6% (toàn bộ là tầng mỏng dưới 50cm); đất có độ dốc dưới 15⁰ chiếm gần 13,4% và chủ yếu là tầng lớn hơn 50 cm); còn lại là đất có độ dốc từ 15 - 20⁰ chứa cả hai tầng đất nhỏ hơn và lớn hơn 50 cm. Có thể thấy, Côn Đảo có tới 2/3 diện tích là rừng núi; địa hình được chia làm hai vùng rõ rệt là vùng đồng bằng và vùng núi:

- Vùng đồng bằng thấp ven biển phân bố chủ yếu trên đảo chính, cao độ thường từ 4-15m, đất có nguồn gốc biển gồm các trầm tích cát và mảnh vụn sinh vật.

- Vùng đồi núi: Phân bố trên toàn bộ các đảo và tiểu đảo với độ cao 20 mét trở lên trên mực nước biển. Tại các tiểu đảo, ngọn núi cao nhất cũng chỉ cao 352 mét (hòn Bảy Cạnh). Trong khi đó, tại đảo Côn Sơn, núi Thánh Giá cao 577 mét và Núi Chúa cao 515 mét. Địa hình của các vùng đồi núi được hình thành từ quá trình phun trào Magma và thẩm thấu qua nhiều kỷ từ thời kỳ tiền Mesozoic cho đến đầu thời kỳ Cenozoic, và kỷ trầm tích thứ Tư đã tạo ra lớp phủ bề mặt.

Quỹ đất xây dựng: Xét về điều kiện mặt bằng cũng như chất lượng đất, diện tích đất thuận lợi cho xây dựng cơ sở hạ tầng cũng như phát triển nông nghiệp của Côn Đảo không nhiều. Nếu khai thác tối đa diện tích ở độ dốc dưới 20⁰ cho nông nghiệp và xây dựng thì quy mô chỉ khoảng gần 1.360 ha, trong đó diện tích có khả năng nông nghiệp chỉ khoảng 570 ha (chiếm gần 7,6% diện tích tự nhiên).

a) *Khu vực trung tâm*: Côn Đảo có diện tích thuận lợi cho bố trí xây dựng đô thị và kinh tế khoảng 591 ha, trong đó địa hình bằng phẳng, là khu đất sát biển. Phần lớn

đất xây dựng được dành cho xây dựng nhà tù cách đây hơn 100 năm và một phần khoảng 30 ha là nghĩa trang Hàng Dương, Hàng Keo. Khu dân cư thị trấn nằm sát khu nhà tù cũ, một bộ phận nằm dọc theo đường ven núi phía khu vực An Hải tới khu vực Mũi Lò Vôi.

b) *Khu Cỏ Ống*: Có địa hình phức tạp hơn khu trung tâm. Diện tích thuận lợi cho bố trí xây dựng đô thị và kinh tế có khoảng 330 ha. Khu đất đã được bố trí sân bay Cỏ Ống, phía Đông Nam sân bay hiện tại là khu đất nông nghiệp và đồi cát thấp.

c) *Khu Bến Đầm*: Địa hình rất dốc, diện tích thuận lợi dành cho xây dựng ít, có khoảng 76 ha, dành cho dịch vụ hậu cần thủy sản và tiểu thủ công nghiệp.

Như vậy, địa hình của Côn Đảo có bãi biển, núi, và địa hình bị chia cắt mạnh.

2.2.2. Khí hậu, thủy văn và hải văn

a) Khí hậu: Côn Đảo có khí hậu xích đạo hải dương, khí hậu phân ra hai mùa rõ rệt:

- Mùa khô từ tháng 12 đến tháng 4 năm sau (có gió mùa Đông Bắc) có tốc độ gió trung bình 0,8 - 1,5 m/s;

- Mùa mưa từ tháng 5 đến tháng 11 (có gió mùa Tây Nam) có tốc độ gió trung bình 0,7 - 1,5 m/s.

b) Thủy văn: Chế độ thủy văn ở huyện Côn Đảo phân bố không đều theo hai mùa; suối trên đảo ít và ngắn, dốc với tổng chiều dài khoảng 37,6 km. Các suối lớn trên đảo gồm: suối An Hải, Ốt, Lò Vôi và suối Tà.

c) Hải văn: Theo chế độ bán nhật triều (ngày lên xuống 02 lần), dao động từ 17 cm đến 344 cm (trung bình 243 cm); độ mặn của nước biển khá thấp khoảng 16,9% - 34,0%; nhiệt độ nước biển ấm khoảng 25,7°C – 33°C. Dòng chảy ven đảo phụ thuộc địa hình bờ đảo và hình dạng các đảo. Sóng biển, hướng sóng trùng với hướng gió. Về mùa khô sóng có hướng Đông Bắc, đây là hướng sóng thịnh hành trong năm, có tần suất chiếm tới 60%, độ cao trung bình của sóng là từ 0,5 - 1,8m. Mùa gió Tây Nam, sóng cũng có hướng Tây Nam, độ cao trung bình là 0,3 - 1,5m.

2.2.3. Tài nguyên thiên nhiên

a) Nước ngọt:

Nước ngọt bao gồm nước mặt và nước dưới đất, là loại tài nguyên quý đối với Côn Đảo.

b) Nước dưới đất:

Ở Côn Đảo không có nước ngầm mà chỉ có nước mạch ngang, nước lưu trong đất trước khi đổ ra biển. Theo điều tra khảo sát của Liên đoàn địa chất thủy văn Địa chất công trình miền Nam - Cục địa chất và Khoáng sản Việt Nam, trữ lượng khai thác tiềm

năng tài nguyên nước khoảng 40.850 m³/ngày, phân bố ở thung lũng trung tâm Côn Sơn là 20.822 m³/ngày và ở thung lũng đồng bằng Cỏ Ống khoảng 20.028 m³/ ngày. Trữ lượng khai thác cấp công nghiệp bằng 65% trữ lượng bổ cấp do mưa, tức là 4.000 m³/ngày ở Côn Sơn và 500 m³/ngày ở Cỏ Ống.

c) Nước mặt: Hiện nay Côn Đảo có hồ An Hải 1 và hồ Quang Trung 1 với tổng lượng nước khoảng 480.000 m³. Có thể khai thác khoảng 1.000 m³/ngày.

Đánh giá chung: tổng lượng nước có thể khai thác vào khoảng 5.500 m³/ngày. Trong đó nước dưới đất có thể khai thác ở thung lũng Côn Sơn khoảng 4.000 m³/ngày. Đối với khu vực Cỏ Ống khoảng 500 m³/ngày và khai thác trực tiếp ở 2 hồ hiện hữu là 1.000 m³/ngày.

d) Tài nguyên rừng, biển và động, thực vật:

Côn Đảo là huyện có độ che phủ rừng cao nhất tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, chiếm 80,63% diện tích tự nhiên toàn đảo và 16,65% đất rừng toàn tỉnh (tính đến thời điểm tháng 12/2015). Hầu hết rừng của Côn Đảo nằm trong vườn Quốc gia Côn Đảo. Vườn quốc gia Côn Đảo được thành lập theo Quyết định số 135/QĐ-TTg ngày 31/03/1993 của Thủ tướng Chính phủ. Vườn Quốc Gia Côn Đảo là một trong hai Vườn Quốc gia kết hợp đất liền và biển của Việt Nam, bao gồm các nguồn tài nguyên thiên nhiên trên biển và trên cạn.

Hiện nay, Vườn Quốc gia đã bao trùm 14 trong tổng số 16 đảo và cả khu vực biển xung quanh. Rừng phủ trên đảo khá dày đặc: phần lớn là những khu rừng nguyên sinh, đặc biệt là những khu rừng đồi ẩm mọc ở độ cao trên mặt biển 500 mét. Trong Vườn Quốc gia rộng hàng ngàn ha này có rạn san hô vùng nước nông. Đây là một đặc điểm nổi bật so với những vùng biển khác của Việt Nam. Năm 1998, Vườn Quốc gia đã được mở rộng lên tổng diện tích là 19.990,7 ha. Trong đó bao gồm diện tích rừng là 5.990,7 ha và 14.000 ha diện tích biển.

Nguồn lợi biển đa dạng và phong phú về số lượng cũng như về trữ lượng các loài sinh vật biển. Vùng biển của Côn Đảo mang tính chất hệ sinh thái biển nhiệt đới nên rất đa dạng và phong phú về số lượng cũng như về trữ lượng các loài sinh vật biển.

Cấu trúc của hệ sinh thái biển ở nhiều khu vực như vịnh Đông Bắc và phía Tây Bắc đảo Côn Sơn (từ hòn Tre Lớn đến mũi Việt Minh) còn tương đối nguyên vẹn, có giá trị tương đối cao về kinh tế, du lịch và khoa học.

2.3. Quản lý hành chính

Côn Đảo là đơn vị hành chính cấp huyện trực thuộc tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu. Côn Đảo chỉ có chính quyền cấp huyện, không có chính quyền cấp xã trực thuộc; dưới cấp huyện gồm có 10 khu dân cư.

Hệ thống chính trị của huyện Côn Đảo hoạt động theo đúng chức năng, nhiệm vụ được quy định tại Luật tổ chức chính quyền địa phương

2.4. Hiện trạng sử dụng đất

Hiện trạng sử dụng đất đai trên địa bàn huyện Côn Đảo được thể hiện trên bảng sau:

Bảng 2.1. Thống kê hiện trạng sử dụng đất huyện Côn Đảo năm 2018

STT	Loại đất	Diện tích (ha)	Tỷ lệ (%)
	Tổng diện tích tự nhiên	7537,29	100,00
I	Đất nông nghiệp	6686,13	88,71
1.1	Đất trồng cây hàng năm khác	61,65	0,82
1.2	Đất trồng cây lâu năm	42,86	0,57
1.3	Đất rừng phòng hộ	605,24	8,03
1.4	Đất rừng đặc dụng	5971,06	79,22
1.5	Đất nuôi trồng thủy sản	2,04	0,03
1.6	Đất nông nghiệp khác	3,28	0,04
II	Đất phi nông nghiệp	851,16	11,29
2.1	Đất quốc phòng	180,20	2,39
2.2	Đất an ninh	3,81	0,05
2.3	Đất cụm công nghiệp	20,25	0,27
2.4	Đất thương mại, dịch vụ	102,19	1,36
2.5	Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp	11,34	0,15
2.6	Đất hạ tầng	305,69	4,06
	<i>Đất giao thông</i>	<i>195,26</i>	<i>2,59</i>
	<i>Đất thủy lợi</i>	<i>75,87</i>	<i>1,01</i>
	<i>Đất công trình năng lượng</i>	<i>12,70</i>	<i>0,17</i>
	<i>Đất công trình bưu chính viễn thông</i>	<i>1,82</i>	<i>0,02</i>
	<i>Đất cơ sở văn hóa</i>	<i>8,22</i>	<i>0,11</i>
	<i>Đất cơ sở y tế</i>	<i>1,47</i>	<i>0,02</i>
	<i>Đất cơ sở giáo dục - đào tạo</i>	<i>7,97</i>	<i>0,11</i>
	<i>Đất cơ sở thể dục - thể thao</i>	<i>1,30</i>	<i>0,02</i>
	<i>Đất chợ</i>	<i>1,08</i>	<i>0,01</i>
2.7	Đất có di tích lịch sử - văn hóa	52,17	0,69
2.8	Đất bãi thải, xử lý chất thải	10,68	0,14
2.9	Đất ở tại nông thôn	44,66	0,59
2.10	Đất xây dựng trụ sở cơ quan	5,88	0,08
2.11	Đất xây dựng trụ sở của tổ chức sự nghiệp	7,92	0,11
2.12	Đất nghĩa trang, nghĩa địa, nhà tang lễ, NHT	1,60	0,02
2.13	Đất sản xuất vật liệu xây dựng, làm đồ gốm	5,36	0,07
2.14	Đất sinh hoạt cộng đồng	0,74	0,01

STT	Loại đất	Diện tích (ha)	Tỷ lệ (%)
2.15	Đất khu vui chơi giải trí công cộng	3,31	0,04
2.16	Đất sông ngòi, kênh rạch, suối	1,12	0,01
2.17	Đất có mặt nước chuyên dùng	93,10	1,24
2.18	Đất phi nông nghiệp khác	1,14	0,02

2.5. Tình hình đầu tư xây dựng trên địa bàn huyện Côn Đảo

Hiện nay trên địa bàn huyện Côn Đảo có 12 dự án đang hoạt động và 11 dự án đang triển khai. Chi tiết các dự án được thể hiện trong bảng sau:

STT	Tên dự án đầu tư	Diện tích	Địa điểm	Nhà đầu tư	Vốn đầu tư	
		(Ha)			Triệu đồng	Triệu USD
I	Dự án đang hoạt động					
I.1	Nuôi cây ngọc trai Côn Đảo	100,60	Bến Đầm	Công ty TNHH Ngọc Trai Côn Đảo	9.500	
I.2	Khách sạn Sài Gòn Tourist Côn Đảo	0,60	Đường Tôn Đức Thắng	Công ty DL Sài Gòn Tourist Côn Đảo	65.000	
I.3	Nhà nghỉ công nhân lao động Côn Đảo		Nguyễn Đức Thuận	Liên đoàn lao động tỉnh		
I.4	Nhà nghỉ ATC		Tôn Đức Thắng	Công ty ATC		
I.5	Tàu cao tốc vận chuyển hàng hóa và hành khách tuyến Côn Đảo - Sóc Trăng và ngược lại		Bến Đầm	Công ty CP Tàu cao tốc Super Dong - Kiên Giang	100.000	
I.6	Dịch vụ lặn biển		VQG Côn Đảo	Công ty TNHH Cầu Vòng		
I.7	Dịch vụ lặn biển		VQG Côn Đảo	Công ty TNHH lặn biển Côn Đảo		
I.8	Dịch vụ lặn biển		VQG Côn Đảo	Công ty TNHH Giác quan Côn Đảo		
I.9	KDL Côn Đảo Resort	12,80	Côn Đảo	Công ty TNHH Côn Đảo Resort		25
I.10	KDL Côn Đảo Residences	12,80	Côn Đảo	Công ty Hideaway Residences Limited		9
I.11	KDL Poulo Condor	29,26	Cò Ông	Công ty CP Cam Ly		
I.12	Trạm kinh doanh xăng dầu Thu Tâm	0,12	Trung tâm Côn Đảo	DNTN gas Thu Tâm		
II	Dự án đang triển khai					

STT	Tên dự án đầu tư	Diện tích	Địa điểm	Nhà đầu tư	Vốn đầu tư	
		(Ha)			Triệu đồng	Triệu USD
II.1	KDL San Hô Xanh	1,62	Trung tâm Côn Đảo	Công ty CP Du lịch San Hô Xanh	12.000	
II.2	Khách sạn Pearl Island	0,16	Đường Ngô Gia Tự	Công ty CP Vật tư Thiết bị Vũng Tàu (Mepasco)	61.700	
II.3	Văn phòng và phòng trưng bày sản phẩm mỹ nghệ tại huyện Côn Đảo	0,05	Đường Hoàng Quốc Việt	Hợp tác xã sản xuất và kinh doanh mỹ nghệ Côn Đảo	800	
II.4	Cụm khách sạn Phi Yến	1,05	Côn Đảo	Công ty TNHH Hương Phong		
II.5	Nhà máy điện gió huyện Côn Đảo	12,30	Côn Đảo	Công ty CP Phát triển công nghiệp Tài nguyên xanh	345.000	
II.6	Nhà máy điện năng lượng mặt trời	8,95	Đất Dốc	Công ty TNHH MTV Sản xuất và Thương mại Terra Wood	300.000	
II.7	Văn phòng làm việc, Khu biệt thự du lịch	0,13	Góc đường Nguyễn Đức Thuận - Ngô Gia Tự	Công ty TNHH Quyết Thắng		
II.8	Siêu thị hoa quả, rau sạch và dịch vụ hoa hồng vàng	0,25	Đường Tôn Đức Thắng	Công ty CP Thực phẩm Hoa Hồng Vàng	33.700	
II.9	Nhà máy điện mặt trời	6,00	Côn Đảo	Công ty TNHH Luxco Vina		15
II.10	KDL nghỉ mát Việt Nga	6,80	Bến Đầm	Công ty TNHH Việt Nga		5
II.11	KDL nghỉ dưỡng và lướt sóng Condao - Shangrila	23,35	Suối Ốt, VQG Côn Đảo	Jonh Royden Eliis		1

Chương 3. Khái quát đồ án điều chỉnh quy hoạch chung xây dựng Côn Đảo được phê duyệt và các quy hoạch liên quan trên địa bàn huyện Côn Đảo

3.1. Đồ án điều chỉnh quy hoạch chung xây dựng Côn Đảo đến năm 2030

Đồ án điều chỉnh quy hoạch chung xây dựng Côn Đảo đến năm 2030 được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 1518/QĐ-TTg ngày 05/9/2011.

3.1.1. Cấu trúc không gian

Là đảo sinh thái đặc thù với mô hình cấu trúc phân tán đa trung tâm. Mỗi khu vực đều được gắn kết với hệ sinh thái rừng tự nhiên và mặt biển. Cấu trúc chính của đảo bao gồm:

a) Vùng ưu tiên dành cho bảo tồn hệ sinh thái tự nhiên có diện tích khoảng 6.545 ha bao gồm Vườn Quốc gia Côn Đảo (phần trên cạn khoảng 5.990 ha), các đảo nhỏ và các diện tích tự nhiên khác (khoảng 555 ha).

b) Vùng ưu tiên phát triển đô thị, du lịch bao gồm:

Khu vực Trung tâm đảo và thị trấn Côn Sơn.

- Khu cảng hàng không và tổ hợp đô thị du lịch Cỏ Ống, Đầm Tre.

- Khu hậu cần, cảng biển và đô thị Vịnh Bến Đầm.

3.1.2. Định hướng phân vùng chức năng

a) Định hướng cho vùng dành cho bảo tồn hệ sinh thái: Vườn Quốc gia Côn Đảo là khu vực bảo tồn hệ sinh thái tự nhiên rừng và biển, kết hợp khai thác tham quan du lịch. Định hướng phát triển tại vùng này như sau:

- Khu vực đảo chính: Quy hoạch phát triển các dịch vụ du lịch dưới tán rừng tại một số địa điểm phù hợp để đa dạng hóa các loại hình du lịch và khai thác tiềm năng của Vườn.

- Các bãi tắm nhỏ: Tại các bãi tắm nhỏ (bãi Ông Cường, Ông Đụng, Ông Cầu, Đất Thắm...) phát triển các điểm du lịch sinh thái quy mô nhỏ.

- Các đảo nhỏ: Tại các đảo có khả năng khai thác du lịch (hòn Bà, Bảy Cảnh, Tre Lớn, Cau,...) phát triển các dịch vụ và bãi tắm nhỏ. Một số đảo gắn với các chứng tích lịch sử cách mạng nghiên cứu gắn vào các tuyến du lịch trên biển.

- Vườn Quốc gia - Phần đa dạng sinh học biển: Tổ chức du lịch biển theo các tuyến. Xác định và khoanh vùng các khu vực được phép bơi lội, neo đỗ tàu thuyền và quan sát khu bảo tồn san hô, rùa biển,...

b) Định hướng vùng ưu tiên phát triển đô thị - du lịch:

b1) Khu Trung tâm Côn Sơn: Là khu vực đô thị di sản - đô thị du lịch, với các chức năng hành chính, văn hóa, giáo dục, y tế, dịch vụ. Khu vực được định hướng phát

triển như sau:

- Khu di tích Côn Đảo: Đối với khu vực xung quanh di tích gốc, định hướng quy hoạch thành các không gian đệm, không gian mở - quảng trường, không gian cây xanh, không gian văn hóa và các hạng mục kiến trúc hỗ trợ trong khai thác các di tích.

- Các khu đô thị - du lịch phát triển mới: Ưu tiên phát triển theo hướng tách khỏi di tích, hướng vào khu vực phía Bắc hồ Quang Trung, sát chân núi với một số khu vực như: Khu đô thị phía Bắc hồ Quang Trung có quy mô khoảng 60 ha; khu dân cư mới phía Đông di tích chuồng bò khoảng 15 ha.

- Các dân cư hiện trạng cải tạo: Bổ sung các công trình hạ tầng xã hội và hạ tầng kỹ thuật, cây xanh cho các khu dân cư như: Khu dân cư Tây Bắc giáp chân núi (làng An Hải) khoảng 10 ha, khu dân cư đường Phan Châu Trinh khoảng 27 ha, khu dân cư nông nghiệp phía Bắc nghĩa trang Hàng Dương khoảng 8 ha.

- Các khu du lịch - dịch vụ nghỉ dưỡng riêng biệt: Phát triển theo hướng tách xa khỏi khu di tích. Các khu du lịch phát triển dọc các bãi biển và các triền núi, bao gồm: Khu du lịch Bãi đất Dốc, khu Du lịch dọc ven biển đoạn từ đầu đường Nguyễn Đức Thuận giao với đường Tôn Đức Thắng đến khu công ty Ngọc Trai Côn Đảo. Tổng diện tích khoảng 30 ha.

- Khu hỗn hợp: Là các khu vực đô thị hiện hữu sát với vùng bảo tồn di tích với tổng diện tích khoảng 78 ha, được quy hoạch sử dụng chủ yếu cho mục đích dịch vụ du lịch, dân cư, các công trình công cộng. Trong đó, đối với các khu vực trung tâm đã ổn định cải tạo cảnh quan hiện hữu để tăng tính hấp dẫn của đô thị. Đối với khu vực xây dựng mới phía Tây Nam đang đầu tư hệ thống hạ tầng kỹ thuật ưu tiên phát triển các dịch vụ phục vụ du lịch.

- Khu công viên - cây xanh - mặt nước: Phát triển hệ thống công viên cây xanh sinh thái quy mô lớn kết hợp với vùng cách ly bảo vệ nguồn nước (hồ An Hải, Hồ Quang Trung). Phát triển mở rộng hồ Quang Trung để tăng khả năng lưu trữ nước. Tổng diện tích khu vực cây xanh, mặt nước khoảng 140 ha.

- Khu sinh thái nông nghiệp: Bảo vệ và lưu giữ diện tích đất nông nghiệp phù hợp phía Bắc nghĩa trang Hàng Dương, cải tạo thành vùng chuyên canh, nông nghiệp sạch năng suất cao phục vụ một phần nhu cầu về thực phẩm và khai thác du lịch với diện tích khoảng 20 ha.

b2) Khu Cỏ Ống - Đầm Tre: Là đô thị du lịch và thương mại - Đô thị hàng không. Quy mô dân số phù hợp đến năm 2030 là khoảng 4.000 người với khoảng 700 - 800 phòng khách sạn. Mật độ dân cư khoảng 10 người/ha. Khu vực được định hướng phát triển không gian như sau:

- Khu vực cảng hàng không Côn Sơn và đô thị thương mại Cỏ Ống gắn với cảng hàng không: Nâng cấp sân bay kết hợp cùng hệ thống dịch vụ thương mại sân bay với tổng diện tích khoảng 111 ha. Phát triển một khu hỗn hợp với hạ tầng đồng bộ và hiện đại bao gồm các trung tâm dịch vụ lớn, các trung tâm thương mại miễn thuế, các trung tâm dịch vụ tài chính, viễn thông, lữ hành... gắn với cảng hàng không quy mô khoảng 08 ha. Khu đô thị mới gắn với cảng hàng không có quy mô khoảng 20 ha. Khu dân cư hiện trạng cải tạo khoảng 9 ha.

- Khu đô thị du lịch riêng biệt: Phát triển tổ hợp đô thị du lịch cao cấp ven biển tách ra khỏi đô thị hàng không với các loại hình khách sạn, resort và các dịch vụ du lịch khác với tổng diện tích khoảng 80 ha trong đó khu du lịch tập trung quy mô khoảng 30 ha, các khu resort phân tán (các khu ven núi, bãi Đầm Trầu, Ông Cường, Đầm Tre...) khoảng 50 ha.

- Khu vực sinh thái tự nhiên và đất dự trữ phát triển: Bảo tồn diện tích các vùng sinh thái còn lại dành cho phát triển đất nông nghiệp, cây xanh, rừng tự nhiên, rừng trồng, mặt nước... Dự trữ đất cho phát triển dịch vụ du lịch cao cấp.

b3) Khu Bến Đầm: Là đô thị dịch vụ - đô thị cảng phục vụ cho các hoạt động hậu cần cảng và các hoạt động du lịch nghỉ dưỡng. Quy mô dân số phù hợp đến năm 2030 là khoảng 3.000 người và khoảng 500 phòng khách sạn. Khu vực được định hướng phát triển không gian như sau:

- Khu dân cư đô thị và dịch vụ: Cải tạo và nâng cấp các khu dân cư cũ, phát triển thêm các loại hình dịch vụ để phục vụ cho các hoạt động của cảng Bến Đầm với quy mô khoảng 28 ha.

- Các khu nghỉ dưỡng riêng biệt: Xây dựng một số khu nghỉ dưỡng riêng biệt với 02 loại hình là các khu biệt thự nghỉ dưỡng gắn với mặt nước và các khu sinh thái nghỉ dưỡng trên núi với tổng quy mô khoảng 25 ha.

- Khu vực cảng Bến Đầm và các khu dịch vụ đi kèm: Xây dựng tổ hợp dịch vụ thương mại gắn với cảng Bến Đầm với quy mô khoảng 05 ha. Nâng cấp cảng và hệ thống kho bãi kết hợp với các không gian cho các hoạt động hậu cần cảng. Đầu tư xây dựng cảng du lịch chuyên dụng về phía Bắc cảng Bến Đầm hiện nay. Tổng quy mô khu vực cảng khoảng 40 ha.

3.2. Các quy hoạch xây dựng và quy hoạch ngành liên quan

- Quy hoạch phân khu tỷ lệ 1/2.000 khu trung tâm Côn Sơn được UBND tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu phê duyệt tại Quyết định số 1010/QĐ-UBND ngày 28/4/2016.

- Quy hoạch phân khu tỷ lệ 1/2.000 khu Bến Đầm được UBND tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu phê duyệt tại Quyết định số 1009/QĐ-UBND ngày 28/4/2016.

- Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội huyện Côn Đảo, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu đến năm 2020, tầm nhìn năm 2030 được Bộ Kế hoạch và Đầu tư phê duyệt tại Quyết định số 1742/QĐ-BKHĐT ngày 15/11/2011.

- Đề án phát triển kinh tế - xã hội huyện Côn Đảo, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu đến năm 2020 được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 264/2005/QĐ-TTg ngày 25/10/2005.

- Quy hoạch tổng thể phát triển Khu du lịch quốc gia Côn Đảo đến năm 2030 được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 870/QĐ-TTg ngày 17/6/2015.

- Quy hoạch tổng thể bảo tồn, tôn tạo và phát huy giá trị Di tích lịch sử quốc gia đặc biệt Côn Đảo được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 2163/QĐ-TTg ngày 02/12/2015.

- Quy hoạch tổng thể đầu tư phát triển Vườn quốc gia Côn Đảo giai đoạn đến năm 2020 được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 120/QĐ-TTg ngày 21/01/2009.

- Đề án quy hoạch phát triển nguồn năng lượng trên địa bàn huyện Côn Đảo đến năm 2020, có xét đến năm 2030 được UBND tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu phê duyệt tại Quyết định số 314/QĐ-UBND ngày 10/02/2015.

- Quyết định số 32/2013/QĐ-TTg ngày 22/5/2013 của Thủ tướng Chính phủ về một số cơ chế, chính sách ưu đãi đối với địa bàn Côn Đảo.

PHẦN II: ĐÁNH GIÁ THỰC TRẠNG PHÁT TRIỂN ĐÔ THỊ CÔN ĐẢO THEO CÁC TIÊU CHÍ PHÂN LOẠI ĐÔ THỊ TẠI NGHỊ QUYẾT 1210/2016/UBTVQH13

Chương 4. Đánh giá thực trạng phát triển đô thị huyện Côn Đảo theo tiêu chí đô thị loại IV

Việc phân loại đô thị, đánh giá thực trạng phát triển đô thị cho huyện Côn Đảo trên cơ sở áp dụng “Điều 9. Phân loại đô thị áp dụng cho một số đô thị có tính chất đặc thù” của Nghị quyết số 1210/2016/UBTVQH, cụ thể như sau: “Đô thị ở hải đảo thì tiêu chí trình độ phát triển cơ sở hạ tầng và kiến trúc cảnh quan đô thị tối thiểu đạt 50% mức quy định; các tiêu chí về quy mô dân số, mật độ dân số, tỷ lệ lao động phi nông nghiệp và tiêu chuẩn về kinh tế - xã hội tối thiểu đạt 30% mức quy định của loại đô thị tương ứng”.

4.1. Tiêu chí 1. Vị trí, chức năng, vai trò, cơ cấu và trình độ phát triển kinh tế - xã hội

4.1.1. Tiêu chuẩn vị trí, chức năng, vai trò

a) Vị trí:

- Côn Đảo là một quần đảo gồm 14 đảo lớn nhỏ nằm giữa đại dương, cách thành phố Vũng Tàu 185km, cách thành phố Hồ Chí Minh 230km, cách cửa sông Hậu (thành phố Cần Thơ) khoảng 83km.

- Côn Đảo cách đường hàng hải quốc tế khoảng 60km, nơi nhiều tàu thuyền lớn giao thương qua lại, thuận lợi kết nối với các trung tâm kinh tế trong cả nước và một số quốc gia trong khu vực (về phía Bắc kết nối với Trung Quốc, Nhật, Hàn Quốc, Đài Loan, Hồng Kông,...; về phía Nam kết nối với Singapore, Indonesia, Malaysia, Thái Lan,...). Trong tương lai, khi kênh đào KRA ở Thái Lan được mở nối liền giữa Ấn Độ Dương và Thái Bình Dương mở ra trục Đông – Tây thì Côn Đảo sẽ nằm ở ngã tư giao thông biển quốc tế.



b) Chức năng, vai trò:

Côn Đảo là đơn vị hành chính cấp huyện trực thuộc tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu. Tính chất huyện Côn Đảo được xác định theo điều chỉnh Quy hoạch chung xây dựng Côn Đảo, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu đến năm 2030 được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 1518/QĐ-TTg ngày 05/9/2011 như sau:

- Là khu kinh tế du lịch hiện đại, tầm cỡ khu vực và quốc tế.
- Là khu vực bảo tồn di tích lịch sử có giá trị tôn vinh và giáo dục truyền thống lịch sử.
- Là khu bảo tồn hệ sinh thái đa dạng rừng, biển của quốc gia.
- Có vị trí quan trọng về an ninh và quốc phòng.

⇒ Vị trí, chức năng, vai trò của huyện Côn Đảo tương ứng theo tiêu chuẩn quy định tại Nghị quyết 1210/2016/UBTVQH13 là: “Là trung tâm chuyên ngành cấp vùng về văn hóa, du lịch, có vai trò thúc đẩy sự phát triển kinh tế - xã hội của một tỉnh, vùng liên tỉnh”.

⇒ Đánh giá tiêu chuẩn Vị trí, chức năng, vai trò của Côn Đảo đạt: 5,0 điểm.

4.1.2. Nhóm tiêu chuẩn cơ cấu và trình độ phát triển kinh tế - xã hội

a) Cân đối thu chi ngân sách:

Tổng thu ngân sách nhà nước ước đạt 595,47 tỷ đồng, tổng chi ngân sách nhà nước là 454,67 tỷ đồng¹.

¹ - Báo cáo số 313/BC-UBND ngày 13/12/2017 của UBND huyện Côn Đảo báo cáo tình hình thực hiện nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội, đảm bảo quốc phòng an ninh năm 2017 và kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội,

⇒ Cân đối thu chi ngân sách dư (dư 140,8 tỷ đồng). Đánh giá tiêu chuẩn Cân đối thu chi ngân sách đạt: 2,0 điểm.

b) Thu nhập bình quân đầu người so với cả nước:

- Thu nhập bình quân đầu người năm của huyện Côn Đảo lấy theo số liệu thu nhập bình quân đầu người năm của tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu (năm 2018) là 134,4 triệu đồng².

- Thu nhập bình quân đầu người năm cả nước năm 2018 là: 45,12 triệu đồng³.

⇒ Thu nhập bình quân đầu người năm của huyện Côn Đảo gấp 2,9 lần so với thu nhập bình quân đầu người năm của cả nước.

⇒ Đánh giá tiêu chuẩn Thu nhập bình quân đầu người năm so với cả nước đạt: 3,0 điểm.

c) Chuyển dịch cơ cấu kinh tế:

Tỷ trọng các ngành kinh tế của huyện Côn Đảo hiện nay là: Ngành công nghiệp chiếm 6,72%; ngành nông nghiệp chiếm 3,97%; ngành dịch vụ chiếm 89,31%, cụ thể như sau:⁴

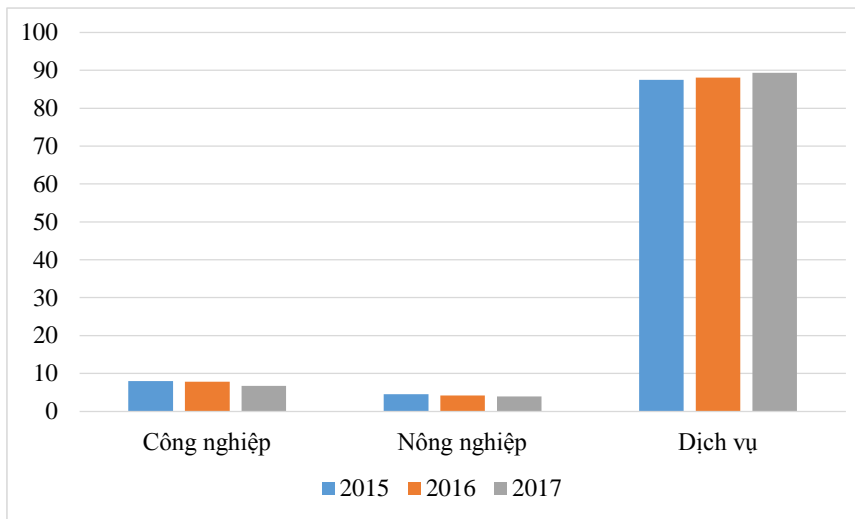
- Giá trị sản xuất công nghiệp: 174,44 tỷ đồng;
- Giá trị sản xuất nông nghiệp: 40,41 tỷ đồng;
- Giá trị sản xuất ngư nghiệp: 62,52 tỷ đồng;
- Tổng doanh thu thương mại – dịch vụ: 2.316,78 tỷ đồng.

đảm bảo quốc phòng an ninh năm 2018.

² - Thông cáo báo chí tình hình kinh tế - xã hội tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu năm 2018 của Cục Thống kê tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu ngày 03/12/2018.

³ - Thông cáo báo chí tình hình kinh tế - xã hội quý IV và năm 2018 của Tổng cục Thống kê ngày 27/12/2018.

⁴ - Báo cáo số 313/BC-UBND ngày 13/12/2017 của UBND huyện Côn Đảo báo cáo tình hình thực hiện nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội, đảm bảo quốc phòng an ninh năm 2017 và kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội, đảm bảo quốc phòng an ninh năm 2018.



Hình 1. Chuyển dịch cơ cấu kinh tế huyện Côn Đảo giai đoạn 2015 - 2017

Cơ cấu nền kinh tế của huyện Côn Đảo chuyển dịch theo hướng tăng tỷ trọng dịch vụ, giảm tỷ trọng nông lâm thủy sản.

⇒ Đánh giá tiêu chuẩn Chuyển dịch cơ cấu kinh tế đạt: 2,25 điểm.

d) Mức tăng trưởng kinh tế trung bình 3 năm gần nhất:

- Tổng giá trị sản xuất năm 2015: 1.340,64 tỷ đồng ⁵.

- Tổng giá trị sản xuất năm 2017: 2.594,15 tỷ đồng ⁶.

Mức tăng trưởng kinh tế trung bình 3 năm gần nhất (giai đoạn 2015 – 2017) được tính bằng công thức:

$$dGDP = (\sqrt[3]{2.594,15/1.340,64} \times 100) - 100 = 39,10 (\%).$$

⇒ Đánh giá tiêu chuẩn Mức độ tăng trưởng kinh tế trung bình 3 năm gần nhất đạt: 2 điểm.

e) Tỷ lệ hộ nghèo:

Căn cứ Quyết định số 290/QĐ-UBND ngày 11/02/2019 của UBND tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu về việc phê duyệt kết quả rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo của tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu cuối năm 2018, huyện Côn Đảo không còn hộ nghèo, hộ cận nghèo.

⇒ Đánh giá tiêu chuẩn Tỷ lệ hộ nghèo đạt: 2,0 điểm.

f) Tỷ lệ tăng dân số hàng năm (bao gồm tăng tự nhiên và tăng cơ học):

Bảng 4.1. Thống kê dân số huyện Côn Đảo giai đoạn 2014 – 2017 ⁷

⁵ - Báo cáo số 148/BC-UBND ngày 23/7/2015 của UBND huyện Côn Đảo về tổng kết tình hình thực hiện nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội 5 năm (2011 – 2015) và phương hướng nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội 5 năm (2016 – 2020) huyện Côn Đảo.

⁶ - Báo cáo số 313/BC-UBND ngày 13/12/2017 của UBND huyện Côn Đảo báo cáo tình hình thực hiện nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội, đảm bảo quốc phòng an ninh năm 2017 và kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội, đảm bảo quốc phòng an ninh năm 2018.

Năm	2014	2015	2016	2017
Dân số	5.453	6.000	6.600	6.900

Tỷ lệ gia tăng dân số hàng năm huyện Côn Đảo (bao gồm tăng tự nhiên và tăng cơ học) được tính theo công thức sau:

$$r = [(6.900 / 5.453)^{1/3} - 1] \times 100 = 8,16 \%$$

⇒ Đánh giá tiêu chuẩn Tỷ lệ gia tăng dân số hàng năm đạt: 3,0 điểm.

4.2. Tiêu chí 2. Quy mô dân số

4.2.1. Dân số toàn đô thị

- Dân số thường trú huyện Côn Đảo hiện nay là: 7.085 người ⁸. (1)
- Dân số tạm trú quy đổi về dân số đô thị được tính theo công thức:

$$N_o = (2N_t \times m) / 365$$

Trong đó:

- + N_o : Số dân tạm trú quy đổi về dân số đô thị (người);
- + N_t : Tổng số lượt khách đến tạm trú ở khu vực nội thành, nội thị và ngoại thành, ngoại thị dưới 06 tháng (người);
- + m : Số ngày tạm trú trung bình của một khách (ngày).

Năm 2018, lượng khách du lịch đến Côn Đảo đạt 286.171 lượt khách (khách nước ngoài là 32.016 lượt khách) ⁹.

Số ngày tạm trú trung bình của một khách là: 2,4 ngày ¹⁰.

⇒ Dân số tạm trú quy đổi về dân số đô thị của Côn Đảo là: 3.763 người. (2)

⇒ Quy mô dân số huyện Côn Đảo: (1) + (2) = 7.085 + 3.763 = 10.848 người.

⇒ Đánh giá tiêu chuẩn Dân số toàn đô thị không đạt: 0,0 điểm.

4.2.2. Dân số khu vực nội thành, nội thị

Dự kiến hình thành đô thị Côn Đảo là thị trấn (không có khu vực ngoại thành, ngoại thị). Do đó dân số khu vực nội thành, nội thị chính là dân số toàn đô thị: 10.848 người.

⇒ Đánh giá tiêu chuẩn Dân số khu vực nội thành, nội thị không đạt: 4,0 điểm.

4.3. Tiêu chí 3. Mật độ dân số

4.3.1. Mật độ dân số toàn đô thị

Dự kiến thành lập đô thị Côn Đảo trên cơ sở toàn bộ diện tích huyện Côn Đảo hiện

⁷ - Niên giám thống kê tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu năm 2017.

⁸ - Số liệu Phòng Thống kê cung cấp.

⁹ - Báo cáo số 395/BC-UBND ngày 30/11/2018 của UBND huyện Côn Đảo.

¹⁰ - Báo cáo số 159/BC-UBND ngày 20/6/2018 của UBND huyện Côn Đảo về tình hình thực hiện Nghị quyết của HĐND huyện về nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội, đảm bảo quốc phòng – an ninh 6 tháng đầu năm và nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội, đảm bảo quốc phòng – an ninh 6 tháng cuối năm 2018.

nay, do đó tính mật độ dân số toàn đô thị tính trên cơ sở toàn bộ diện tích tự nhiên của huyện là 7.678 ha.

Mật độ dân số toàn đô thị là: $10.848/76,78 = 141,28$ người/km².

⇒ Đánh giá tiêu chuẩn Mật độ dân số toàn đô thị không đạt: 0,0 điểm.

4.3.2. Mật độ dân số khu vực nội thành, nội thị tính trên diện tích đất xây dựng đô thị

Diện tích đất xây dựng đô thị trên địa bàn huyện là: 1.133 ha.

⇒ Mật độ dân số khu vực nội thành, nội thị tính trên diện tích đất xây dựng đô thị là: $10.848/11,33 = 957,45$ người/km².

⇒ Đánh giá tiêu chuẩn Mật độ dân số khu vực nội thành, nội thị tính trên diện tích đất xây dựng đô thị không đạt: 0,0 điểm.

4.4. Tiêu chí 4. Tỷ lệ lao động phi nông nghiệp

4.4.1. Tỷ lệ lao động phi nông nghiệp toàn đô thị

Bảng 4.2. Thống kê lao động trong các ngành nghề huyện Côn Đảo năm 2018¹¹

ĐVT: người

Stt	Ngành	Số người
1	Tổng số lao động trong các ngành kinh tế	5.351
2	Công nghiệp, xây dựng	1.904
3	Thương mại, dịch vụ	3.193
4	Nông lâm thủy sản	254

Tỷ lệ lao động phi nông nghiệp toàn đô thị là:

$$(1.904 + 3.193)/5.351 = 95,25\%.$$

⇒ Đánh giá tiêu chuẩn Tỷ lệ lao động phi nông nghiệp toàn đô thị đạt: 1,5 điểm.

4.4.2. Tỷ lệ lao động phi nông nghiệp khu vực nội thành, nội thị

Tỷ lệ lao động phi nông nghiệp khu vực nội thành, nội thị là 95,25 %.

⇒ Đánh giá tiêu chuẩn Tỷ lệ lao động phi nông nghiệp khu vực nội thành, nội thị đạt: 4,5 điểm.

4.5. Tiêu chí 5. Trình độ phát triển cơ sở hạ tầng và kiến trúc, cảnh quan đô thị

4.5.1. Nhóm các tiêu chuẩn về hạ tầng xã hội

a) Diện tích sàn nhà ở bình quân:

Diện tích sàn nhà ở bình quân trên địa bàn huyện khoảng 20 m²/người¹².

¹¹ - Số liệu Phòng nội bộ cung cấp.

¹² - Quyết định số 04/2016/QĐ-UBND ngày 21/01/2016 của UBND tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu về việc phê

⇒ Đánh giá tiêu chuẩn Diện tích sàn nhà ở bình quân đạt: 0,75 điểm.

b) Tỷ lệ nhà ở kiên cố, bán kiên cố:

Tỷ lệ nhà ở kiên cố, bán kiên cố trên địa bàn huyện ước tính khoảng 90 %¹³.

⇒ Đánh giá tiêu chuẩn Tỷ lệ nhà ở kiên cố, bán kiên cố đạt: 1,0 điểm.

c) Đất dân dụng:

Bảng 4.3. Thống kê diện tích đất dân dụng

Stt	Chức năng sử dụng đất	Diện tích (ha)
1	Đất ở	47,99
2	Đất dịch vụ công cộng	28,92
3	Đất cây xanh công cộng	2,05
4	Đất giao thông	75,85
5	Tổng cộng	154,81

⇒ Chỉ tiêu đất dân dụng là: $1.548.100/10.848 = 142,71 \text{ m}^2/\text{người}$, vượt mức tối đa của đô thị loại IV ($78 \text{ m}^2/\text{người}$).

⇒ Đánh giá tiêu chuẩn Đất dân dụng đạt: 0,75 điểm.

d) Đất xây dựng các công trình dịch vụ công cộng đô thị:

Tổng diện tích đất xây dựng các công trình dịch vụ công cộng đô thị trên địa bàn huyện là 28,92 ha.

Chỉ tiêu đất xây dựng các công trình dịch vụ công cộng đô thị là:

$$289.200 / 10.848 = 26,66 \text{ m}^2/\text{người}.$$

⇒ Đánh giá tiêu chuẩn Đất xây dựng các công trình dịch vụ công cộng đô thị đạt: 1,0 điểm.

e) Đất xây dựng công trình công cộng cấp đơn vị ở:

Các công trình công cộng cấp đơn vị ở trên địa bàn huyện gồm:

- Trung tâm văn hóa học tập cộng đồng khu 1.
- Trung tâm văn hóa học tập cộng đồng khu 2.
- Trung tâm văn hóa học tập cộng đồng khu 3.
- Trạm y tế Cỏ Ống.
- Trạm y tế Bến Đầm.
- Trường THCS Lê Hồng Phong.
- Trường Tiểu học Cao Văn Ngọc.
- Trường mầm non Tuổi Thơ.

Comment [WU1]: Diện tích: 1192 m²

Comment [WU2]: Diện tích: 3385 m²

Comment [WU3]: Diện tích: 1008 m²

Comment [WU4]: Diện tích: 1221,71 m²

Comment [WU5]: Diện tích: 524,59 m²

Comment [WU6]: Diện tích: 20000 m²

Comment [WU7]: Diện tích: 10189,87 m²

Comment [WU8]: Diện tích: 7089 m²

duyet chương trình phát triển nhà ở tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu đến năm 2020 và định hướng đến năm 2020.

¹³ - Quyết định số 04/2016/QĐ-UBND ngày 21/01/2016 của UBND tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu về việc phê duyệt chương trình phát triển nhà ở tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu đến năm 2020 và định hướng đến năm 2020.

- Trường mầm non Hướng Dương.

Tổng diện tích đất xây dựng công trình công cộng cấp đơn vị ở là 50.303 m².

Chỉ tiêu đất xây dựng công trình công cộng cấp đơn vị ở là: $50.303 / 10.848 = 4,63$ m²/người.

⇒ Đánh giá tiêu chuẩn Đất xây dựng các công trình dịch vụ công cộng cấp đơn vị ở đạt: 1,0 điểm.

f) Cơ sở y tế cấp đô thị:

Hiện tại trên địa bàn huyện Côn Đảo có 3 cơ sở y tế: Trung tâm y tế Quân dân y (cấp đô thị) và trạm y tế Cỏ Ống, trạm y tế Bến Đầm (cấp đơn vị ở).

Trung tâm y tế Quân dân y có quy mô 50 giường bệnh, đạt chỉ tiêu 4,6 giường/1.000 dân.

⇒ Đánh giá tiêu chuẩn Cơ sở y tế cấp đô thị đạt: 1,0 điểm.

g) Cơ sở giáo dục, đào tạo cấp đô thị:

Hiện tại, huyện Côn Đảo có 06 cơ sở giáo dục, đào tạo ở các cấp.

Stt	Cơ sở giáo dục, đào tạo	Cấp
1	Trung tâm giáo dục thường xuyên - hướng nghiệp	Đô thị
2	Trường THPT Võ Thị Sáu	Đô thị
3	Trường THCS Lê Hồng Phong	Đơn vị ở
4	Trường Tiểu học Cao Văn Ngọc	Đơn vị ở
5	Trường mầm non Tuổi Thơ	Đơn vị ở
6	Trường mầm non Hướng Dương	Đơn vị ở

Huyện có 02 cơ sở giáo dục, đào tạo cấp đô thị là trường THPT Võ Thị Sáu và Trung tâm giáo dục thường xuyên – hướng nghiệp.

⇒ Đánh giá tiêu chuẩn Cơ sở giáo dục, đào tạo cấp đô thị không đạt: 0,75 điểm.

h) Công trình văn hóa cấp đô thị:

Hiện tại, huyện Côn Đảo có 08 công trình văn hóa, trong đó có 05 công trình văn hóa cấp đô thị.

Stt	Cơ sở văn hóa	Cấp
1	Trung tâm văn hóa thông tin và thể thao	Đô thị
2	Thư viện huyện	Đô thị
3	Bảo tàng Côn Đảo	Đô thị
4	Nhà tưởng niệm liệt sỹ Võ Thị Sáu	Đô thị
5	Đài truyền hình, truyền thanh huyện	Đô thị
6	Trung tâm văn hóa học tập cộng đồng khu 1	Đơn vị ở
7	Trung tâm văn hóa học tập cộng đồng khu 2	Đơn vị ở
8	Trung tâm văn hóa học tập cộng đồng khu 3	Đơn vị ở

⇒ Đánh giá tiêu chuẩn Công trình văn hóa cấp đô thị đạt: 1,0 điểm.

i) Công trình thể dục, thể thao cấp đô thị:

Huyện có 02 công trình thể dục, thể thao cấp đô thị là Trung tâm văn hóa thông tin và thể thao và Sân vận động 30/4.

⇒ Đánh giá tiêu chuẩn Công trình thể dục thể thao cấp đô thị đạt: 0,75 điểm.

j) Công trình thương mại, dịch vụ cấp đô thị:

Công trình thương mại, dịch vụ cấp đô thị trên địa bàn huyện hiện nay gồm: chợ Côn Đảo, cửa hàng bình ổn giá Côn Đảo, bưu điện trung tâm.

⇒ Đánh giá tiêu chuẩn Công trình thương mại, dịch vụ cấp đô thị đạt: 0,88 điểm.

4.5.2. Nhóm các tiêu chuẩn về hạ tầng kỹ thuật

a) Đầu mối giao thông (cảng biển, cảng hàng không, cảng đường thủy nội địa, ga đường sắt, bến xe ô tô):

a1) Cảng hàng không:

Cảng hàng không (CHK) Côn Đảo nằm ở khu vực Cỏ Ống, cách trung tâm huyện khoảng 14km. Cảng hàng không Côn Đảo là cảng hàng không dân dụng kết hợp với hoạt động bay quân sự, được xếp cấp 3C theo tiêu chuẩn dân dụng và cấp 2 theo tiêu chuẩn của quân sự.

CHK Côn Đảo phục vụ các chuyến bay nội địa: TP. Hồ Chí Minh – Côn Đảo, TP. Cần Thơ – Côn Đảo, Hà Nội – Côn Đảo (quá cảnh tại sân bay Tân Sơn Nhất), có chiều dài đường băng 1,8km, có thể tiếp nhận máy bay ATR72, F70 và tương đương.

Hiện nay, dự án điều chỉnh quy hoạch CHK Côn Đảo đang được triển khai nhằm nâng cấp CHK Côn Đảo lên cấp 4C theo quy định của ICAO (đón được máy bay Airbus320neo/trương đương).

Tình hình hoạt động vận tải hành khách của CHK Côn Đảo: Theo thống kê trong các ngành, trong khoảng thời gian từ Tháng 01/2019 đến Tháng 5/2019:

- Máy bay ATR thực hiện 291 chuyến/tháng, vận chuyển 17.107 khách/tháng gồm tuyến TP. Hồ Chí Minh – Côn Đảo và Cần Thơ – Côn Đảo;

- Máy bay trực thăng thực hiện 8 chuyến/tháng, vận chuyển 176 khách/tháng (tuyến Vũng Tàu – Côn Đảo).

a2) Cảng biển, cảng đường thủy nội địa:

Trên địa bàn huyện Côn Đảo hiện có 02 bến tàu du lịch và 01 cảng tổng hợp:

- Di tích lịch sử Cầu tàu 914 vẫn được sử dụng là bến tàu du lịch chính.

- Bến thuyền du lịch đang được xây dựng ở khu trung tâm.

- Cảng Bến Đầm có thể tiếp nhận cỡ tàu lớn nhất 2.000 DWT.

Các luồng tuyến vận tải thông qua cảng biển, cảng đường thủy nội địa:

- Các tuyến nối huyện Côn Đảo với đất liền gồm: cảng Cát Lở (TP. Vũng Tàu) – cảng Bến Đầm (Côn Đảo), cảng Trần Đề (Sóc Trăng) – cảng Bến Đầm (Côn Đảo).

- Các tuyến kết nối du lịch giữa đảo chính – 10 đảo nhỏ có chiều dài khoảng 143km.

- Các tuyến đường thủy nội địa nối liền các đảo có chiều dài khoảng 76km.

⇒ Huyện Côn Đảo có CHK Côn Đảo cấp quốc gia và cảng Bến Đầm là cảng biển kết nối vùng liên tỉnh.

⇒ Đánh giá tiêu chuẩn Đầu mối giao thông đạt: 2,0 điểm.

b) Tỷ lệ đất giao thông so với đất xây dựng:

Diện tích đất giao thông của Côn Đảo hiện trạng khoảng 75,85 ha.

Diện tích đất xây dựng là 1.133 ha.

Tỷ lệ đất giao thông so với đất xây dựng là: $75,85/1.133 = 6,69\%$.

⇒ Đánh giá tiêu chuẩn Tỷ lệ đất giao thông so với đất xây dựng đạt: 0,75 điểm.

c) Mật độ đường giao thông (tính đến đường có chiều rộng phần xe chạy $\geq 1,7\text{m}$):

Chiều dài đường giao thông có chiều rộng phần xe chạy $\geq 1,7\text{m}$ trên địa bàn huyện khoảng: 52,19km¹⁴.

Vì diện tích huyện Côn Đảo chủ yếu là các vùng sinh thái tự nhiên (khoảng 6.545 ha gồm Vườn Quốc gia Côn Đảo, các đảo nhỏ và các diện tích tự nhiên khác), nên tính chỉ tiêu “Mật độ đường giao thông” dựa trên diện tích đất xây dựng chứ không tính trên tổng diện tích tự nhiên của huyện.

Mật độ đường giao thông hiện trạng: $52,19/11,33 = 4,6 \text{ km/km}^2$.

⇒ Đánh giá tiêu chuẩn Mật độ đường giao thông đạt: 0,75 điểm.

d) Diện tích đất giao thông tính trên dân số:

Diện tích đất giao thông tính trên dân số ước là: $758.500/10.848 = 69,92 \text{ m}^2/\text{người}$.

⇒ Đánh giá tiêu chuẩn Diện tích đất giao thông tính trên dân số đạt: 1,0 điểm.

e) Tỷ lệ vận tải hành khách công cộng:

Hiện tại, phương tiện vận chuyển chủ yếu tại Côn Đảo là taxi, các loại xe du lịch (của các công ty du lịch, khách sạn) và xe máy.

Phương tiện giao thông đường bộ trên địa bàn huyện ngày càng phát triển về số lượng, đáp ứng nhu cầu đi lại của người dân và khách du lịch, tuy nhiên đang có nguy cơ vượt quá sự đáp ứng về cơ sở hạ tầng giao thông do lộ giới đường nhỏ và thiếu các bãi đỗ xe công cộng.

⇒ Đánh giá tiêu chuẩn Tỷ lệ vận tải hành khách công cộng không đạt: 0,0 điểm.

¹⁴ - Số liệu tại Chương trình phát triển nhà ở tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu đến năm 2020 và định hướng đến năm 2030.

f) Cấp điện sinh hoạt:

Thành phần phụ tải hiện tại tại Côn Đảo: Nông lâm thủy sản chiếm 0,58%; Công nghiệp – Xây dựng (chủ yếu là sản xuất nước đá phục vụ cho đánh bắt thủy hải sản) chiếm 19,23%; Thương nghiệp, khách sạn, nhà hàng chiếm 38,73%; Quản lý tiêu dùng chiếm 36,39%, còn lại là các hoạt động khác. => Thành phần phụ tải sinh hoạt chiếm 36,39% tổng phụ tải điện Côn Đảo.

Điện thương phẩm của Côn Đảo năm 2018 đạt 19.455.861 kWh.

⇒ Tổng phụ tải điện sinh hoạt Côn Đảo năm 2018 là: $(36,39 \times 19.455.861)/100 = 7.079.987$ kWh/năm.

⇒ Chỉ tiêu cấp điện sinh hoạt là: $7.079.987/7.085 = 999$ kWh/người/năm.

⇒ Đánh giá tiêu chuẩn Cấp điện sinh hoạt đạt: 0,98 điểm.

g) Tỷ lệ đường phố chính được chiếu sáng:

Tỷ lệ đường phố chính được chiếu sáng trên địa bàn huyện hiện nay khoảng 70%.

⇒ Tiêu chuẩn Tỷ lệ đường phố chính được chiếu sáng không đạt: 0,0 điểm.

h) Tỷ lệ đường khu nhà ở, ngõ xóm được chiếu sáng:

Tỷ lệ ngõ hẻm được chiếu sáng trên địa bàn huyện đạt trên 70%.

⇒ Tiêu chuẩn Tỷ lệ khu nhà ở, ngõ xóm được chiếu sáng đạt: 0,75 điểm.

i) Cấp nước sinh hoạt:

Hiện nay Côn Đảo có một trạm cung cấp nước đang quản lý và vận hành 25 giếng khoan, 02 giàn xử lý nước với tổng công suất xử lý nước theo thiết kế là 3.800 m³/ngày đêm; 10 bể chứa nước sau xử lý với dung tích tối đa là 3.000 m³, nước sau khi được xử lý được cung cấp đến khách hàng sử dụng tại 03 khu vực: Trung tâm – Cỏ Ống – Bến Đầm.

Sản lượng nước khai thác (theo số liệu thực tế thực hiện trong tháng 3/2019): 3.818 m³/ngày đêm. Sản lượng thực tế cung cấp đến khách hàng sử dụng là: 3.198 m³/ngày đêm (lượng hao hụt là lượng nước tự dùng để rửa lọc của đơn vị và hao hụt trên đường ống và xả cặn), trong đó:

- Sản lượng cung cấp cho khách du lịch: 719 m³/ngày đêm. Mức tiêu thụ bình quân của khách du lịch khoảng 300 lít/người/ngày (với 719 m³/2.400 khách du lịch).

- Sản lượng cung cấp cho dân số thường trú (nước sinh hoạt của người dân, cơ quan, đơn vị, LLVT, sản xuất vật chất, NM nước đá, bến cảng, sân bay,...): 2.479 m³/ngày đêm. Mức tiêu thụ bình quân của dân số thường trú khoảng: 350 m³/ngày (2.479 m³/7.085 người).

⇒ Đánh giá tiêu chuẩn Cấp nước sinh hoạt đạt: 1,0 điểm.

j) Tỷ lệ hộ dân được cấp nước sạch, hợp vệ sinh:

Tỷ lệ dân số được sử dụng nước sạch từ hệ thống cấp nước của huyện đạt 98 %¹⁵.
Đánh giá tiêu chuẩn Tỷ lệ hộ dân được cấp nước sạch, hợp vệ sinh đạt: 2,0 điểm.

k) Số thuê bao internet (băng rộng cố định và băng rộng di động):

Số thuê bao điện thoại di động, điện thoại cố định toàn huyện là 3.972 thuê bao.
Mật độ thuê bao là: $(3.972/10.848) \times 100 = 37$ thuê bao/100 dân.

⇒ Đánh giá tiêu chuẩn Số thuê bao internet đạt: 1,0 điểm.

l) Tỷ lệ phủ sóng thông tin di động trên dân số:

Hiện tại trên địa bàn huyện có 03 nhà cung cấp mạng điện thoại di động là Vinaphone, Mobifone và Viettel.

Hệ thống bưu chính viễn thông trên địa bàn huyện được trang bị hiện đại, đồng bộ với công nghệ cao và chất lượng tốt, đáp ứng tốt các dịch vụ bưu chính viễn thông của người dân trong huyện.

⇒ Đánh giá tiêu chuẩn Tỷ lệ phủ sóng thông tin di động trên dân số đạt: 1,0 điểm.

4.5.3. Nhóm các tiêu chuẩn về vệ sinh môi trường

a) Mật độ đường cống thoát nước chính:

Tổng chiều dài hệ thống thoát nước là 10.184 m¹⁶.

⇒ Mật độ đường cống thoát nước chính: $10.184/11,33 = 0,90$ km/km².

⇒ Đánh giá tiêu chuẩn Mật độ đường cống thoát nước chính không đạt: 0,0 điểm.

b) Tỷ lệ các khu vực ngập úng có giải pháp phòng chống, giảm ngập úng:

Huyện đang triển khai thực hiện các giải pháp phòng chống, giảm ngập úng.

⇒ Đánh giá tiêu chuẩn Tỷ lệ các khu vực ngập úng có giải pháp phòng chống, giảm ngập úng đạt: 1,0 điểm.

c) Tỷ lệ chất thải nguy hại được xử lý, tiêu hủy, chôn lấp an toàn sau xử lý, tiêu hủy:

Tỷ lệ chất thải nguy hại được xử lý, tiêu hủy, chôn lấp an toàn sau xử lý, tiêu hủy khoảng 95%.

⇒ Đánh giá tiêu chuẩn Tỷ lệ chất thải nguy hại được xử lý, tiêu hủy, chôn lấp an toàn sau xử lý, tiêu hủy đạt: 1,0 điểm.

d) Tỷ lệ nước thải đô thị được xử lý đạt quy chuẩn kỹ thuật:

Tỷ lệ nước thải đô thị được xử lý đạt quy chuẩn kỹ thuật khoảng 10%.

⇒ Đánh giá tiêu chuẩn Tỷ lệ nước thải đô thị được xử lý đạt quy chuẩn kỹ thuật đạt: 0,75 điểm.

¹⁵ - Báo cáo số 313/BC-UBND ngày 13/12/2017 của UBND huyện Côn Đảo về tình hình thực hiện nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội, đảm bảo quốc phòng an ninh năm 2017 và kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội, đảm bảo quốc phòng an ninh năm 2018.

¹⁶ - Số liệu Phòng Tài nguyên và Môi trường - UBND huyện Côn Đảo cấp.

e) Tỷ lệ chất thải rắn sinh hoạt được thu gom:

Ban quản lý công trình công cộng trực thuộc UBND huyện Côn Đảo có nhiệm vụ: Thu gom và vận chuyển rác thải, quản lý nghĩa trang, quản lý hệ thống thoát nước và cây xanh.

Chất thải rắn sinh hoạt được tập trung tại các điểm đã quy định, hoặc dùng các xe thùng có dung tích 0,3 m³ đi thu gom tại các điểm dân cư, nơi công cộng, bệnh viện,... sau đó được vận chuyển tới bãi rác tại khu vực Bãi Nhất bằng ô tô vận chuyển. Hiện nay, lượng rác thải phát sinh trung bình mỗi ngày khoảng 22,5 tấn.

Tỷ lệ rác thải sinh hoạt trên địa bàn huyện được thu gom hàng ngày đạt 97%¹⁷.

⇒ Đánh giá tiêu chuẩn Tỷ lệ chất thải rắn sinh hoạt được thu gom đạt: 01 điểm.

f) Tỷ lệ chất thải rắn sinh hoạt được xử lý tại khu chôn lấp hợp vệ sinh hoặc tại các nhà máy đốt, nhà máy chế biến rác thải:

Hiện nay, toàn bộ lượng rác thải sinh hoạt của huyện được thu gom về bãi rác khu vực Bãi Nhất với diện tích 3.800 m². Lượng rác thải sinh hoạt tại Côn Đảo phát sinh mỗi ngày khoảng 22,5 tấn. Huyện Côn Đảo đã đưa lò đốt rác thải sinh hoạt vào hoạt động với công suất 150 - 500 kg rác/giờ, mỗi ngày đốt được khoảng 5 tấn/ngày, còn tồn đọng 17,5 tấn/ngày.

⇒ Tỷ lệ chất thải rắn sinh hoạt được xử lý đạt 22,22% tổng lượng chất thải rắn.

⇒ Đánh giá tiêu chuẩn Tỷ lệ chất thải rắn sinh hoạt được xử lý tại khu chôn lấp hợp vệ sinh hoặc tại các nhà máy đốt, nhà máy chế biến rác thải không đạt: 0,0 điểm.

g) Tỷ lệ chất thải y tế được xử lý, tiêu hủy, chôn lấp an toàn sau xử lý, tiêu hủy:

Hiện nay, chất thải y tế nguy hại được thu gom và xử lý bằng lò đốt tại Trung tâm y tế Quân dân y.

Tỷ lệ chất thải y tế được xử lý, tiêu hủy, chôn lấp an toàn sau xử lý, tiêu hủy khoảng 95%.

⇒ Đánh giá tiêu chuẩn Tỷ lệ chất thải y tế được xử lý, tiêu hủy, chôn lấp an toàn sau xử lý, tiêu hủy đạt: 1,0 điểm.

4.5.4. Các tiêu chuẩn về nhà tang lễ

a) Nhà tang lễ:

Huyện Côn Đảo chưa có nhà tang lễ.

⇒ Đánh giá tiêu chuẩn Nhà tang lễ không đạt: 0,0 điểm.

b) Tỷ lệ sử dụng hình thức hỏa táng:

¹⁷ - Báo cáo số 313/BC-UBND ngày 13/12/2017 của UBND huyện Côn Đảo về tình hình thực hiện nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội, đảm bảo quốc phòng an ninh năm 2017 và kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội, đảm bảo quốc phòng an ninh năm 2018.

Do chưa có nhà tang lễ nên tỷ lệ sử dụng hình thức hỏa táng bằng 0.

⇒ Đánh giá tiêu chuẩn Tỷ lệ sử dụng hình thức hỏa táng không đạt: 0,0 điểm.

4.5.5. Nhóm các tiêu chuẩn về kiến trúc, cảnh quan đô thị

a) Đất cây xanh toàn đô thị:

Côn Đảo là huyện có độ che phủ rừng bậc nhất tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu, chiếm 80,63% diện tích tự nhiên toàn đảo.

⇒ Đánh giá tiêu chuẩn Đất cây xanh toàn đô thị đạt: 2,0 điểm.

b) Đất cây xanh công cộng khu vực nội thành, nội thị:

Tổng diện tích xây xanh công cộng của huyện là 20.549 m², gồm 5 công viên cây xanh: Võ Thị Sáu, Nguyễn Đức Thuận, Phạm Văn Đồng, Tôn Đức Thắng và Nguyễn Huệ.

Chỉ tiêu đất cây xanh công cộng khu vực nội thành, nội thị: $20.549/10.848 = 1,89$ m²/người.

⇒ Đánh giá tiêu chuẩn Đất cây xanh công cộng khu vực nội thành, nội thị không đạt: 0,0 điểm.

c) Quy chế quản lý quy hoạch kiến trúc đô thị:

Huyện Côn Đảo đã có quy chế quản lý kiến trúc đô thị¹⁸.

⇒ Đánh giá tiêu chuẩn Quy chế quản lý quy hoạch kiến trúc đô thị đạt: 1,5 điểm.

d) Tỷ lệ tuyến phố văn minh đô thị tính trên tổng số trục phố chính:

Tỷ lệ tuyến phố văn minh đô thị tính trên tổng số trục phố chính đạt khoảng 40%.

⇒ Đánh giá tiêu chuẩn Tỷ lệ tuyến phố văn minh đô thị tính trên tổng số trục phố chính đạt: 2,0 điểm.

e) Số lượng dự án cải tạo, chỉnh trang đô thị:

Hiện nay, trên địa bàn huyện đang triển khai nhiều dự án cải tạo, chỉnh trang đô thị như: dự án xây dựng hệ thống thu gom và xử lý nước thải trung tâm huyện Côn Đảo; nâng cấp, mở rộng cảng Bến Đầm; nạo vét hồ Quang Trung I, cải tạo các công viên hiện hữu (công viên Võ Thị Sáu, Nguyễn Đức Thuận, Phạm Văn Đồng),...

⇒ Đánh giá tiêu chuẩn Số lượng dự án cải tạo, chỉnh trang đô thị đạt: 2,0 điểm.

f) Số lượng không gian công cộng của đô thị:

Huyện có 05 không gian công cộng cấp đô thị gồm: hoa viên cây xanh Võ Thị Sáu, Nguyễn Huệ, Tôn Đức Thắng, Nguyễn Đức Thuận, Phạm Văn Đồng.

⇒ Đánh giá tiêu chuẩn Số lượng không gian công cộng của đô thị đạt: 2,0 điểm.

g) Công trình kiến trúc tiêu biểu:

¹⁸ - Huyện Côn Đảo được UBND tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu phê duyệt tại Quyết định số 2742/QĐ-UBND ngày 12/12/2014.

Côn Đảo hiện có 20 công trình di tích lịch sử cấp quốc gia và 02 di tích lịch sử cấp tỉnh.

⇒ Đánh giá tiêu chuẩn Công trình kiến trúc tiêu biểu đạt: 2,0 điểm.

4.5.6. Nhóm các tiêu chuẩn về trình độ phát triển cơ sở hạ tầng và kiến trúc, cảnh quan khu vực ngoại thành, ngoại thị (gồm 08 tiêu chuẩn)

Côn Đảo không có khu vực ngoại thành, ngoại thị: đánh giá nhóm tiêu chuẩn về trình độ phát triển cơ sở hạ tầng và kiến trúc, cảnh quan khu vực ngoại thành, ngoại thị đạt

12

điểm.

Bảng 4.4. Đánh giá thực trạng chỉ tiêu phát triển đô thị huyện Côn Đảo theo các tiêu chuẩn đô thị loại IV

Stt	Tiêu chí / Tiêu chuẩn	Yêu cầu	Đơn vị tính	Thang điểm	Hiện trạng huyện Côn Đảo năm 2018	Đánh giá hiện trạng		Ghi chú
						Số điểm	Đạt(Đ)/ Không đạt(K)	
	Tổng cộng					78,85	Đạt	
I	Vị trí, chức năng, vai trò, cơ cấu và trình độ phát triển kinh tế - xã hội			20,00		19,25	Đ	
1.1	Vị trí, chức năng, vai trò	Là trung tâm tổng hợp hoặc trung tâm chuyên ngành cấp tỉnh về kinh tế, tài chính, văn hóa, giáo dục, đào tạo, y tế, du lịch, khoa học và công nghệ, đầu mối giao thông, có vai trò thúc đẩy sự phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh hoặc vùng liên huyện		5,00	Là trung tâm chuyên ngành cấp vùng về văn hóa, du lịch, có vai trò thúc đẩy sự phát triển kinh tế - xã hội của một tỉnh, vùng liên tỉnh.	5,00	ĐTĐ	
		Là trung tâm tổng hợp hoặc trung tâm hành chính cấp huyện về kinh tế, tài chính, văn hóa, giáo dục, đào tạo, y tế, du lịch, khoa học và công nghệ, đầu mối giao thông, có vai trò thúc đẩy sự phát triển kinh tế - xã hội của		3,75				

Stt	Tiêu chí / Tiêu chuẩn	Yêu cầu	Đơn vị tính	Thang điểm	Hiện trạng huyện Côn Đảo năm 2018	Đánh giá hiện trạng		Ghi chú
						Số điểm	Đạt(Đ)/ Không đạt(K)	
		huyện hoặc vùng liên huyện						
1.2	Cân đối thu chi ngân sách	<div style="border-bottom: 1px solid black; padding: 2px;">Dư</div> <div style="padding: 2px;">Đủ</div>		<div style="border-bottom: 1px solid black; padding: 2px;">2,00</div> <div style="padding: 2px;">1,50</div>	Cân đối thu chi ngân sách dư (dư 140,8 tỷ đồng)	2,00	ĐTĐ	
1.3	Thu nhập bình quân đầu người năm so với cả nước	<div style="border-bottom: 1px solid black; padding: 2px;">$\geq 1,05$</div> <div style="padding: 2px;">0,7</div>	lần	<div style="border-bottom: 1px solid black; padding: 2px;">3,00</div> <div style="padding: 2px;">2,25</div>	Thu nhập bình quân đầu người năm cả nước của huyện gấp 2,9 lần so với thu nhập bình quân đầu người năm so với cả nước	3,00	ĐTĐ	
1.4	Chuyển dịch cơ cấu kinh tế	<div style="border-bottom: 1px solid black; padding: 2px;">Tăng tỷ trọng công nghiệp, xây dựng và dịch vụ, giảm tỷ trọng nông lâm thủy sản theo mục tiêu đề ra</div> <div style="padding: 2px;">Tăng tỷ trọng công nghiệp, xây dựng hoặc tăng tỷ trọng dịch vụ, giảm tỷ trọng nông lâm thủy sản theo mục tiêu đề ra</div>		<div style="border-bottom: 1px solid black; padding: 2px;">3,00</div> <div style="padding: 2px;">2,25</div>	Cơ cấu nền kinh tế của huyện Côn Đảo chuyển dịch theo hướng tăng tỷ trọng dịch vụ, giảm tỷ trọng nông lâm thủy sản.	2,25	ĐTT	
1.5	Mức tăng trưởng kinh tế trung bình 3 năm gần nhất	<div style="border-bottom: 1px solid black; padding: 2px;">≥ 6</div> <div style="padding: 2px;">5,5</div>	%	<div style="border-bottom: 1px solid black; padding: 2px;">2,00</div> <div style="padding: 2px;">1,50</div>	39,10	2,00	ĐTĐ	
1.6	Tỷ lệ hộ nghèo	<div style="border-bottom: 1px solid black; padding: 2px;">≤ 7</div> <div style="padding: 2px;">9</div>	%	<div style="border-bottom: 1px solid black; padding: 2px;">2,00</div> <div style="padding: 2px;">1,50</div>	0	2,00	ĐTĐ	

Stt	Tiêu chí / Tiêu chuẩn	Yêu cầu	Đơn vị tính	Thang điểm	Hiện trạng huyện Côn Đảo năm 2018	Đánh giá hiện trạng		Ghi chú
						Số điểm	Đạt(Đ)/ Không đạt(K)	
1.7	Tỷ lệ tăng dân số hàng năm (bao gồm tăng tự nhiên và tăng cơ học)	$\geq 1,4$	%	3,00	8,16	3,00	ĐTĐ	
		1		2,25				
II	Quy mô dân số			8,00		4,50	CĐ	
				6,00				
2.1	Dân số toàn đô thị	≥ 100	1.000 người	2,00	10,848	0,00	CĐ	<i>Hiện trạng dân số huyện Côn Đảo chưa đạt được tối thiểu 30% mức quy định của tiêu chuẩn này (5.000 người) => Đánh giá chưa đạt.</i>
		50		1,50				
2.2	Dân số khu vực nội thành, nội thị	≥ 50	1.000 người	6,00	10,848	4,50	ĐTT	<i>Hiện trạng dân số huyện Côn Đảo đã cao hơn 30% mức quy định tối thiểu của tiêu chuẩn này (6.000 người) => Đánh giá đạt tối thiểu.</i>
		20		4,50				
III	Mật độ dân số			6,00		0,00	CĐ	
				4,50				
3.1	Mật độ dân số toàn đô thị	≥ 1400	người/km ²	1,50	141,28	0,00	CĐ	<i>Mật độ dân số huyện Côn Đảo chưa đạt được tối thiểu 30% mức quy</i>
		1200		1,00				

Stt	Tiêu chí / Tiêu chuẩn	Yêu cầu	Đơn vị tính	Thang điểm	Hiện trạng huyện Côn Đảo năm 2018	Đánh giá hiện trạng		Ghi chú
						Số điểm	Đạt(Đ)/ Không đạt(K)	
								<i>định của tiêu chuẩn này (360 người/km²) => Đánh giá chưa đạt.</i>
3.2	Mật độ dân số khu vực nội thành, nội thị tính trên diện tích đất xây dựng đô thị	≥ 6000 4000	người/km ²	4,50 3,50	957,45	0,00	CĐ	<i>Mật độ dân số huyện Côn Đảo chưa đạt được tối thiểu 30% mức quy định của tiêu chuẩn này (1.200 người/km²) => Đánh giá chưa đạt.</i>
IV	Tỷ lệ lao động phi nông nghiệp			6,00 4,50		6,00	Đ	
4.1	Tỷ lệ lao động phi nông nghiệp toàn đô thị	≥ 65 55	%	1,50 1,00	95,25	1,50	ĐTĐ	
4.2	Tỷ lệ lao động phi nông nghiệp khu vực nội thành, nội thị	≥ 80 70	%	4,50 3,50	95,25	4,50	ĐTĐ	
V	Trình độ phát triển cơ sở hạ tầng và kiến trúc, cảnh quan đô thị			60,00 45,00		49,10	Đ	
5.1	Diện tích sàn nhà ở bình quân	≥ 29 26,5	m ² sàn/người	1,00 0,75	20,00	0,75	ĐTT	<i>Diện tích sàn nhà ở bình quân huyện Côn Đảo cao hơn 50% mức quy định tối thiểu của tiêu</i>

Stt	Tiêu chí / Tiêu chuẩn	Yêu cầu	Đơn vị tính	Thang điểm	Hiện trạng huyện Côn Đảo năm 2018	Đánh giá hiện trạng		Ghi chú
						Số điểm	Đạt(Đ)/ Không đạt(K)	
								<i>chuẩn này (13,25 m² sàn/người) => Đánh giá đạt tối thiểu.</i>
5.2	Tỷ lệ nhà ở kiên cố, bán kiên cố	≥ 90 85	%	1,00 0,75	90,00	1,00	ĐTĐ	
5.3	Đất dân dụng	78 61	m ² /người	1,00 0,75	142,71	0,75	ĐTT	
5.4	Đất xây dựng các công trình dịch vụ công cộng đô thị	≥ 4 3	m ² /người	1,00 0,75	26,66	1,00	ĐTĐ	
5.5	Đất xây dựng công trình công cộng cấp đơn vị ở	$\geq 1,5$ 1	m ² /người	1,00 0,75	4,63	1,00	ĐTĐ	
5.6	Cơ sở y tế cấp đô thị	$\geq 2,8$ 2,4	giường/1.000 dân	1,00 0,75	4,60	1,00	ĐTĐ	
5.7	Cơ sở giáo dục, đào tạo cấp đô thị	≥ 4 2	cơ sở	1,00 0,75	2,00	0,75	ĐTT	
5.8	Công trình văn hóa cấp đô thị	≥ 2 2	công trình	1,00 0,75	5,00	1,00	ĐTĐ	
5.9	Công trình thể dục, thể thao cấp đô thị	≥ 3 2	công trình	1,00 0,75	2,00	0,75	ĐTT	
5.10	Công trình thương mại, dịch vụ cấp đô thị	≥ 4 2	công trình	1,00 0,75	3,00	0,88	ĐTT	
5.11	Đầu mối giao thông (cảng biển, cảng hàng không, cảng đường thủy nội địa, ga đường sắt, bến xe ô tô)	Vùng tỉnh Vùng liên huyện	cấp	2,00 1,50	Huyện Côn Đảo CHK Côn Đảo cấp quốc gia và cảng Bến Đầm là cảng biển kết nối	2,00	ĐTĐ	

Stt	Tiêu chí / Tiêu chuẩn	Yêu cầu	Đơn vị tính	Thang điểm	Hiện trạng huyện Côn Đảo năm 2018	Đánh giá hiện trạng		Ghi chú
						Số điểm	Đạt(Đ)/ Không đạt(K)	
					vùng liên tỉnh			
5.12	Tỷ lệ đất giao thông so với đất xây dựng	≥ 17	%	1,00	6,69	0,75	ĐTT	<i>Tỷ lệ đất giao thông so với đất xây dựng huyện Côn Đảo cao hơn 50% mức quy định tối thiểu của tiêu chuẩn này (6%) => Đánh giá đạt tối thiểu.</i>
		12		0,75				
5.13	Mật độ đường giao thông (tính đến đường có chiều rộng phần xe chạy $\geq 7,5m$)	≥ 8	km/km ²	1,00	4,60	0,75	ĐTT	<i>Mật độ đường giao thông huyện Côn Đảo cao hơn 50% mức quy định tối thiểu của tiêu chuẩn này (3km/km²) => Đánh giá đạt tối thiểu.</i>
		6		0,75				
5.14	Diện tích đất giao thông tính trên dân số	≥ 9	m ² /người	1,00	69,92	1,00	ĐTĐ	
		7		0,75				
5.15	Tỷ lệ vận tải hành khách công cộng	≥ 5	%	1,00	0,00	0,00	CĐ	<i>Tỷ lệ vận tải hành khách công cộng huyện Côn Đảo thấp hơn 50% mức quy định tối thiểu của tiêu chuẩn này</i>
		3		0,75				

Stt	Tiêu chí / Tiêu chuẩn	Yêu cầu	Đơn vị tính	Thang điểm	Hiện trạng huyện Côn Đảo năm 2018	Đánh giá hiện trạng		Ghi chú (1,5%) => Đánh giá chưa đạt.
						Số điểm	Đạt(Đ)/ Không đạt(K)	
5.16	Cấp điện sinh hoạt	≥ 500 350	kwh/người/năm	1,00 0,75	999	0,98	ĐTT	
5.17	Tỷ lệ đường phố chính được chiếu sáng	≥ 95 90	%	1,00 0,75	70,00	0,75	ĐTT	Tỷ lệ đường phố chính được chiếu sáng huyện Côn Đảo cao hơn 50% mức quy định tối thiểu của tiêu chuẩn này (45%) => Đánh giá đạt tối thiểu.
5.18	Tỷ lệ đường khu nhà ở, ngõ xóm được chiếu sáng	≥ 70 50	%	1,00 0,75	70,00	1,00	ĐTĐ	
5.19	Cấp nước sinh hoạt	≥ 120 100	lít/người/ngày đêm	1,00 0,75	350	0,75	ĐTT	
5.20	Tỷ lệ hộ dân được cấp nước sạch, hợp vệ sinh	≥ 95 90	%	2,00 1,50	98,00	2,00	ĐTĐ	
5.21	Số thuê bao internet (băng rộng cố định và băng rộng di động)	≥ 20 15	số thuê bao internet/1000 dân	1,00 0,75	37,00	1,00	ĐTĐ	
5.22	Tỷ lệ phủ sóng thông tin di động trên dân số	≥ 95 90	%	1,00 0,75	100,00	1,00	ĐTĐ	
5.23	Mật độ đường cống thoát nước chính	$\geq 3,5$ 3	km/km ²	2,00 1,50	0,90	0,00	CĐ	Mật độ đường cống thoát nước chính huyện Côn

Stt	Tiêu chí / Tiêu chuẩn	Yêu cầu	Đơn vị tính	Thang điểm	Hiện trạng huyện Côn Đảo năm 2018	Đánh giá hiện trạng		Ghi chú
						Số điểm	Đạt(Đ)/ Không đạt(K)	
								<i>Đảo thấp hơn 50% mức quy định tối thiểu của tiêu chuẩn này (1,5km/km²) => Đánh giá chưa đạt</i>
5.24	Tỷ lệ các khu vực ngập úng có giải pháp phòng chống, giảm ngập úng	Đang triển khai thực hiện		1,00	Đang triển khai thực hiện các giải pháp phòng chống, giảm ngập úng	1,00	ĐTĐ	
		Có giải pháp		0,75				
5.25	Tỷ lệ chất thải nguy hại được xử lý, tiêu hủy, chôn lấp an toàn sau xử lý, tiêu hủy	≥ 85	%	1,00	95,00	1,00	ĐTĐ	
		70		0,75				
5.26	Tỷ lệ nước thải đô thị được xử lý đạt quy chuẩn kỹ thuật	≥ 25	%	1,00	10,00	0,75	ĐTT	<i>Tỷ lệ nước thải đô thị được xử lý đạt quy chuẩn kỹ thuật huyện Côn Đảo cao hơn 50% mức quy định tối thiểu của tiêu chuẩn này (7,5%) => Đánh giá đạt tối thiểu.</i>
		15		0,75				
5.27	Tỷ lệ chất thải rắn sinh hoạt được thu gom	≥ 80	%	1,00	97,00	1,00	ĐTĐ	
		70		0,75				
5.28	Tỷ lệ chất thải rắn sinh hoạt được xử lý tại khu	≥ 70	%	1,00	22,22	0,00	CĐ	<i>Tỷ lệ chất thải rắn sinh hoạt được xử</i>
		65		0,75				

Stt	Tiêu chí / Tiêu chuẩn	Yêu cầu	Đơn vị tính	Thang điểm	Hiện trạng huyện Côn Đảo năm 2018	Đánh giá hiện trạng		Ghi chú
						Số điểm	Đạt(Đ)/ Không đạt(K)	
	chôn lấp hợp vệ sinh hoặc tại các nhà máy đốt, nhà máy chế biến rác thải							<i>ly huyện Côn Đảo thấp hơn 50% mức quy định tối thiểu của tiêu chuẩn này (32,5%) => Đánh giá chưa đạt.</i>
5.29	Tỷ lệ chất thải y tế được xử lý, tiêu hủy, chôn lấp an toàn sau xử lý, tiêu hủy	≥ 95 90	%	1,00 0,75	95,00	1,00	ĐTĐ	
5.30	Nhà tang lễ	≥ 1 Có dự án	cơ sở	1,00 0,75	0,00	0,00	CĐ	
5.31	Tỷ lệ sử dụng hình thức hỏa táng	≥ 10 5	%	1,00 0,75	0,00	0,00	CĐ	
5.32	Đất cây xanh toàn đô thị	≥ 7 5	m ² /người	2,00 1,50	≥ 10	2,00	ĐTĐ	
5.33	Đất cây xanh công cộng khu vực nội thành, nội thị	≥ 5 4	m ² /người	2,00 1,50	1,89	0,00	CĐ	<i>Đất công cộng khu vực nội thành, nội thị huyện Côn Đảo thấp hơn 50% mức quy định tối thiểu của tiêu chuẩn này (2 m²/người) => Đánh giá chưa đạt.</i>
5.34	Quy chế quản lý quy hoạch, kiến trúc đô thị	Đã có quy chế được ban hành tối thiểu 2 năm, thực hiện tốt quy chế	Quy chế	2,00	Đã có quy chế	1,50	ĐTT	

Stt	Tiêu chí / Tiêu chuẩn	Yêu cầu	Đơn vị tính	Thang điểm	Hiện trạng huyện Côn Đảo năm 2018	Đánh giá hiện trạng		Ghi chú
						Số điểm	Đạt(Đ)/ Không đạt(K)	
		Đã có quy chế		1,50				
5.35	Tỷ lệ tuyến phố văn minh đô thị tính trên tổng số trục phố chính	≥ 40 30	%	2,00 1,50	40	2,00	ĐTĐ	
5.36	Số lượng dự án cải tạo, chỉnh trang đô thị	1 Có dự án	Dự án	2,00 1,50	> 5	2,00	ĐTĐ	
5.37	Số lượng không gian công cộng của đô thị	≥ 4 2	Khu	2,00 1,50	5,00	2,00	ĐTĐ	
5.38	Công trình kiến trúc tiêu biểu	Có công trình cấp quốc gia Có công trình cấp tỉnh	Cấp	2,00 1,50	Có công trình cấp quốc gia	2,00	ĐTĐ	
5.39 - 5.46	Nhóm các tiêu chuẩn về trình độ phát triển cơ sở hạ tầng và kiến trúc, cảnh quan khu vực ngoại thành, ngoại thị (gồm có 8 tiêu chuẩn)	Đối với khu vực không có ngoại thành, ngoại thị: nhóm tiêu chuẩn về trình độ phát triển cơ sở hạ tầng và kiến trúc, cảnh quan khu vực ngoại thành, ngoại thị đạt 12 điểm		9,00 12,00	Côn Đảo không có khu vực ngoại thành, ngoại thị, nên nhóm tiêu chuẩn về trình độ phát triển cơ sở hạ tầng và kiến trúc, cảnh quan khu vực ngoại thành, ngoại thị đạt 12 điểm	12,00	ĐTĐ	

Như vậy, tổng hợp đánh giá 05 tiêu chí đô thị quy định tại Nghị quyết số 1210/2016/UBTVQH13 ngày 25/5/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về phân loại đô thị theo tiêu chí đô thị loại IV, áp dụng tiêu chuẩn dành cho đô thị có tính chất đặc thù (đô thị ở hải đảo), hiện trạng đô thị huyện Côn Đảo có 03 tiêu chí đạt và 02 tiêu chí chưa đạt với tổng số điểm là 78,85/100 điểm.

Trong 05 tiêu chí gồm có 59 tiêu chuẩn để chấm điểm, huyện Côn Đảo có 50 tiêu chuẩn đã đạt (chiếm 85%, trong đó có 38 tiêu chuẩn đã đạt điểm tối đa và 12 tiêu chuẩn đạt điểm tối thiểu) và 09 tiêu chuẩn chưa đạt (chiếm 15%).

Bảng 4.5. Tổng hợp đánh giá hiện trạng phát triển đô thị Côn Đảo theo tiêu chí đô thị loại V

Stt	Các tiêu chí theo Nghị quyết số 1210/2016/UBTVQH13	Thang điểm	Đánh giá tiêu chuẩn			Đánh giá điểm hiện trạng đô thị	Đánh giá (Đạt/ Chưa đạt)
			Tổng số tiêu chuẩn	Số tiêu chuẩn đạt	Số tiêu chuẩn không đạt		
I	Vị trí, chức năng, vai trò, cơ cấu và trình độ phát triển kinh tế - xã hội	15 - 20	7,00	7	0,00	19,25	Đạt
II	Quy mô dân số	6 - 8	2,00	2	0,00	6,29	Đạt
III	Mật độ dân số	4,5 - 6	2,00	1	1,00	3,50	Chưa đạt
IV	Tỷ lệ lao động phi nông nghiệp	4,5 - 6	2,00	2	0,00	6,00	Đạt
V	Trình độ phát triển cơ sở hạ tầng và kiến trúc, cảnh quan đô thị	45 - 60	46,00	42	4,00	52,50	Đạt
	Tổng cộng	75 - 100	59	54	5	87,54	Chưa đạt

Bảng 4.6. Tổng hợp đánh giá hiện trạng phát triển đô thị Côn Đảo theo tiêu chí đô thị loại

IV

Stt	Các tiêu chí theo Nghị quyết số 1210/2016/UBTVQH13	Thang điểm	Đánh giá tiêu chuẩn			Đánh giá điểm hiện trạng đô thị	Đánh giá (Đạt/ Chưa đạt)
			Tổng số tiêu chuẩn	Số tiêu chuẩn đạt	Số tiêu chuẩn không đạt		
I	Vị trí, chức năng, vai trò, cơ cấu và trình độ phát triển kinh tế - xã hội	15 - 20	7,00	7	0,00	19,25	Đạt
II	Quy mô dân số	6 - 8	2,00	1	1,00	4,50	Chưa đạt
III	Mật độ dân số	4,5 - 6	2,00	0	2,00	0,00	Chưa đạt
IV	Tỷ lệ lao động phi nông	4,5 - 6	2,00	2	0,00	6,00	Đạt

Stt	Các tiêu chí theo Nghị quyết số 1210/2016/UBTVQH13	Thang điểm	Đánh giá tiêu chuẩn			Đánh giá điểm hiện trạng đô thị	Đánh giá (Đạt/ Chưa đạt)
			Tổng số tiêu chuẩn	Số tiêu chuẩn đạt	Số tiêu chuẩn không đạt		
	nghiệp						
V	Trình độ phát triển cơ sở hạ tầng và kiến trúc, cảnh quan đô thị	45 - 60	46,00	40	6,00	49,10	Đạt
	Tổng cộng	75 - 100	59	50	9	78,85	Chưa đạt

Bảng 4.7. Thống kê số tiêu chuẩn chưa đạt theo tiêu chí đô thị loại IV

STT	Tên tiêu chí / tiêu chuẩn
I	Quy mô dân số
1	Dân số toàn đô thị
II	Mật độ dân số
2	Mật độ dân số toàn đô thị
3	Mật độ dân số khu vực nội thành, nội thị tính trên diện tích đất xây dựng đô thị
4	Tỷ lệ vận tải hành khách công cộng
5	Mật độ đường cống thoát nước chính
6	Tỷ lệ chất thải rắn sinh hoạt được xử lý tại khu chôn lấp hợp vệ sinh hoặc tại các nhà máy đốt, nhà máy chế biến rác thải
7	Nhà tang lễ
8	Tỷ lệ sử dụng hình thức hỏa táng
9	Đất cây xanh công cộng khu vực nội thành, nội thị

PHẦN III: NỘI DUNG CHƯƠNG TRÌNH PHÁT TRIỂN ĐÔ THỊ

Chương 5. Quan điểm, mục tiêu của Chương trình

5.1. Quan điểm

- Chương trình phát triển đô thị huyện Côn Đảo giai đoạn 2019 – 2030 phải phù hợp với Chương trình phát triển đô thị quốc gia và khả năng huy động nguồn lực thực tế tại địa phương.

- Chương trình phát triển đô thị huyện Côn Đảo giai đoạn 2019 – 2030 phải phù hợp với nội dung và khung thời gian của Quy hoạch xây dựng vùng tỉnh, Chương trình phát triển đô thị toàn tỉnh và điều chỉnh Quy hoạch chung xây dựng Côn Đảo được phê duyệt; xây dựng Côn Đảo đảm bảo mối quan hệ hài hòa giữa phát triển kinh tế với bảo tồn di tích lịch sử, văn hóa, bảo vệ hệ sinh thái rừng – biển, đảm bảo an ninh quốc phòng theo hướng phát triển hiện đại và bền vững.

5.2. Mục tiêu

- Làm cơ sở để đầu tư xây dựng Côn Đảo hoàn thiện các tiêu chuẩn chưa đạt và thấp điểm của đô thị loại V trong giai đoạn 2019 – 2020; chú trọng 05 tiêu chuẩn chưa đạt của đô thị loại V.

- Tiếp tục đầu tư phát triển Côn Đảo đạt các tiêu chuẩn của đô thị loại IV trong giai đoạn 2021 – 2025 và giai đoạn 2026 – 2030 theo hướng đô thị thông minh, thích ứng với biến đổi khí hậu và du lịch chất lượng cao; nâng cao vai trò, vị thế của Côn Đảo trong vùng tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu và cả nước. Trong giai đoạn 2021 – 2025, đầu tư xây dựng hoàn thiện tất cả các tiêu chuẩn, trong đó chú trọng 09 tiêu chuẩn chưa đạt so với tiêu chuẩn đô thị loại IV.

Chương 6. Các giải pháp thiết yếu xây dựng Côn Đảo phát triển theo hướng đô thị xanh - thích ứng với biến đổi khí hậu – đô thị thông minh

Huyện Côn Đảo có vai trò, chức năng quan trọng trong quốc phòng, an ninh và bảo vệ chủ quyền biển đảo của Tổ quốc; có giá trị đặc biệt trong lịch sử cách mạng bảo vệ Tổ quốc và có những giá trị lớn để phát triển kinh tế - xã hội gồm: môi trường thiên nhiên và cảnh quan sinh thái rừng – núi – biển đa dạng, có nguồn tài nguyên giàu có của vùng thềm lục địa, có vườn quốc gia Côn Đảo với giá trị quý hiếm.

Với vị trí quan trọng, đặc thù và những tiềm năng phát triển to lớn, Côn Đảo cần được định hướng phát triển theo những xu thế phát triển phù hợp và tiến bộ nhằm phát huy các thế mạnh, tiềm năng để phát triển kinh tế - xã hội; đồng thời tạo ra năng lực ứng phó với những nguy cơ đến từ biến đổi khí hậu, phát triển thiếu kiểm soát và giải quyết những vấn đề nổi trội, đang và sẽ là nguy cơ đe dọa sự phát triển bền vững của Côn Đảo như: các vấn đề về môi trường, cung cấp năng lượng.

Xét trên những điều kiện về vị trí, quy mô, vai trò, tính chất, điều kiện tài nguyên thiên nhiên và định hướng phát triển kinh tế - xã hội, Côn Đảo rất phù hợp để phát triển theo các xu thế phát triển sau:

- **Phát triển đô thị xanh:** Là xu hướng phát triển đặc biệt thích hợp với các đô thị có lợi thế vùng khí hậu và địa hình tự nhiên phong phú, đa dạng, nhất là các đô thị có quy mô trung bình và nhỏ với lợi thế dễ dàng phát triển thành các đô thị du lịch, đô thị truyền thống làng nghề, cho phép khai thác tài nguyên thiên nhiên một cách bền vững, hạn chế xây dựng mà vẫn tạo nguồn lực phát triển đô thị, hạn chế khai thác tài nguyên theo kiểu làm gia tăng các quỹ đất dành cho xây dựng, dẫn đến bê tông hóa bề mặt đô thị.

- **Phát triển đô thị thông minh:** Dựa vào công nghệ thông tin và truyền thông để vận hành đô thị nhằm đạt được hiệu quả trong việc sử dụng các nguồn lực phát triển du lịch – dịch vụ.

Việc đưa ra các giải pháp để đạt được các chỉ tiêu phát triển đô thị Côn Đảo theo từng giai đoạn cần được xem xét trên cơ sở đảm bảo phát triển Côn Đảo theo hướng là đô thị xanh, làm nền tảng hình thành đô thị thông minh trong tương lai. Trong đó, trước hết phải chú trọng các giải pháp về môi trường và năng lượng, cụ thể gồm những giải pháp sau:

6.1. Sử dụng năng lượng hiệu quả

- Sử dụng cây trồng để che nắng cũng như thông gió, cải tạo vi khí hậu.
- Lắp đặt hệ thống chiếu sáng nhân tạo tiết kiệm năng lượng và sử dụng năng

lượng sạch, Các loại đèn sử dụng năng lượng mặt trời với hệ thống điều khiển công nghệ cao, bao gồm các thiết bị cảm ứng, kiểm soát và điều khiển ánh sáng tự động.

- Mái nhà của các công trình cũng như của bãi đậu xe sẽ được lắp đặt hệ thống panel tiếp thu năng lượng mặt trời tạo ra điện sử dụng một số khu vực trong công trình.

- Sử dụng các vật liệu mái và tường có màu sáng, cách âm và cách nhiệt tốt. Sử dụng kính hạn chế ở các hướng Đông và Tây.

- Hạn chế các tổn thất điện năng và sử dụng tiết kiệm hợp lý các trang thiết bị và chiếu sáng nhân tạo.

- Sử dụng các nguồn năng lượng có thể tái tạo như pin mặt trời, pin nhiên liệu...

- Sử dụng công nghệ thông tin, điều khiển tự động công nghệ cao trong hệ thống kỹ thuật công trình.

- Sử dụng hệ thống điều hòa có công suất hợp lý và tiết kiệm năng lượng với hệ thống bao che cách nhiệt tốt.



Sử dụng Năng lượng mặt trời trên biển



Nguồn: Internet

6.2. Hệ thống thiết bị sử dụng điện năng lượng mặt trời



Hệ thống đèn đường sử dụng pin năng lượng mặt trời PL04



Hệ thống đèn đường sử dụng pin năng lượng mặt trời PL05 – Nguồn: Solarking



Trung tâm thương mại, siêu thị



Nhà xưởng, sản xuất – Nguồn: Solarking

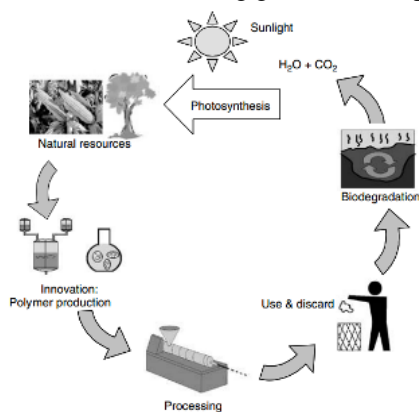
6.3. Sử dụng vật liệu hiệu quả

- Lựa chọn các nguyên vật liệu xây dựng và sản phẩm có tính bền vững thông qua đánh giá một số đặc tính như: thành phần tái chế và tái sử dụng, khả năng giảm thiểu các khí độc hại, chất độc, thấm nước, tính bền vững, khả năng sản xuất tại địa phương. Những sản phẩm này sẽ tăng cường hiệu quả sử dụng và bảo tồn các nguồn tài nguyên. Sử dụng các sản phẩm tái chế còn giúp phát triển thị trường nguyên liệu tái chế. Sử dụng các loại vật liệu thấm nước, để giảm thiểu một phần nguy cơ ngập úng.

- Áp dụng giải pháp sử dụng nguyên vật liệu hiệu quả, làm giảm lượng nguyên vật liệu xây dựng cần thiết cũng như cắt giảm chi phí xây dựng.

- Thiết lập kế hoạch quản lý, tái chế, tái sử dụng nguyên vật liệu từ khi xây dựng công trình đến quá trình sử dụng.

- Dành đủ không gian cho việc quản lý, thu gom và tái chế chất thải rắn.



Vòng đời của các polyme có khả năng phân hủy sinh học có thể duy trì cân bằng CO_2 trong môi trường. (Nguồn Internet)

6.4. Sử dụng nước hiệu quả

- Sử dụng nước thải vệ sinh đã qua xử lý sơ bộ và lưu trữ nước mưa để tưới cây

hay rửa đường. Sử dụng hệ thống tưới cây, rửa đường tự động và khép kín.

- Tiết kiệm nước và hạn chế nước thải thông qua các thiết bị vệ sinh tiết kiệm nước, các vòi rửa vận tốc thấp hay tự động.

- Sử dụng các hệ thống phân phối nước nóng quay vòng.

- Ứng dụng công nghệ Class Five+ rất hiệu quả trong sản phẩm bồn cầu Aerodyne mới của hãng Kohler, giúp tiết kiệm nước. Sự ra đời của công nghệ này đánh dấu một xu hướng mới trong sử dụng thiết bị vệ sinh tiết kiệm nước. Sử dụng thiết bị vệ sinh ứng dụng công nghệ xả Class Five+ sẽ giúp hạn chế lãng phí nước một cách chủ động, có khả năng tiết kiệm 20-30% lượng nước so với tiêu chuẩn.

6.5. Vật liệu xanh

- Nhiều vật liệu xây dựng hiện đại giúp đáp ứng các yêu cầu về tiết kiệm tài nguyên và cả vật liệu xây dựng.

- Tự nhiên và có thể tái tạo – Về cơ bản, ưu tiên được dành cho các vật liệu bền vững và được chứng nhận bởi một cơ quan độc lập bên thứ ba.

- Hiệu quả của các quy trình sản xuất – Các sản phẩm được sản xuất với sự trợ giúp của quy trình hiệu quả về tài nguyên và năng lượng sẽ được ưu tiên hơn.

- Tính sẵn có của địa phương –

Một trong những lợi ích chính của việc sử dụng vật liệu xây dựng xanh là chúng đang có và nên có sẵn tại địa phương.

- Độ bền – Các vật liệu được sử dụng trong việc xây dựng các tòa nhà như vậy phải kéo dài hơn các vật liệu thông thường khác được sử dụng cho mục đích xây dựng.



Gạch không nung là một trong những vật liệu xây dựng xanh tiêu biểu nhất hiện nay

6.6. Công trình xanh

Thiết kế và sử dụng các công trình đạt được hiệu quả cao trong sử dụng năng lượng và vật liệu, giảm thiểu các tác động xấu tới môi trường; đồng thời hạn chế tối đa những tác động không tốt của môi trường xây dựng tới sức khỏe con người và môi trường tự nhiên như:

- Thân thiện với thiên nhiên nhờ đó bảo vệ được hệ sinh thái, bảo vệ môi trường sống của con người;

- Giảm tiêu thụ năng lượng nhờ sử dụng năng lượng tự nhiên, năng lượng tái tạo,

phần đầu giảm phát thải khí CO₂ đến mức 90% so với trước đây, khi đó công trình được coi là vận hành “không carbon / carbon neutral”;

- Bảo vệ tài nguyên thiên nhiên, đặc biệt nguồn nước và vật liệu xây dựng;
- Tạo môi trường sống vệ sinh, sức khỏe cho con người.

6.7. Tái chế và giảm rác thải

- Phân loại tại nguồn phát sinh được hiểu là các loại chất thải cùng loại, cùng giá trị sử dụng, tái chế, hay xử lý... được phân chia và chứa riêng biệt.

- Tăng cường thu hồi sản phẩm đã sử dụng để dùng lại cho cùng một mục đích, hoặc tìm ra một mục đích sử dụng khác. Tái sử dụng tập trung chủ yếu vào các loại chai đựng đồ uống, các loại bao bì vận chuyển thông qua khâu lưu thông dưới dạng đặt cọc để khép kín một chu trình: sản xuất – lưu thông – tiêu dùng – lưu thông – sản xuất.

- Khuyến khích các cơ sở tái chế chất thải rắn bằng cách thu hồi các sản phẩm đã qua sử dụng, xử lý hoặc chế biến lại để đưa vào nền kinh tế dưới dạng các sản phẩm ban đầu hoặc tạo ra các sản phẩm mới.

- Tái sử dụng và tái chế chất thải rắn có thể thực hiện tốt ở các khu công nghiệp tập trung trên cơ sở hình thành một hệ thống thông tin để trao đổi chất thải vì trong một số trường hợp chất thải cần phải loại bỏ ở nơi này để trở thành nguyên liệu đầu vào ở nơi khác.

6.8. Sử dụng hệ thống giao thông công cộng

- Trên đảo Côn Sơn cần bố trí các trạm xe buýt, xe điện để phục vụ nhu cầu đi lại của người dân cũng như du khách, để hạn chế giao thông cá nhân.

- Các trạm xe điện phục vụ du khách sẽ được kết hợp chung với trạm xe buýt, có hình thức kiến trúc đơn giản, tích hợp sử dụng năng lượng mặt trời.



Trạm xe buýt có mái che tích hợp năng lượng - Nguồn: Internet



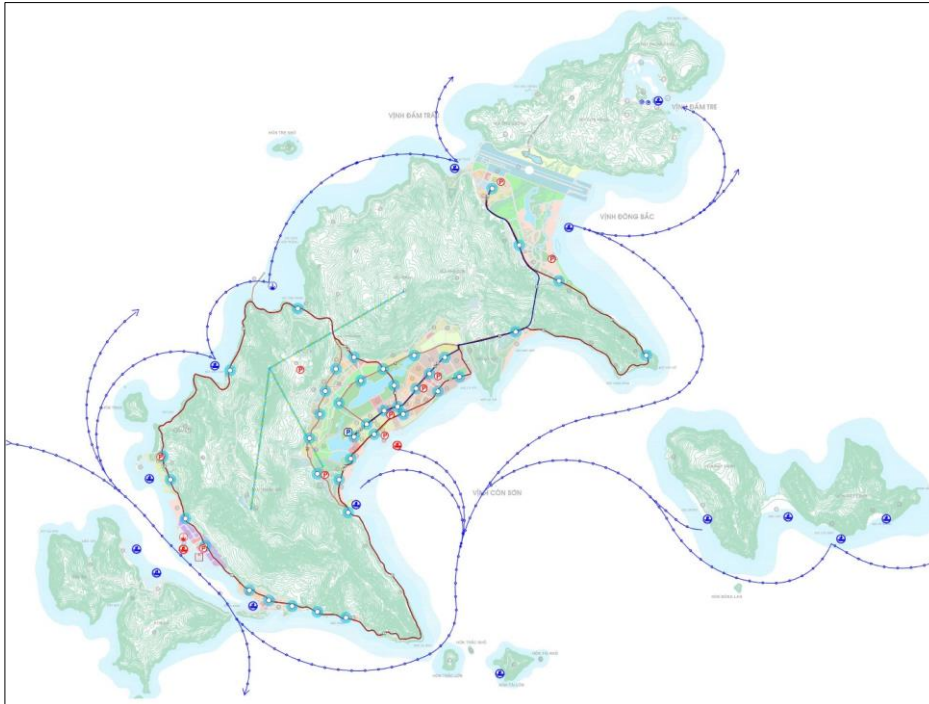
Trạm xe đạp áp dụng công nghệ dành cho du khách – Nguồn: Internet



Trạm xe đạp có mái che



Trạm dừng chân - Nguồn: Internet



Sơ đồ mạng lưới các tuyến Buýt và xe điện của đảo Côn Sơn

6.9. Triển khai các đề án của các ngành, lĩnh vực liên quan đến phát triển đô thị thông minh trên địa bàn tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu

Áp dụng triển khai các đề án thành phần của các ngành, lĩnh vực liên quan gồm:

- Đề án Quản lý giáo dục thông minh trên địa bàn tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu đến năm 2025.

- Đề án: Quản lý môi trường thông minh tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

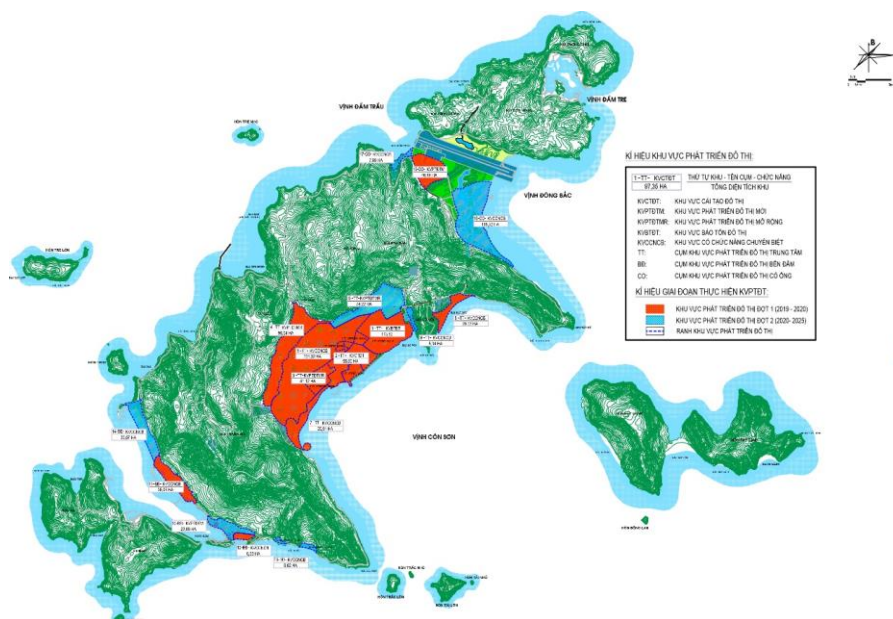
- Dự án hệ thống giao thông thông minh, giám sát tự động bằng camera trên địa bàn tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

- Đề án y tế thông minh.

Chương 7. Danh mục lộ trình triển khai xây dựng các khu vực phát triển đô thị

7.1. Định hướng phân bố các khu vực phát triển đô thị huyện Côn Đảo đến năm 2030

Trên cơ sở định hướng điều chỉnh quy hoạch chung xây dựng Côn Đảo, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu đến năm 2030, Côn Đảo sẽ hình thành 17 khu vực phát triển đô thị với tổng diện tích khoảng 954,18 ha.



Hình 2. Sơ đồ phân bố các khu vực phát triển đô thị huyện Côn Đảo

7.1.1. Cụm khu vực phát triển đô thị trung tâm

Vị trí: ở vị trí trung tâm Côn Đảo, nằm ở thung lũng hình bán nguyệt, thuộc khoảng giữa của sân bay Cỏ Ống và cảng Bến Đầm.

Tổng quy mô diện tích: 672,4 ha.

Quy mô dân số quy hoạch: Đến năm 2030 khoảng 13.560 người (bao gồm dân số tăng tự nhiên và dân số tăng do lượng lao động).

Tính chất, chức năng:

- Khu trung tâm Côn Sơn là đô thị trung tâm, là hạt nhân của toàn đảo.
- Là trung tâm đô thị di sản – đô thị du lịch với các chức năng về hành chính, du lịch và dịch vụ.
- Có chức năng quan trọng về bảo tồn tôn tạo phát huy giá trị di tích lịch sử kết hợp khai thác du lịch chất lượng cao gắn với môi trường cảnh quan.

Các khu vực phát triển đô thị thuộc khu trung tâm gồm:

a) Khu vực bảo tồn đô thị (Khu vực 1):

a1) Cơ sở hình thành: Khu vực bảo tồn đô thị thuộc phạm vi lập điều chỉnh Quy hoạch tổng thể bảo tồn, tôn tạo và phát huy giá trị di tích lịch sử quốc gia đặc biệt Côn Đảo.

- Vị trí, giới hạn: Thuộc cụm khu vực phát triển đô thị trung tâm, gồm các khu

vực cụ thể sau:

- + Cụm di tích trung tâm: giới hạn bởi đường Nguyễn Thị Minh Khai, đường Lê Đức Thọ, đường Trần Phú và đường Tôn Đức Thắng.
- + Cụm di tích nghĩa trang Hàng Dương.
- + Cụm di tích Chuông Bò.

(Các điểm di tích: Cầu Ma Thiên Lãnh, Sờ Muối, chùa Núi một, đền thờ Bà Phi Yến, Khu nghĩa địa Tây, nhà tưởng niệm Anh hùng lực lượng vũ trang Võ Thị Sáu là các điểm di tích được lồng ghép trong các khu vực phát triển đô thị khác trên cơ sở tuân thủ các định hướng của điều chỉnh Quy hoạch tổng thể bảo tồn, tôn tạo và phát huy giá trị di tích lịch sử quốc gia đặc biệt Côn Đảo).



Hình 3. Vị trí, ranh giới khu vực bảo tồn đô thị (Khu vực 1)

a2) Quy mô: Tổng diện tích 114,66 ha. Gồm:

- + Cụm di tích trung tâm: 16,56 ha.
- + Cụm di tích nghĩa trang Hàng Dương: 92,71 ha.
- + Cụm di tích Chuông Bò: 4,55 ha.

a3) Tính chất, chức năng chính:

- Đây là khu vực tọa lạc của các di tích lịch sử quốc gia đặc biệt của Côn Đảo và vùng đệm xung quanh các di tích, được bảo tồn, tôn tạo nhằm tôn vinh tấm gương hy sinh anh dũng, bất khuất của các chiến sỹ cách mạng vì sự nghiệp đấu tranh giải phóng dân tộc, giáo dục truyền thống đấu tranh cách mạng cho các thế hệ mai sau.

- Đây là khu vực tạo ra các sản phẩm du lịch đa dạng và phong phú, nâng cao đời sống vật chất và tinh thần cho nhân dân huyện Côn Đảo.

a4) Định hướng phát triển: Trong khu vực bảo tồn đô thị chia làm 2 khu: Khu vực bảo tồn và Khu vực phát huy giá trị di tích.

- Đối với phân khu bảo tồn:

+ Không xây dựng các công trình kiến trúc mới. Ngoài việc tu bổ, tôn tạo các công trình di tích đã bị xuống cấp, chỉ xây dựng các biển bảng giới thiệu di tích và biển chỉ dẫn đường phù hợp;

+ Các hạng mục công trình trong khuôn viên di tích đã bị phá hủy hoàn toàn chỉ được phục hồi khi: có giá trị đặc biệt về mặt lịch sử, có ý nghĩa tạo lập hoàn chỉnh một không gian di tích gốc và có đủ tư liệu khoa học;

+ Các hạng mục công trình trong di tích đã bị phá hủy, không thuộc diện phục hồi chỉ tiến hành bảo tồn phần nền móng còn lại hoặc trồng cây xanh tạo hình nền, kết hợp dựng biển bảng giới thiệu.

- Đối với phân khu phát huy giá trị di tích:

+ Đối với các di tích đã được chuyển đổi mục đích sử dụng: không được thay đổi hình thức kiến trúc và cảnh quan bên ngoài;

+ Đối với các công trình xây dựng hiện hữu: cải tạo hình thức kiến trúc, hàng rào và cảnh quan tương ứng với cảnh quan lịch sử;

+ Xây dựng các công trình phục vụ phát huy giá trị di tích với hình thức mái dốc, chiều cao tối đa so với cao độ vỉa hè không quá 12m; sử dụng vật liệu và màu sắc phù hợp, hài hòa với không gian cảnh quan chung của di tích;

b) Khu vực cải tạo đô thị (Khu vực 2):

b1) Cơ sở hình thành:

- Đây là khu vực dân cư hiện hữu, tập trung hầu hết các công trình công cộng của huyện Côn Đảo, có mật độ dân cư cao và hệ thống cơ sở hạ tầng phát triển nhất huyện Côn Đảo. Các khu dân cư phát triển chủ yếu theo hình thái nhà ở thương mại và nhà vườn định hình bởi các ô phố nhỏ tạo bởi mạng lưới ô cờ.

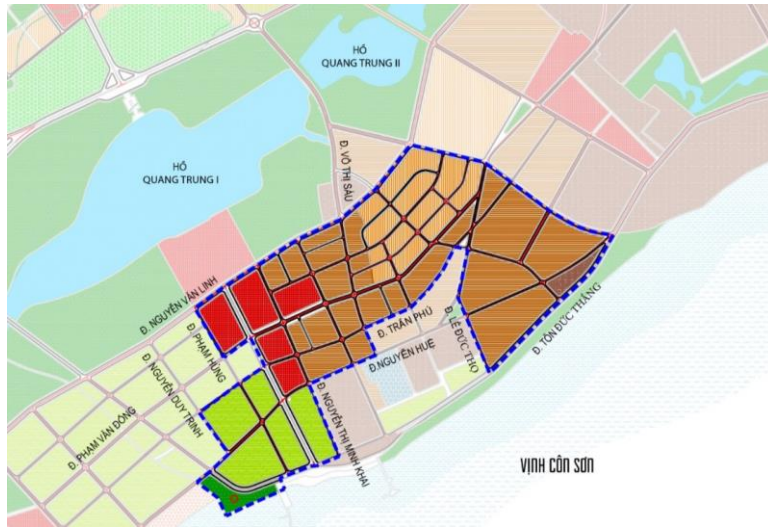
- Vị trí, giới hạn: Thuộc cụm khu vực phát triển đô thị trung tâm, có tứ cận cụ thể như sau:

+ Phía Đông : Giáp cụm di tích nghĩa trang Hàng Dương;

+ Phía Tây : Giáp các tuyến đường đô thị: Phạm Hùng, Nguyễn Duy Trinh;

+ Phía Nam : Giáp cụm di tích trung tâm;

+ Phía Bắc : Giáp đường Nguyễn Văn Linh.



Hình 4. Vị trí, ranh giới khu vực cải tạo đô thị (Khu vực 2)

b2) Quy mô: 55,60 ha.

b3) Tính chất, chức năng chính:

Các khu dân cư hiện hữu và các công trình công cộng.

b4) Định hướng phát triển:

- Hạn chế mở rộng khu dân cư hiện hữu. Tổ chức dân cư hiện hữu chuyển đổi dần thành kết hợp giữa ở và dịch vụ du lịch như nhà nghỉ, bán hàng lưu niệm.
- Trên tuyến đường Tôn Đức Thắng tổ chức các điểm đón hướng đường Lê Duẩn, Lê Đức Thọ và đường Nguyễn Huệ về phía biển tổ chức các không gian mở, không gian công cộng đi dọc tuyến đường Tôn Đức Thắng, tổ chức các dịch vụ nhỏ, hình tượng điểm nhấn cho Côn Đảo.

c) Các khu vực phát triển đô thị mở rộng (Khu vực 3, Khu vực 4, Khu vực 5):

c1) Khu vực 3:

- Cơ sở hình thành: Khu vực 3 được định hướng quy hoạch sử dụng chủ yếu cho mục đích dịch vụ du lịch, dân cư hỗn hợp.

Vị trí, giới hạn: Thuộc cụm khu vực phát triển đô thị trung tâm, gồm 02 khu vực:

- Khu vực phía Tây Nam khu dân cư đô thị hiện hữu có tứ cận như sau:

- + Phía Đông : Giáp đường Phạm Hùng;
- + Phía Tây : Giáp đường Vũ Văn Hiếu;
- + Phía Nam : Giáp đường Trần Phú;
- + Phía Bắc : Giáp đường Nguyễn Văn Linh.

- Khu vực phía Đông Bắc khu dân cư đô thị hiện hữu có tứ cận như sau:

- + Phía Đông : Giáp Khu vực bảo tồn đô thị;
- + Phía Tây : Giáp đường Võ Thị Sáu;
- + Phía Nam : Giáp đường Nguyễn An Ninh;
- + Phía Bắc : Giáp khu cây xanh hồ Quang Trung II.



Hình 5. Vị trí, ranh giới khu vực phát triển đô thị mở rộng (Khu vực 3)

- Quy mô: Tổng diện tích 41,12 ha, trong đó:
 - + Khu vực phía Tây Nam khu dân cư đô thị hiện hữu: 30,68 ha.
 - + Khu vực phía Đông Bắc khu dân cư đô thị hiện hữu, tiếp giáp vùng bảo tồn di tích: 10,44 ha.
- Tính chất, chức năng chính:
 - + Khu vực phía Tây Nam khu dân cư đô thị hiện hữu: đã đầu tư hệ thống hạ tầng kỹ thuật, ưu tiên phát triển các dịch vụ phục vụ du lịch.
 - + Khu vực phía Đông Bắc khu dân cư đô thị hiện hữu, tiếp giáp vùng bảo tồn di tích: là khu dân cư mới.
- Định hướng phát triển:
 - + Khu vực phía Tây Nam khu dân cư đô thị hiện hữu: Xây dựng các khu khách sạn, nhà hàng, văn phòng phục vụ du lịch các không gian công cộng phục vụ du lịch. Tại các khu vực này yêu cầu mật độ xây dựng tối đa 45%, tầng cao xây dựng 2 – 5 tầng.
 - + Khu vực phía Đông Bắc khu dân cư đô thị hiện hữu, tiếp giáp vùng bảo tồn di tích: khuyến khích mô hình nhà ở thấp tầng, có khoảng không gian xanh đệm đối với khu di tích, nhà chung cư có tầng cao không quá 5 tầng.

c2) Khu vực 4:

- Cơ sở hình thành: Là khu dân cư phía Tây Bắc trung tâm hiện hữu, đây là khu vực phát triển dân cư mới cho toàn Côn Đảo.

- Vị trí, giới hạn: Thuộc cụm khu vực phát triển đô thị trung tâm, có tứ cận cụ thể như sau:

- + Phía Đông : Giáp Vườn quốc gia Côn Đảo;
- + Phía Tây : Giáp Vườn quốc gia Côn Đảo;
- + Phía Nam : Giáp khu công viên cảnh quan – văn hóa - TDTT;
- + Phía Bắc : Giáp Vườn quốc gia Côn Đảo.



Hình 6. Vị trí, ranh giới khu vực phát triển đô thị mở rộng (Khu vực 4)

- Quy mô: 95,04 ha.

- Tính chất, chức năng chính: Là khu vực phát triển dân cư mới cho toàn Côn Đảo.

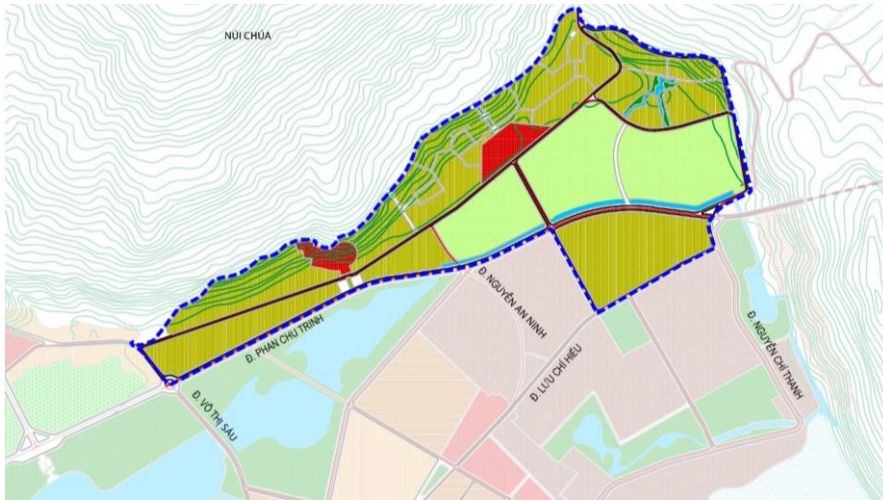
- Định hướng phát triển: Tổ chức các loại hình nhà ở: nhà vườn gắn với sản xuất nông nghiệp, nhà ở ghép hộ theo tầng bậc bám theo các triền núi thấp, nhà ở chung cư bám theo triền núi phục vụ nhu cầu ở cho lao động phục vụ du lịch.

- + Đối với khu nhà ở thấp tầng: Mật độ xây dựng 50 – 60%, tầng cao 1 – 4 tầng.
- + Đối với các công trình dịch vụ đô thị: Mật độ xây dựng 35 – 40%, tầng cao xây dựng 2 – 5 tầng.
- + Đối với công trình thương mại, chung cư, khách sạn: Mật độ xây dựng 30 – 35%, tầng cao từ 05 – 08 tầng.

c3) Khu vực 5:

- Cơ sở hình thành: Là khu dân cư phía Đông Bắc trung tâm hiện hữu.
- Vị trí, giới hạn: Thuộc cụm khu vực phát triển đô thị trung tâm, có tứ cận cụ thể như sau:

- + Phía Đông : Giáp Vườn quốc gia Côn Đảo;
- + Phía Tây : Giáp đường Võ Thị Sáu;
- + Phía Nam : Giáp khu vực bảo tồn đô thị;
- + Phía Bắc : Giáp Vườn quốc gia Côn Đảo.



Hình 7. Vị trí, ranh giới khu vực phát triển đô thị mở rộng (Khu vực 5)

- Quy mô: 74,22 ha.
- Tính chất, chức năng chính: Khu dân cư kết hợp nông nghiệp, du lịch làng nghề truyền thống.

- Định hướng phát triển: Duy trì dân cư hiện hữu với hình thức nhà vườn, nhà gắn với sản xuất nông nghiệp. Tổ chức một khu làng nghề du lịch truyền thống với các mô hình nhà ở sinh thái, các khu nhà ở kết hợp sản xuất, nhà nghỉ theo hình thức homestay bên cạnh đó tổ chức các không gian trưng bày giới thiệu mua bán sản phẩm địa phương,... Mật độ xây dựng: 40 – 60%, tầng cao xây dựng 1 – 4 tầng. Bảo vệ và lưu giữ diện tích đất nông nghiệp phù hợp phía Bắc nghĩa trang Hàng Dương, cải tạo vùng chuyên canh, nông nghiệp sạch năng suất cao phục vụ một phần nhu cầu về thực phẩm và khai thác du lịch.

d) Các khu vực có chức năng chuyên biệt (Khu vực 6, Khu vực 7, Khu vực 8, Khu vực 9):

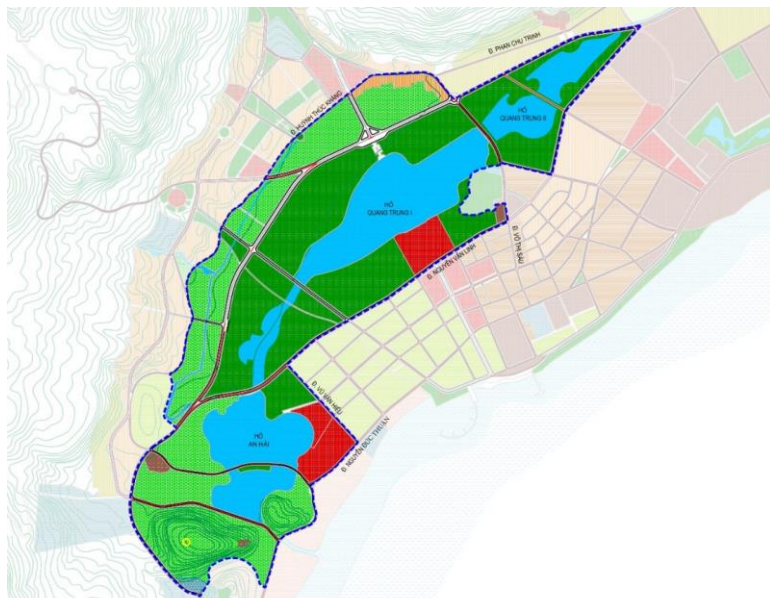
d1) Khu vực 6:

- Cơ sở hình thành: Là không gian đệm giữa khu dân cư hiện hữu và khu đô thị mới phía Tây Bắc hồ Quang Trung, gắn với nguồn trữ nước hồ Quang Trung I, hồ Quang Trung II, hồ An Hải và các khu vực nông nghiệp hiện hữu.

- Vị trí, giới hạn: Thuộc cụm khu vực phát triển đô thị trung tâm, có tứ cận cụ thể như sau:

- + Phía Đông : Giáp Vườn quốc gia Côn Đảo;
- + Phía Tây : Giáp đường Huỳnh Thúc Kháng;

- + Phía Nam : Giáp đường Nguyễn Đức Thuận, đường Bến Đầm;
- + Phía Bắc : Giáp đường Huỳnh Thúc Kháng.



Hình 8. Vị trí, ranh giới khu vực có chức năng chuyên biệt (Khu vực 6)

- Quy mô: 231,32 ha.
- Tính chất, chức năng chính: Khu công viên – cây xanh – mặt nước kết hợp các công trình văn hóa, thể dục thể thao.

- Định hướng phát triển: Tại khu vực này tổ chức khu công viên – trung tâm TDTT Côn Đảo gắn với quảng trường văn hóa sự kiện, cây xanh sinh thái. Tại khu trung tâm TDTT tổ chức mật độ xây dựng tối đa 35%, tầng cao 1-3 tầng. Tại khu vực công viên cây xanh, vùng đệm bảo vệ nguồn nước hồ Quang Trung, tổ chức mật độ xây dựng tối đa 5%, tầng cao 1 tầng.

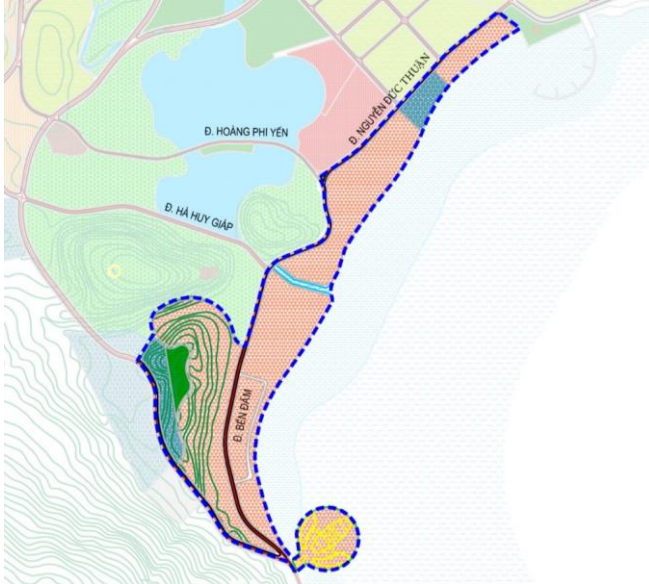
d2) Khu vực 7:

- Cơ sở hình thành: Là khu phát triển du lịch sinh thái phía Nam trung tâm Côn Đảo.

- Vị trí, giới hạn: Thuộc cụm khu vực phát triển đô thị trung tâm, có tứ cận cụ thể như sau:

- + Phía Đông : Giáp đường Tôn Đức Thắng;
- + Phía Tây : Giáp đường Huỳnh Thúc Kháng;
- + Phía Nam : Giáp vịnh Côn Sơn;

+ Phía Bắc : Giáp đường Nguyễn Đức Thuận, đường Bến Đầm.



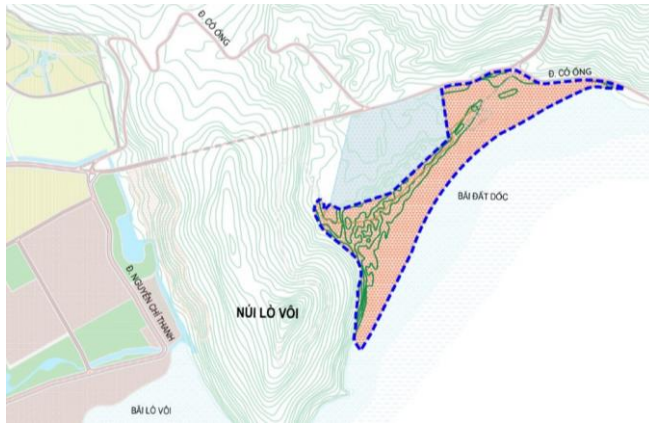
Hình 9. Khu vực có chức năng chuyên biệt (Khu vực 7)

- Quy mô: 35,91 ha.
- Tính chất, chức năng chính: Khu du lịch, dịch vụ nghỉ dưỡng.
- Định hướng phát triển: Không gian du lịch gồm các khu nhà nghỉ thấp tầng dọc biển, không phá vỡ cảnh quan hướng biển. Tại khu vực nghỉ dưỡng trên núi, yêu cầu mật độ xây dựng tối đa 15%, tầng cao xây dựng: 1-2 tầng. Các khu vực khác mật độ không quá 25%, tầng cao 2-3 tầng. Tại khu vực khách sạn điểm nhấn, mật độ xây dựng tối đa 25%, tầng cao tối đa 21 tầng.

d3) Khu vực 8:

- Cơ sở hình thành: Là khu cảnh quan thiên nhiên khai thác du lịch nghỉ dưỡng.
- Vị trí, giới hạn: Thuộc cụm khu vực phát triển đô thị trung tâm, có tứ cận cụ thể như sau:

- + Phía Đông : Giáp đường Cỏ Ống;
- + Phía Tây : Giáp núi Lò Vôi;
- + Phía Nam : Giáp vịnh Côn Sơn;
- + Phía Bắc : Giáp đường Cỏ Ống.



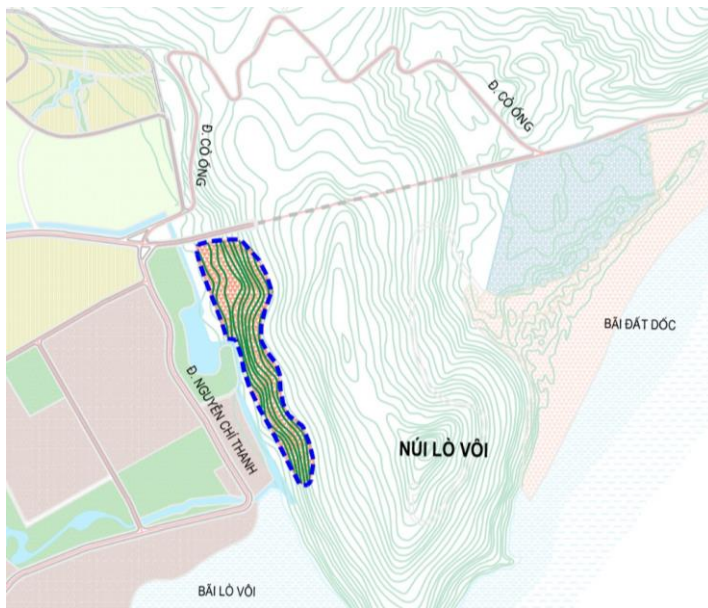
Hình 10. Vị trí, ranh giới khu vực có chức năng chuyên biệt (Khu vực 8)

- Quy mô: 20,03 ha.
- Tính chất, chức năng chính: Khu du lịch - nghỉ dưỡng.
- Định hướng phát triển: Trên cơ sở địa hình tự nhiên và bãi biển dài, biệt lập của bãi Đất Đỏc, tổ chức khu nghỉ dưỡng cao cấp với đầy đủ các tiện nghi. Khu vực nhà nghỉ tổ chức theo từng cụm dọc bãi biển, khai thác tối đa địa hình tự nhiên tạo thành các lớp nhà nghỉ hướng biển. Yêu cầu mật độ xây dựng tối đa 25%, tầng cao xây dựng 1-3 tầng.

d4) Khu vực 9:

- Cơ sở hình thành: Là khu cảnh quan thiên nhiên khai thác du lịch nghỉ dưỡng.
- Vị trí, giới hạn: Thuộc cụm khu vực phát triển đô thị trung tâm, có tứ cận cụ thể như sau:

- + Phía Đông : Giáp núi Lò Vôi;
- + Phía Tây : Giáp khu vực bảo tồn đô thị;
- + Phía Nam : Giáp núi Lò Vôi;
- + Phía Bắc : Giáp đường hầm quy hoạch.



Hình 11. Vị trí, ranh giới khu vực có chức năng chuyên biệt (Khu vực 9)

- Quy mô: 5,34 ha.
- Tính chất, chức năng chính: Khu du lịch - nghỉ dưỡng.
- Định hướng phát triển: Khu du lịch Lò Vôi tổ chức gắn với hồ nước cảnh quan và các dòng suối tự nhiên, các công trình gắn với địa hình thung lũng và đồi dốc. Yêu cầu mật độ xây dựng tối đa 25%, tầng cao xây dựng 1-3 tầng.

7.1.2. Cụm khu vực phát triển đô thị Bến Đầm

a) Khu vực phát triển đô thị mới (Khu vực 10):

- Cơ sở hình thành: Là khu vực định hướng phát triển khu dân cư Bến Đầm.
- Vị trí, giới hạn: Thuộc cụm khu vực phát triển đô thị Bến Đầm, có tứ cận cụ thể như sau:

- + Phía Đông : Giáp khu du lịch Việt - Nga;
- + Phía Tây : Giáp vịnh Bến Đầm;
- + Phía Nam : Giáp vịnh Bến Đầm;
- + Phía Bắc : Giáp núi Thánh Giá.



Hình 12. Vị trí, ranh giới khu vực phát triển đô thị mới (Khu vực 10)

- Quy mô: 23,65 ha.
- Tính chất, chức năng chính: Khu dân cư.
- Định hướng phát triển: Tổ chức khu dân cư kết hợp các tiện ích công cộng và trung tâm thương mại tập trung phục vụ người dân và khách du lịch. Xây dựng các công trình công cộng cung cấp các dịch vụ xã hội thiết yếu cho người dân như trường học, phòng khám đa khoa, chợ, bưu điện. Phía Bắc khu dân cư quy hoạch 01 khu làng chài kết hợp dịch vụ du lịch, khu vực bãi ngập ven bờ được khai thác tổ chức một bãi tắm nhỏ. Quy định mật độ xây dựng đối với khu làng chài kết hợp du lịch là 40 – 50%, công trình cao tối đa 2 tầng; đối với nhà ở liền kề kết hợp kinh doanh dịch vụ có chiều cao tối đa 4 tầng, mật độ xây dựng tối đa 80%; nhà ở chung cư có mật độ xây dựng 30 – 35%, tầng cao tối đa 5 tầng.

b) Các khu vực có chức năng chuyên biệt:

b1) Khu vực 11:

- Cơ sở hình thành: Là khu cảng Bến Đầm và các dịch vụ đi kèm.
- Vị trí, giới hạn: Thuộc cụm khu vực phát triển đô thị Bến Đầm, có tứ cận cụ thể như sau:

- + Phía Đông : Giáp núi Thánh Giá;
- + Phía Tây : Giáp vịnh Bến Đầm;
- + Phía Nam : Giáp vịnh Bến Đầm;
- + Phía Bắc : Giáp vịnh Bến Đầm.



Hình 13. Vị trí, ranh giới khu vực có chức năng chuyên biệt (Khu vực 11)

- Quy mô: 35,05 ha.

- Tính chất, chức năng chính: Là trung tâm thương mại dịch vụ cảng và công nghiệp nhỏ phục vụ dân cư trên đảo và tàu thuyền trú bão. Đây là cửa ngõ chính tiếp cận bằng đường biển của toàn huyện Côn Đảo.

Định hướng phát triển: Phát triển nhiều khu chức năng: các khu vực hoạt động xúc tiến du lịch, thương mại, dịch vụ hậu cần cảng, công nghiệp nhỏ và kho bãi hàng hóa. Quy định mật độ xây dựng đối với các công trình dịch vụ hậu cần cảng là 35-40%, chiều cao công trình tối đa 4 tầng, công trình công cộng và các công trình hỗn hợp dịch vụ thương mại mật độ xây dựng từ 35 đến 45%, chiều cao trung bình 2-3 tầng. Đối với cụm công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp, quy định mật độ xây dựng được xác định theo quy hoạch tiết 1/500 đã được phê duyệt, từ 50-60%, chiều cao công trình tối đa 1 tầng.

b2) Khu vực 12:

- Cơ sở hình thành: Là khu du lịch Việt Nga đã hình thành.

- Vị trí, giới hạn: Thuộc cụm khu vực phát triển đô thị Bến Đầm, có tứ cận cụ thể như sau:

- + Phía Đông : Giáp núi;
- + Phía Tây : Giáp khu dân cư Bến Đầm quy hoạch mới;
- + Phía Nam : Giáp biển Đông;
- + Phía Bắc : Giáp đường Bến Đầm.



Hình 14. Vị trí, ranh giới khu vực có chức năng chuyên biệt (Khu vực 12)

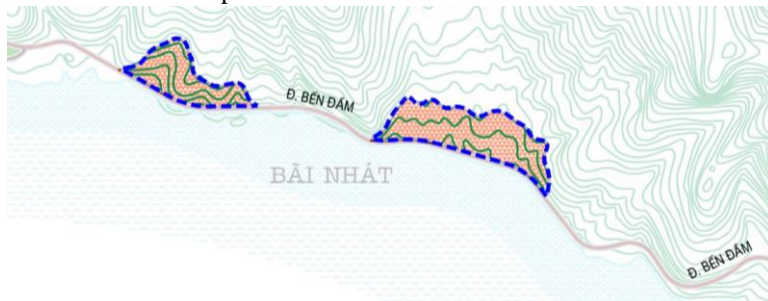
- Quy mô: 6,93 ha.
- Tính chất, chức năng chính: Khu du lịch nghỉ dưỡng.

b3) Khu vực 13:

- Cơ sở hình thành: Là các khu du lịch hình thành dọc theo bãi Nhát.
- Vị trí, giới hạn: Thuộc cụm khu vực phát triển đô thị Bến Đầm, có tứ cận cụ thể

như sau:

- + Phía Đông : Giáp núi Thánh Giá;
- + Phía Tây : Giáp núi Thánh Giá;
- + Phía Nam : Giáp đường Bến Đầm;
- + Phía Bắc : Giáp núi Thánh Giá.



Hình 15. Vị trí, ranh giới khu vực có chức năng chuyên biệt (Khu vực 13)

- Quy mô: 6,62 ha.
- Tính chất, chức năng chính: Khu du lịch nghỉ dưỡng.

Định hướng phát triển: Quy định mật độ xây dựng đối với nhà ở biệt thự ven núi khoảng 25%, chiều cao công trình tối đa 2 tầng; công trình dịch vụ thương mại có mật độ xây dựng từ 30 đến 45%, chiều cao trung bình 1-3 tầng.

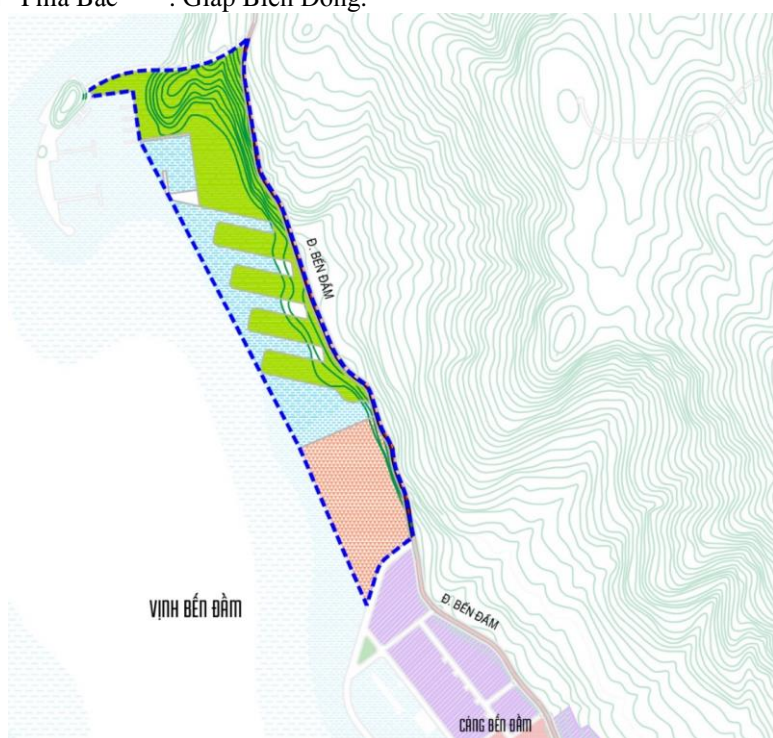
b4) Khu vực 14:

- Cơ sở hình thành: Là khu dịch vụ đô thị - bến du thuyền nằm ở vị trí cửa ngõ ra

biển và các đảo xung quanh Côn Đảo.

- Vị trí, giới hạn: Thuộc cụm khu vực phát triển đô thị Bến Đầm, có tứ cận cụ thể như sau:

- + Phía Đông : Giáp đường Bến Đầm;
- + Phía Tây : Giáp vịnh Bến Đầm;
- + Phía Nam : Giáp khu Cảng Bến Đầm;
- + Phía Bắc : Giáp Biển Đông.



Hình 16. Vị trí, ranh giới khu vực có chức năng chuyên biệt (Khu vực 14)

- Quy mô: 36,67 ha.
- Tính chất, chức năng chính: Khu vui chơi giải trí - du lịch nghỉ dưỡng.
- Định hướng phát triển: Xây dựng một khu du thuyền sang trọng ngay lối vào cảng, xây dựng một thủy cung tiêu chuẩn quốc tế cùng với câu lạc bộ bơi thuyền, lặn biển, nhà hàng và khách sạn tiện nghi nhìn ra biển. Khi trung tâm quản lý công viên biển này được hình thành gắn với công trình thủy cung, khu "trung tâm nghiên cứu rùa biển" hiện đang đặt tại trung tâm Côn Sơn cũng có thể di dời về đây, tập trung thành một trung tâm nghiên cứu sinh vật biển lớn cho toàn vườn quốc gia Côn Đảo. Ngoài ra, tại khu vực phía Đông Bắc tuyến đường Bến Đầm cũng sẽ phát triển xây dựng biệt thự

ven đồi nhằm khai thác vị trí đẹp có tầm nhìn ra biển cho hoạt động du lịch nghỉ dưỡng, phía Tây Nam bố trí các Biệt thự du lịch nổi có bến đậu thuyền nhỏ sau nhà, là một điểm nghỉ dưỡng hấp dẫn của khu vực. Quy định mật độ xây dựng đối với nhà ở biệt thự ven núi và biệt thự nổi trên biển khoảng 25%, chiều cao công trình tối đa 2 tầng, công trình công cộng, khu thủy cung và các công trình dịch vụ thương mại khác mật độ xây dựng từ 30 đến 45%, chiều cao trung bình 1-3 tầng.

7.1.3. Cụm khu vực phát triển đô thị Cỏ Ống

a) Khu vực phát triển đô thị mới (Khu vực 15):

- Cơ sở hình thành: Là khu đô thị du lịch và thương mại – đô thị hàng không.
- Vị trí, giới hạn: Thuộc cụm khu vực phát triển đô thị Cỏ Ống, có tứ cận cụ thể

như sau:

- + Phía Đông, phía Tây : Giáp các tuyến đường quy hoạch;
- + Phía Nam : Giáp đường Cỏ Ống;
- + Phía Bắc : Giáp Cảng hàng không Côn Sơn.



Hình 17. Vị trí, ranh giới khu vực phát triển đô thị mới (Khu vực 15)

- Quy mô: 46,49 ha.
- Tính chất, chức năng chính: Khu đô thị mới.
- Định hướng phát triển: Phát triển khu hỗn hợp với hạ tầng đồng bộ và hiện đại bao gồm các trung tâm dịch vụ lớn, các trung tâm thương mại miễn thuế, trung tâm dịch vụ tài chính, viễn thông, lễ hành gắn với cảng hàng không.

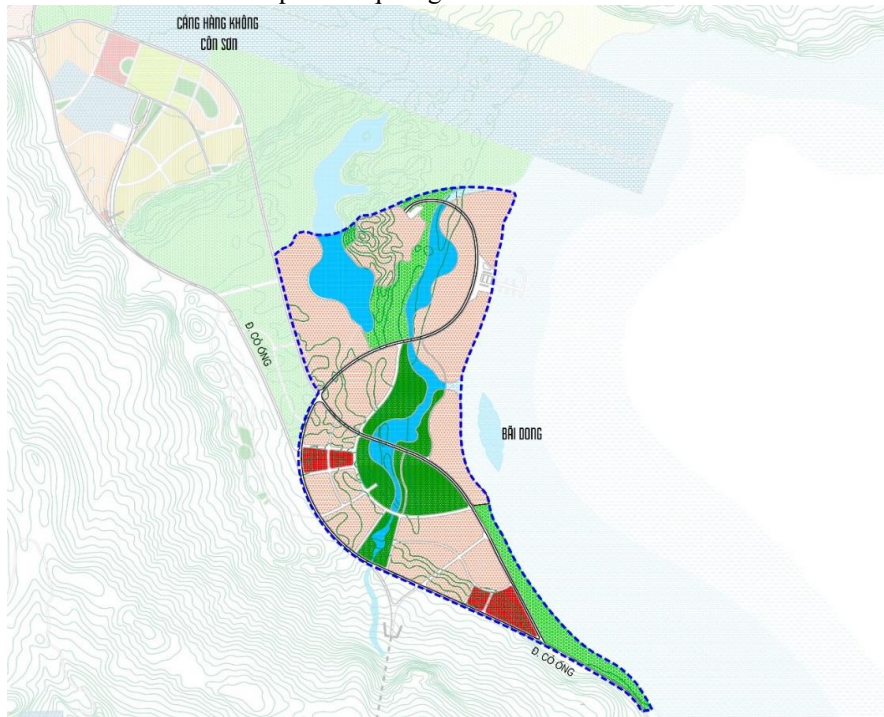
b) Khu vực có chức năng chuyên biệt (Khu vực 16):

- Cơ sở hình thành: Là khu đô thị du lịch cao cấp ven bãi biển Đông.
- Vị trí, giới hạn: Thuộc cụm khu vực phát triển đô thị Cỏ Ống, có tứ cận cụ thể

như sau:

- + Phía Đông : Giáp biển Đông;

- + Phía Tây : Giáp đường Cỏ Ống, Vườn quốc gia Côn Đảo;
- + Phía Nam : Giáp đường Cỏ Ống;
- + Phía Bắc : Giáp Vườn quốc gia Côn Đảo.



Hình 18. Vị trí, ranh giới khu vực có chức năng chuyên biệt (Khu vực 16)

- Quy mô: 118,52 ha.
- Tính chất, chức năng chính: Khu đô thị du lịch nghỉ dưỡng.
- Định hướng phát triển: Phát triển các loại hình khách sạn, resort và các dịch vụ du lịch.

c) Khu vực có chức năng chuyên biệt (Khu vực 17):

- Cơ sở hình thành: Là khu du lịch hình thành ven bãi Đầm Trầu.
- Vị trí, giới hạn: Thuộc cụm khu vực phát triển đô thị Cỏ Ống, có tứ cận cụ thể như sau:

- + Phía Đông : Giáp tuyến đường quy hoạch;
- + Phía Tây : Giáp Vườn quốc gia Côn Đảo;
- + Phía Nam : Giáp Vườn quốc gia Côn Đảo;
- + Phía Bắc : Giáp bãi Đầm Trầu.



Hình 19. Vị trí, ranh giới khu vực có chức năng chuyên biệt (Khu vực 17)

- Quy mô: 7,85 ha.
- Tính chất, chức năng chính: Khu du lịch nghỉ dưỡng.
- Định hướng phát triển: Hình thành các khu resort có mật độ xây dựng tối đa 25%, chiều cao công trình tối đa 2 tầng.

Bảng 7.1. Thống kê các khu vực phát triển đô thị huyện Côn Đảo

STT	Tên KVPTĐT	Diện tích (ha)	Ký hiệu	Chức năng
I	Cụm KVPTĐT Trung tâm	672,4		
1	Khu vực 1	113,82	1 - TT - KVBTĐT	Khu vực bảo tồn đô thị
2	Khu vực 2	55,6	2 - TT - KVCTĐT	Khu vực cải tạo đô thị
3	Khu vực 3	41,12	3 - TT - KVPTĐTMR	Khu vực phát triển đô thị mở rộng
5	Khu vực 4	95,04	4 - TT - KVPTĐTMR	Khu vực phát triển đô thị mở rộng
6	Khu vực 5	74,22	5 - TT - KVPTĐTMR	Khu vực phát triển đô thị mở rộng
4	Khu vực 6	231,32	6 - TT - KVCCNCB	Khu vực có chức năng chuyên biệt
7	Khu vực 7	35,91	7 - TT - KVCCNCB	Khu vực có chức năng chuyên biệt
8	Khu vực 8	20,03	8 - TT - KVCCNCB	Khu vực có chức năng chuyên biệt
9	Khu vực 9	5,34	9 - TT - KVCCNCB	Khu vực có chức năng

STT	Tên KVPTĐT	Diện tích (ha)	Ký hiệu	Chức năng
				chuyên biệt
II	Cụm KVPTĐT Bến Đầm	108,92		
1	Khu vực 10	23,65	11 - TT - KVPTĐT	Khu vực phát triển đô thị mới
2	Khu vực 11	35,05	10 - BĐ - KVCCNCB	Khu vực có chức năng chuyên biệt
3	Khu vực 12	6,93	12 - BĐ - KVCCNCB	Khu vực có chức năng chuyên biệt
4	Khu vực 13	6,62	13 - BĐ - KVCCNCB	Khu vực có chức năng chuyên biệt
5	Khu vực 14	36,67	14 - BĐ - KVCCNCB	Khu vực có chức năng chuyên biệt
III	Cụm KVPTĐT Cỏ Ống	172,86		
1	Khu vực 15	46,49	15 - CO - KVPTĐT	Khu vực phát triển đô thị mới
2	Khu vực 16	118,52	16 - CO - KVCCNCB	Khu vực có chức năng chuyên biệt
3	Khu vực 17	7,85	17 - CO - KVCCNCB	Khu vực có chức năng chuyên biệt

7.2. Lộ trình triển khai các khu vực phát triển đô thị huyện Côn Đảo đến năm 2030

7.2.1. Nguyên tắc xây dựng lộ trình

- Tuân thủ chủ trương, định hướng của các chương trình, kế hoạch phát triển, các quy hoạch xây dựng đã được phê duyệt.
- Ưu tiên các khu vực phát triển đô thị có vị trí chiến lược, có vai trò thúc đẩy sự phát triển kinh tế và đô thị của Côn Đảo, đồng thời là những khu vực phát triển đô thị đóng vai trò quan trọng trong việc hoàn thiện các chỉ tiêu phát triển đô thị chưa đạt.
- Ưu tiên các khu vực phát triển đô thị còn thiếu cơ sở hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng xã hội, đặc biệt các khu vực tồn tại những vấn đề nóng, bức xúc của dân cư.

7.2.2. Danh mục lộ trình triển khai xây dựng các khu vực phát triển đô thị

Bảng 7.2. Danh mục lộ trình triển khai các KVPTĐT Côn Đảo đến năm 2030

STT	Danh mục	Giai đoạn	
		2019 - 2025	2026 - 2030
I	Cụm KVPTĐT trung tâm	<p>Bảo tồn, tôn tạo và đầu tư xây dựng các hạng mục còn thiếu theo đồ án Điều chỉnh quy hoạch tổng thể bảo tồn, tôn tạo và phát huy giá trị di tích lịch sử quốc gia đặc biệt Côn Đảo tại Khu vực bảo tồn đô thị (Khu vực 1) nhằm bảo tồn, phát huy giá trị di sản văn hóa gắn với phát triển du lịch.</p> <p>Cải tạo chỉnh trang nhằm nâng cao chất lượng đô thị tại Khu vực cải tạo đô thị (Khu vực 2).</p> <p>Đầu tư xây dựng các Khu vực phát triển đô thị mở rộng: Khu vực 3, Khu vực 4.</p> <p>Đầu tư xây dựng các Khu vực có chức năng chuyên biệt: Khu vực 6, Khu vực 7, Khu vực 8.</p>	<p>Đầu tư xây dựng Khu vực phát triển đô thị mở rộng: Khu vực 5.</p> <p>Đầu tư xây dựng Khu vực có chức năng chuyên biệt: Khu vực 9.</p>
II	Cụm KVPTĐT Bến Đầm	<p>Tiếp tục đầu tư xây dựng các hạng mục công trình còn thiếu, chưa được xây dựng theo quy hoạch xây dựng đã được phê duyệt tại Khu vực cảng Bến Đầm (Khu vực 11).</p> <p>Đầu tư xây dựng hoàn thiện Khu vực 12.</p>	<p>Đầu tư xây dựng khu dân cư Bến Đầm (Khu vực 10).</p> <p>Đầu tư xây dựng các khu du lịch nghỉ dưỡng: Khu vực 13, Khu vực 14.</p>
III	Cụm KVPTĐT Cỏ Ống	<p>Đầu tư xây dựng khu dân cư Cỏ Ống (Khu vực 15).</p>	<p>Đầu tư xây dựng các khu du lịch nghỉ dưỡng: Khu vực 16, Khu vực 17.</p>

Trong giai đoạn đến năm 2025, ưu tiên cải tạo chỉnh trang, phát triển hoàn chỉnh Khu vực phát triển sau:

a) Khu vực 1 (Khu vực bảo tồn đô thị): Đây là khu vực tập trung các di tích lịch sử có giá trị lớn đối với đất nước và quốc tế trong việc đấu tranh chống lại chủ nghĩa thực

dân. Việc đầu tư khu vực này tập trung vào công tác trùng tu, tôn tạo các di tích lịch sử kết hợp với việc bảo vệ không gian, cảnh quan vùng đệm xung quanh các khu di tích.

b) Khu vực 2 (Khu vực cải tạo đô thị): Hiện tại, đây là khu vực tập trung hầu hết các công trình công cộng của huyện, là khu vực đô thị di sản – đô thị du lịch, với các chức năng hành chính, văn hóa, giáo dục, y tế, dịch vụ. Đây là khu vực có mật độ dân cư và cơ sở hạ tầng phát triển nhất, phần lớn đều tuân thủ điều chỉnh quy hoạch chung đã được duyệt. Việc ưu tiên đầu tư phát triển Khu vực 2 nhằm nâng cao chất lượng hiện có của đô thị trên cơ sở không làm thay đổi cơ bản cấu trúc đô thị, tránh việc đầu tư dàn trải thiếu kiểm soát và kém hiệu quả.

c) Các khu vực phát triển đô thị mở rộng (Khu vực 3, Khu vực 4): Khu vực 4 đã được đầu tư xây dựng hệ thống hạ tầng kỹ thuật, tiến hành kêu gọi đầu tư xây dựng các công trình thương mại, dịch vụ du lịch theo định hướng quy hoạch xây dựng đã phê duyệt. Tại khu vực 3 trên cơ sở khu dân cư hiện hữu, tiếp tục hình thành các khu chức năng khác trên cơ sở kết nối đồng bộ với hệ thống hạ tầng đô thị với khu vực cải tạo đô thị (Khu vực 2).

d) Khu vực phát triển đô thị mới: Đầu tư xây dựng hạ tầng hoàn chỉnh hạ tầng kỹ thuật, kêu gọi các dự án đầu tư vào khu dân cư Cỏ Ống.

Các khu vực có chức năng chuyên biệt: Hoàn thiện Khu vực 12 (Khu du lịch Việt – Nga), Khu vực 8 (Khu du lịch Sixsense). Đầu tư xây dựng các khu du lịch (Khu vực 6, Khu vực 7, Khu vực 8). Tiếp tục đầu tư xây dựng các hạng mục công trình còn thiếu, chưa được xây dựng theo quy hoạch xây dựng đã được phê duyệt tại Khu vực cảng Bến Đầm (Khu vực 11).

Chương 8. Cụ thể hóa các chỉ tiêu phát triển đô thị cần đạt được cho từng giai đoạn

8.1. Tiêu chuẩn vị trí, chức năng, vai trò

Bảng 8.1. Cụ thể hóa tiêu chuẩn vị trí, chức năng, vai trò qua các giai đoạn

STT	Tiêu chuẩn	Hiện trạng năm 2018		Định hướng đến năm 2020		Định hướng giai đoạn 2021 - 2025			Định hướng giai đoạn 2026 - 2030		
		Hiện trạng huyện Côn Đảo năm 2017	Số điểm	Mục tiêu	Số điểm	Mục tiêu	Số điểm	Đánh giá	Mục tiêu	Số điểm	
1.1	Vị trí, chức năng, vai trò	Là trung tâm chuyên ngành cấp vùng về văn hóa, du lịch, có vai trò thúc đẩy sự phát triển kinh tế - xã hội của một tỉnh, vùng liên tỉnh.	5,00	Là trung tâm chuyên ngành cấp vùng về văn hóa, du lịch, có vai trò thúc đẩy sự phát triển kinh tế - xã hội của một tỉnh, vùng liên tỉnh.	5,00	Là trung tâm chuyên ngành cấp vùng về văn hóa, du lịch, có vai trò thúc đẩy sự phát triển kinh tế - xã hội của một tỉnh, vùng liên tỉnh.	5,00	ĐTĐ	Là trung tâm chuyên ngành cấp vùng về văn hóa, du lịch, có vai trò thúc đẩy sự phát triển kinh tế - xã hội của một tỉnh, vùng liên tỉnh.	5,00	
Định hướng giải pháp				Nội dung công việc							
<p>Nâng cao vai trò, vị thế của đô thị Côn Đảo trong vùng tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu và cả nước trên cơ sở khai thác và bảo tồn những thế mạnh của đô thị như: phát triển du lịch chất lượng cao dựa vào nguồn tài nguyên thiên nhiên đa dạng với nhiều thắng cảnh, bãi tắm đẹp, các khu rừng nguyên sinh, các hòn đảo hoang sơ và bí ẩn; nhiều di tích nổi tiếng có giá trị văn hóa lịch sử, tâm linh.</p>				<p>1- Đầu tư nâng cấp đô thị Côn Đảo, hoàn thiện các tiêu chuẩn chưa đạt và thấp điểm so với tiêu chuẩn đô thị loại V (trong đó chú trọng các vấn đề đang là điểm nóng tại Côn Đảo như: vệ sinh môi trường, cung cấp năng lượng, kiến trúc cảnh quan, bảo tồn di tích...) trong giai đoạn 2019 - 2020; tiếp tục đầu tư phát triển đạt các tiêu chuẩn đô thị loại IV trong giai đoạn 2021 - 2025 và giai đoạn 2026 - 2030;</p> <p>2- Lập đề án đề nghị công nhận Côn Đảo là đô thị loại V trong giai đoạn 2019 - 2020. Lập đề án đề nghị công nhận Côn Đảo là đô thị loại IV trong giai đoạn 2021 - 2025;</p> <p>3- Tạo khả năng liên kết thuận lợi với các trung tâm kinh tế lớn trong và ngoài nước thông qua hệ thống giao thông đường thủy và đường hàng không nhằm phát triển kinh tế và quảng bá văn hóa - lịch sử:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Trong giai đoạn 2019 - 2025: Nâng cấp CHK Côn Đảo lên cấp 4C nhằm đón được máy bay Airbus320neo và tương đương. - Trong giai đoạn 2026 - 2030: Xem xét nâng cấp CHK Côn Đảo thành CHK quốc tế. 							

STT	Tiêu chuẩn	Hiện trạng năm 2018		Định hướng đến năm 2020		Định hướng giai đoạn 2021 - 2025			Định hướng giai đoạn 2026 - 2030	
		Hiện trạng huyện Côn Đảo	Số điểm	Mục tiêu	Số điểm	Mục tiêu	Số điểm	Đánh giá	Mục tiêu	Số điểm
				4- Phát triển du lịch chất lượng cao trên cơ sở chú trọng bảo vệ môi trường sinh thái; phát huy giá trị các di tích lịch sử, văn hóa; bảo đảm quốc phòng an ninh, trật tự an toàn xã hội; đa dạng hóa các sản phẩm du lịch, hướng tới thu hút khách cao cấp và du khách quốc tế. 5- Lập và quản lý tốt các dự án quy hoạch trên địa bàn Côn Đảo, tạo ra môi trường có sức hút đầu tư lớn trên cơ sở đảm bảo đi đúng định hướng phát triển chung của Côn Đảo: tiến tới hình thành đô thị thông minh và du lịch chất lượng cao.						

8.2. Nhóm tiêu chuẩn cơ cấu và trình độ phát triển kinh tế - xã hội

Bảng 8.2. Cụ thể hóa nhóm tiêu chuẩn cơ cấu và trình độ phát triển kinh tế - xã hội qua các giai đoạn

STT	Tiêu chuẩn	Hiện trạng năm 2018		Định hướng đến năm 2020		Định hướng giai đoạn 2021 - 2025			Định hướng giai đoạn 2026 - 2030	
		Hiện trạng huyện Côn Đảo năm 2017	Số điểm	Mục tiêu	Số điểm	Mục tiêu	Số điểm	Đánh giá	Mục tiêu	Số điểm
1.2	Cân đối thu chi ngân sách	Cân đối thu chi ngân sách dư (dư 140,8 tỷ đồng)	2,00	Dư	2,00	Dư	2,00	ĐTĐ	Dư	2,00
1.3	Thu nhập bình quân đầu người năm so với cả nước	Thu nhập bình quân đầu người năm cả nước của huyện gấp 2,9 lần so với thu nhập bình quân đầu người năm so với cả nước	3,00	≥ 1,05	3,00	≥ 1,05	3,00	ĐTĐ	≥ 1,4	3,00
1.4	Chuyển dịch cơ cấu kinh tế	Cơ cấu nền kinh tế của huyện Côn Đảo chuyển dịch theo	2,25	Cơ cấu nền kinh tế của Côn Đảo chuyển dịch theo hướng tăng	3,00	Cơ cấu nền kinh tế của Côn Đảo chuyển dịch theo hướng tăng	3,00	ĐTĐ	Cơ cấu nền kinh tế của Côn Đảo chuyển dịch theo hướng tăng	3,00

STT	Tiêu chuẩn	Hiện trạng năm 2018		Định hướng đến năm 2020		Định hướng giai đoạn 2021 - 2025			Định hướng giai đoạn 2026 - 2030		
		Hiện trạng huyện Côn Đảo	Số điểm	Mục tiêu	Số điểm	Mục tiêu	Số điểm	Đánh giá	Mục tiêu	Số điểm	
		hướng tăng tỷ trọng dịch vụ, giảm tỷ trọng nông lâm thủy sản.		tỷ trọng công nghiệp, xây dựng và dịch vụ, giảm tỷ trọng nông lâm thủy sản theo mục tiêu đề ra		tỷ trọng công nghiệp, xây dựng và dịch vụ, giảm tỷ trọng nông lâm thủy sản theo mục tiêu đề ra			tỷ trọng công nghiệp, xây dựng và dịch vụ, giảm tỷ trọng nông lâm thủy sản theo mục tiêu đề ra		
1.5	Mức tăng trưởng kinh tế trung bình 3 năm gần nhất	39,10	2,00	> 6	2,00	> 6,5	2,00	ĐTĐ	> 6,5	2,00	
1.6	Tỷ lệ hộ nghèo	0	2,00	0	2,00	0	2,00	ĐTĐ	0	2,00	
1.7	Tỷ lệ tăng dân số hàng năm (bao gồm tăng tự nhiên và tăng cơ học)	8,16	3,00	> 1,4	3,00	> 1,6	3,00	ĐTĐ	> 1,6	3,00	
Định hướng giải pháp				Nội dung công việc							
<p>1- Duy trì mức độ tăng trưởng kinh tế, tăng thu ngân sách, cân đối thu chi dư.</p> <p>2- Phát triển kinh tế đô thị Côn Đảo theo cơ cấu "Du lịch dịch vụ - Công nghiệp xây dựng - Nông nghiệp" với ngành kinh tế mũi nhọn là du lịch và dịch vụ chất lượng cao gắn với bảo tồn, tôn tạo khu di tích cách mạng đặc biệt của quốc gia và phát triển, nâng cao giá trị Vườn quốc gia Côn Đảo.</p> <p>3- Chú trọng tăng dân số cơ học.</p>				<p>1- Thực hiện tốt Luật Ngân sách nhà nước, thu đúng, thu đủ các nguồn thu cho ngân sách. Tăng tỷ lệ thu ngân sách địa phương trên tổng giá trị tăng thêm của nền kinh tế. Sử dụng có hiệu quả các nguồn vốn ưu đãi của Trung ương và của Tỉnh để ưu tiên đầu tư các chương trình mục tiêu, các dự án phát triển kinh tế - xã hội, an sinh xã hội.</p> <p>2- Tạo chính sách ưu đãi, thu hút đầu tư vào các lĩnh vực ưu tiên phát triển (dịch vụ du lịch chất lượng cao) theo mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội đã đề ra. Tuy nhiên, vẫn chú trọng phát triển nông nghiệp nhằm cung cấp các nhu yếu phẩm thiết yếu, kết hợp phát triển du lịch cộng đồng gắn với nông nghiệp chất lượng cao.</p> <p>3- Kiến nghị với Chính phủ, UBND tỉnh và các Sở, ngành chức năng hỗ trợ thủ tục, đẩy nhanh tiến độ các dự án đầu tư trọng điểm trên địa bàn (nhà máy xử lý chất thải rắn, hệ thống thu gom và xử lý nước thải, nâng cấp CHK Côn Đảo, nghĩa trang nhân dân, hệ thống cấp điện...).</p> <p>4- Thu hút, khuyến khích các thành phần kinh tế tham gia phát triển quỹ nhà ở phục vụ du lịch (khách sạn, villa, homestay, chung cư...) theo đúng định hướng về sử dụng đất và kiến trúc - cảnh</p>							

STT	Tiêu chuẩn	Hiện trạng năm 2018		Định hướng đến năm 2020		Định hướng giai đoạn 2021 - 2025			Định hướng giai đoạn 2026 - 2030	
		Hiện trạng huyện Côn Đảo	Số điểm	Mục tiêu	Số điểm	Mục tiêu	Số điểm	Đánh giá	Mục tiêu	Số điểm
				quan của các dự án quy hoạch đã được phê duyệt trên địa bàn nhằm đáp ứng nhu cầu về nhà ở cho người dân Côn Đảo và nhu cầu cư trú của khách du lịch. 5- Đa dạng hóa các sản phẩm du lịch nhằm thu hút lượng khách du lịch (chú trọng thu hút khách du lịch nước ngoài), tăng mức chi tiêu bình quân và số ngày tạm trú trung bình của khách du lịch, từ đó gia tăng dân số cơ học (tăng số lao động phục vụ trong ngành du lịch, dân số tạm trú quy đổi), tạo việc làm, nâng cao chất lượng sống cho người dân Côn Đảo và các vùng liên quan.						

8.3. Nhóm tiêu chuẩn về quy mô dân số, mật độ dân số, tỷ lệ lao động phi nông nghiệp

8.3.1. Quy mô dân số

Cơ sở dự báo dựa vào các yếu tố:

- Xem xét các dự báo về quy mô dân số và khách du lịch của các đồ án, đề án đã được phê duyệt gồm:
- + Điều chỉnh quy hoạch chung xây dựng Côn Đảo, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu đến năm 2030;
- + Quy hoạch tổng thể phát triển Khu du lịch quốc gia Côn Đảo, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu đến năm 2030;
- + Đề án phát triển kinh tế - xã hội huyện Côn Đảo, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu đến năm 2020.

a) Dự báo đến năm 2020:

Dự báo dân số đô thị: khoảng 9.000 – 10.000 người.

Khách du lịch: khoảng 350.000 - 400.000 lượt khách/năm.

⇒ Dân số quy đổi từ khách du lịch (N_O) tính theo công thức:

$$N_O = (2N_t \times m)/365$$

Trong đó:

- N_t : Số lượt khách du lịch/ năm;

- m: Số ngày tạm trú trung bình của một khách (ngày).

Dự đoán số ngày tạm trú trung bình của một khách năm 2020 là 2,5 ngày.

⇒ Dân số quy đổi từ khách du lịch là: 5.500 người.

⇒ Quy mô dân số Côn Đảo đến năm 2020 khoảng 16.000 người.

b) Dự báo đến năm 2025:

Dự báo dân số đô thị: khoảng 13.000 – 15.000 người.

Khách du lịch: khoảng 400.000 - 500.000 lượt khách/năm.

Dự đoán số ngày tạm trú trung bình của một khách năm 2020 là 3 ngày.

⇒ Dân số quy đổi từ khách du lịch là: 8.000 người.

⇒ Quy mô dân số Côn Đảo đến năm 2020 khoảng 23.000 người.

c) Dự báo đến năm 2030:

Dự báo dân số đô thị: khoảng 20.000 người.

Khách du lịch: khoảng 600.000 – 700.000 lượt khách/năm.

Dự đoán số ngày tạm trú trung bình của một khách năm 2020 là 3 ngày.

⇒ Dân số quy đổi từ khách du lịch là: 12.000 người.

⇒ Quy mô dân số Côn Đảo đến năm 2020 khoảng 32.000 người.

Bảng 8.3. Cụ thể hóa nhóm tiêu chuẩn về quy mô dân số, mật độ dân số, tỷ lệ lao động phi nông nghiệp

STT	Tiêu chuẩn	Hiện trạng năm 2018		Định hướng đến năm 2020		Định hướng giai đoạn 2021 - 2025			Định hướng giai đoạn 2026 - 2030	
		Hiện trạng huyện Côn Đảo năm 2017	Số điểm	Mục tiêu	Số điểm	Mục tiêu	Số điểm	Đánh giá	Mục tiêu	Số điểm
2.1	Dân số toàn đô thị	10,848	0,00	16	1,5	23	1,5	ĐTT	32	1,50
2.2	Dân số khu vực nội thành, nội thị	10,848	4,50	16	4,5	23	4,65	ĐTT	32	5,10
3.1	Mật độ dân số toàn đô thị	141,28	0,00	200	0,00	300	0,00	CĐ	417	1,00
3.2	Mật độ dân số khu vực nội thành, nội thị tính trên diện tích đất xây dựng đô thị	957,45	0,00	1400	3,50	2000	3,50	CĐ	2800	3,50
4.1	Tỷ lệ lao động phi nông nghiệp toàn đô thị	95,25	1,50	97	1,50	97	1,50	ĐTĐ	97	1,50
4.2	Tỷ lệ lao động phi nông nghiệp khu vực nội thành, nội thị	95,25	4,50	97	4,50	97	4,50	ĐTĐ	97	4,50
Định hướng giải pháp				Nội dung công việc						
<p>Định hướng tăng trưởng dân số chủ yếu dựa vào gia tăng dân số cơ học trên cơ sở phát triển du lịch chất lượng cao:</p> <p>1- Thu hút nguồn nhân lực phục vụ trong lĩnh vực dịch vụ du lịch và dịch vụ công cộng.</p> <p>2- Tập trung khai thác thị trường khách du lịch nghỉ dưỡng, du lịch văn hóa - tâm linh, giáo dục truyền</p>				<p>1- Đầu tư phát triển hạ tầng giao thông: nâng cấp CHK Côn Đảo thành CHK quốc tế, khu cảng Bến Đầm thành cảng biển quốc tế nhằm tạo sự tiếp cận, giao thương thuận lợi cho khách du lịch và người dân tại Côn Đảo.</p> <p>2- Phát triển các sản phẩm du lịch: đa dạng hóa các sản phẩm du lịch trên cơ sở các giá trị đặc trưng của văn hóa, lịch sử và thiên nhiên của Côn Đảo. Phát triển du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng biển, tham quan đảo, trải nghiệm di sản thiên nhiên và tìm hiểu giá trị lịch sử - văn hóa - tâm linh, nâng cao chất lượng các dịch vụ hỗ trợ (vệ sinh công cộng, giao thông công cộng, hỗ trợ thông tin</p>						

STT	Tiêu chuẩn	Hiện trạng năm 2018		Định hướng đến năm 2020		Định hướng giai đoạn 2021 - 2025			Định hướng giai đoạn 2026 - 2030	
		Hiện trạng huyện Côn Đảo	Số điểm	Mục tiêu	Số điểm	Mục tiêu	Số điểm	Đánh giá	Mục tiêu	Số điểm
	thống lịch sử - cách mạng; chú trọng thu hút thị trường khách quốc tế.									
				<p>phục vụ khách du lịch và an ninh - an toàn cho khách du lịch).</p> <p>3- Thu hút đầu tư của các thành phần kinh tế và của xã hội tham gia phát triển nhà ở, cơ sở lưu trú, cơ sở dịch vụ du lịch, thương mại dịch vụ,...đáp ứng nhu cầu về nhà ở, lưu trú và vui chơi giải trí ngày càng tăng trên cơ sở phù hợp với không gian và định hướng phát triển theo quy hoạch đã được phê duyệt.</p> <p>4- Áp dụng những chính sách ưu đãi đối với cán bộ, công chức, viên chức và người làm việc trong các cơ quan nhà nước, người dân thường trú tại Côn Đảo nhằm thu hút nguồn nhân lực chuyên môn cao phục vụ quản lý phát triển Côn Đảo. Phát triển nguồn nhân lực du lịch chất lượng cao.</p>						

8.4. Nhóm các tiêu chuẩn về trình độ phát triển cơ sở hạ tầng và kiến trúc, cảnh quan khu vực nội thành, nội thị

8.4.1. Nhóm các tiêu chuẩn về nhà ở

Bảng 8.4. Cụ thể hóa nhóm tiêu chuẩn về nhà ở qua các giai đoạn

STT	Tiêu chuẩn	Hiện trạng năm 2018		Định hướng đến năm 2020		Định hướng giai đoạn 2021 - 2025			Định hướng giai đoạn 2026 - 2030		
		Hiện trạng huyện Côn Đảo năm 2017	Số điểm	Mục tiêu	Số điểm	Mục tiêu	Số điểm	Đánh giá	Mục tiêu	Số điểm	
5.1	Diện tích sàn nhà ở bình quân	20,00	0,75	22	0,75	26,5	0,75	ĐTT	≥ 29	1,00	
5.2	Tỷ lệ nhà ở kiên cố, bán kiên cố	90,00	1,00	95	1,00	100	1,00	ĐTĐ	100	1,00	
Định hướng giải pháp				Nội dung công việc							
1- Tăng diện tích sàn nhà ở bình quân bằng các dự án đầu tư khu dân cư, khu tái định cư,... 2- Xóa nhà tạm, nhà bán kiên cố trong khu dân cư.				1- Triển khai đầu tư xây dựng khu dân cư số 3. 2- Triển khai đầu tư xây dựng khu dân cư Bến Đầm, khu đô thị Cỏ Ống. 3- Khuyến khích các phát triển các dự án phát triển nhà ở tuân thủ định hướng quy hoạch xây dựng.							

8.4.2. Nhóm các tiêu chuẩn về công trình công cộng

Bảng 8.5. Cụ thể hóa nhóm các tiêu chuẩn về công trình công cộng qua các giai đoạn

STT	Tiêu chuẩn	Hiện trạng năm 2018		Định hướng đến năm 2020		Định hướng giai đoạn 2021 - 2025			Định hướng giai đoạn 2026 - 2030	
		Hiện trạng huyện Côn Đảo năm 2017	Số điểm	Mục tiêu	Số điểm	Mục tiêu	Số điểm	Đánh giá	Mục tiêu	Số điểm
5.3	Đất dân dụng	142,71	0,75	130	0,75	110	0,75	ĐTT	100	0,75
5.4	Đất xây dựng các công trình dịch vụ công cộng đô thị	26,66	1,00	20	1,00	20	1,00	ĐTĐ	15	1,00
5.5	Đất xây dựng công trình công cộng cấp đơn vị ở	4,63	1,00	4,3	1,00	4,3	1,00	ĐTĐ	3,1	1,00
5.6	Cơ sở y tế cấp đô thị	4,60	1,00	3,1	1,00	4,3	1,00	ĐTĐ	3,1	1,00
5.7	Cơ sở giáo dục, đào tạo cấp đô thị	2,00	0,75	2	0,75	2	0,75	ĐTT	2	0,75
5.8	Công trình văn hóa cấp đô thị	5,00	1,00	7	1,00	7	1,00	ĐTĐ	7	1,00
5.9	Công trình thể dục, thể thao cấp đô thị	2,00	0,75	3	1,00	3	1,00	ĐTĐ	3	1,00
5.10	Công trình thương mại, dịch vụ cấp đô thị	3,00	0,88	7	1,00	7	1,00	ĐTĐ	7	1,00
Định hướng giải pháp				Nội dung công việc						
Xây dựng mới, cải tạo, mở rộng quy mô các công trình dịch vụ công cộng trên địa bàn, đáp ứng nhu cầu quản				1- Xây dựng Trung tâm hành chính huyện Côn Đảo. 2- Xây dựng Trung tâm Văn hóa - Thông tin - Thể thao (giai đoạn 2).						

STT	Tiêu chuẩn	Hiện trạng năm 2018		Định hướng đến năm 2020		Định hướng giai đoạn 2021 - 2025			Định hướng giai đoạn 2026 - 2030	
		Hiện trạng huyện Côn Đảo	Số điểm	Mục tiêu	Số điểm	Mục tiêu	Số điểm	Đánh giá	Mục tiêu	Số điểm
		lý nhà nước, giáo dục đào tạo, y tế, văn hóa - TDTT, thương mại dịch vụ trên địa bàn huyện theo đúng định hướng điều chỉnh quy hoạch chung đã phê duyệt.			3- Xây dựng Trung tâm đào tạo - Bồi dưỡng - Giáo dục thường xuyên và Hướng nghiệp. 4- Xây dựng trường THCS khu dân cư số 3. 5- Xây dựng trường cấp I, cấp II khu dân cư Bến Đầm. 6- Xây dựng chợ khu dân cư số 3. 7- Xây dựng khách sạn điểm nhấn. 8- Xây dựng nhà hát Côn Đảo. 9- Quy hoạch phố đi bộ Côn Đảo (trên đường Tôn Đức Thắng, có chiều dài khoảng 1,5km). 10- Xây dựng bệnh viện đa khoa kết hợp nghỉ dưỡng (dự kiến 50 giường). 11- Xây dựng Trung tâm thương mại dịch vụ - trưng bày giới thiệu sản phẩm du lịch. 12- Xây dựng bảo tàng tự nhiên Côn Đảo. 13- Xây dựng khu dịch vụ nhà ga cáp treo. 14- Xây dựng chợ khu dân cư Bến Đầm. 15- Xây dựng trung tâm thương mại - giải trí Cỏ Ống.					

8.4.3. Nhóm các tiêu chuẩn về giao thông

Các dự án giao thông được đặt theo Đề án đặt tên đường, công trình công cộng hiện hữu và các tuyến đường mới trên địa bàn huyện Côn Đảo đến năm 2030 được UBND tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu phê duyệt tại Quyết định số 3233/QĐ-UBND ngày 12/11/2018.

Bảng 8.6. Cụ thể hóa nhóm các tiêu chuẩn về giao thông qua các giai đoạn

STT	Tiêu chuẩn	Hiện trạng năm 2018		Định hướng đến năm 2020		Định hướng giai đoạn 2021 - 2025			Định hướng giai đoạn 2026 - 2030	
		Hiện trạng huyện Côn Đảo năm 2017	Số điểm	Mục tiêu	Số điểm	Mục tiêu	Số điểm	Đánh giá	Mục tiêu	Số điểm

STT	Tiêu chuẩn	Hiện trạng năm 2018		Định hướng đến năm 2020		Định hướng giai đoạn 2021 - 2025			Định hướng giai đoạn 2026 - 2030		
		Hiện trạng huyện Côn Đảo	Số điểm	Mục tiêu	Số điểm	Mục tiêu	Số điểm	Đánh giá	Mục tiêu	Số điểm	
5.11	Đầu mối giao thông (cảng biển, cảng hàng không, cảng đường thủy nội địa, ga đường sắt, bến xe ô tô)	Huyện Côn Đảo có CHK Côn Đảo cấp quốc gia và cảng Bến Đầm là cảng biển kết nối vùng liên tỉnh	2,00	Huyện Côn Đảo có CHK Côn Đảo là CHK quốc tế và cảng Bến Đầm là cảng biển kết nối vùng liên tỉnh	2,00	Huyện Côn Đảo có CHK Côn Đảo là CHK quốc tế và cảng Bến Đầm là cảng biển kết nối vùng liên tỉnh	2,00	ĐTĐ	Huyện Côn Đảo có CHK Côn Đảo là CHK quốc tế và cảng Bến Đầm là cảng biển kết nối vùng liên tỉnh	2,00	
5.12	Tỷ lệ đất giao thông so với đất xây dựng	6,69	0,75	10	0,75	17	1,00	ĐTĐ	18	1,00	
5.13	Mật độ đường giao thông (tính đến đường có chiều rộng phần xe chạy $\geq 7,5m$)	4,60	0,75	6	0,75	8	1,00	ĐTĐ	10	1,00	
5.14	Diện tích đất giao thông tính trên dân số	69,92	1,00	49	1,00	41	1,00	ĐTĐ	45	1,00	
5.15	Tỷ lệ vận tải hành khách công cộng	0,00	0,00	0	0,00	10	1,00	ĐTĐ	30	1,00	
Định hướng giải pháp				Nội dung công việc							
1- Nâng cấp hệ thống giao thông đối ngoại nhằm tạo sự thuận tiện trong việc kết nối với đất liền và với các quốc gia khác. 2- Triển khai xây dựng hoàn thiện hệ thống giao thông đối nội theo quy hoạch đã phê duyệt; xây dựng kế hoạch đầu tư hợp lý; ưu tiên những dự án giao thông chính có vai trò kết nối những KVPTĐT, kết nối những khu chức năng quan trọng theo kế hoạch đầu tư phát				1- Nâng cấp CHK Côn Đảo lên cấp 3C theo quy định của ICAO. 2- Nâng cấp cảng Bến Đầm hiện hữu. 3- Hoàn thiện khu cảng Bến Đầm theo quy hoạch. 4- Xây dựng tuyến đường Tây Bắc Côn Đảo (đoạn Võ Văn Kiệt). 5- Xây dựng tuyến đường Tây Bắc Côn Đảo (đoạn Trường Sơn). 6- Xây dựng đường trục phía Bắc trung tâm Côn Đảo (đường Hùng Vương). 7- Xây dựng đường Ngô Gia Tự kéo dài (đường Trường Chinh) đến khu dân cư số 03 theo quy hoạch.							

STT	Tiêu chuẩn	Hiện trạng năm 2018		Định hướng đến năm 2020		Định hướng giai đoạn 2021 - 2025			Định hướng giai đoạn 2026 - 2030	
		Hiện trạng huyện Côn Đảo	Số điểm	Mục tiêu	Số điểm	Mục tiêu	Số điểm	Đánh giá	Mục tiêu	Số điểm
	triển của Côn Đảo. 3- Phát triển hệ thống giao thông công cộng, khuyến khích sử dụng phương tiện sử dụng năng lượng sạch: xe buýt, cáp treo, đi bộ,...					8- Xây dựng bến xe trung tâm huyện Côn Đảo. 9- Xây dựng bến kỹ thuật của xe buýt, xe taxi. 10- Xây dựng kết cấu hạ tầng khu dân cư Bến Đầm. 11- Xây dựng hệ thống hạ tầng kỹ thuật khu dân cư số 3. 12- Xây dựng hệ thống hạ tầng kỹ thuật khu dân cư Cỏ Ống. 13- Xây dựng 03 tuyến cáp treo: Côn Sơn - Sờ Rầy, Sờ Rầy - Núi Thánh Giá, Sờ Rầy - Núi Chúa. 14- Xây dựng đường Nguyễn Tất Thành (khu dân cư số 03). 15- Xây dựng tuyến đường Đinh Tiên Hoàng (đường nối khu dân cư Bến Đầm và Hòn Bà). 16- Xây dựng tuyến đường Lý Thái Tổ.				

8.4.4. Nhóm các tiêu chuẩn về cấp điện và chiếu sáng công cộng

Bảng 8.7. Cụ thể hóa các tiêu chuẩn về cấp điện và chiếu sáng công cộng qua các giai đoạn

STT	Tiêu chuẩn	Hiện trạng năm 2018		Định hướng đến năm 2020		Định hướng giai đoạn 2021 - 2025			Định hướng giai đoạn 2026 - 2030	
		Hiện trạng huyện Côn Đảo năm 2017	Số điểm	Mục tiêu	Số điểm	Mục tiêu	Số điểm	Đánh giá	Mục tiêu	Số điểm
5.16	Cấp điện sinh hoạt	999	0,98	400	1,00	500	1,00	ĐTĐ	500	1,00
5.17	Tỷ lệ đường phố chính được chiếu sáng	70,00	0,75	80	0,75	90	1,00	ĐTĐ	100	1,00
5.18	Tỷ lệ đường khu nhà ở, ngõ xóm được chiếu sáng	70,00	1,00	80	1,00	90	1,00	ĐTĐ	100	1,00
Định hướng giải pháp				Nội dung công việc						
1- Đầu tư phát triển nguồn điện diesel, kết hợp đầu tư				1- Đầu tư phát triển các nguồn điện:						

STT	Tiêu chuẩn	Hiện trạng năm 2018		Định hướng đến năm 2020		Định hướng giai đoạn 2021 - 2025			Định hướng giai đoạn 2026 - 2030	
		Hiện trạng huyện Côn Đảo	Số điểm	Mục tiêu	Số điểm	Mục tiêu	Số điểm	Đánh giá	Mục tiêu	Số điểm
		<p>khai thác nguồn nhiệt điện khí (LNG) và các nguồn năng lượng tái tạo như gió, mặt trời nhằm đảm bảo nguồn điện cung cấp đáp ứng nhu cầu phát triển phụ tải điện; đảm bảo mỹ quan đô thị, môi trường trong sạch, phát triển du lịch Côn Đảo và đảm bảo an ninh quốc phòng theo định hướng của điều chỉnh quy hoạch chung xây dựng Côn Đảo đã phê duyệt và Đề án quy hoạch phát triển nguồn năng lượng trên địa bàn huyện Côn Đảo, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu đến năm 2020, có xét đến năm 2030.</p> <p>2- Khuyến khích các dự án đầu tư phát triển nguồn năng lượng tái tạo là các nguồn năng lượng sạch, đảm bảo chất lượng nguồn điện ổn định, có tính cạnh tranh, hiệu quả cao để hạn chế dần nguồn điện diesel truyền thống cung cấp điện cho Côn Đảo; đồng thời xây dựng cơ chế quản lý, đầu tư thuận lợi để duy trì và phát triển các nguồn điện ở đảo.</p>		<p>Trong giai đoạn đến năm 2020:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Đầu tư phát triển nguồn điện gió với tổng công suất đặt 4 MW tại khu vực vịnh Côn Sơn. - Đầu tư phát triển nguồn điện khí (LNG) với tổng công suất đặt 18 MW. - Đầu tư phát triển nguồn điện mặt trời với tổng công suất đặt 8 MW. <p>Trong giai đoạn 2021 - 2030:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Mở rộng công suất nhà máy điện khí (LNG) với tổng công suất đặt 9 MW. - Đầu tư phát triển nguồn điện gió hồ Quang Trung với công suất đặt 3,4 MW. - Đầu tư phát triển nguồn điện mặt trời với tổng công suất đặt 5 MW,. <p>2- Đầu tư xây dựng mới, cải tạo lưới điện huyện Côn Đảo theo Đề án quy hoạch phát triển nguồn năng lượng trên địa bàn huyện Côn Đảo đến năm 2020, có xét đến năm 2030.</p> <p>3- Ngầm hóa các tuyến hào kỹ thuật nhằm đảm bảo an toàn và mỹ quan đô thị.</p> <p>4- Lập dự án hoàn thiện mạng lưới chiếu sáng đô thị gồm cả đường phố chính và ngõ hẻm.</p>						

8.4.5. Nhóm các tiêu chuẩn về cấp nước

Bảng 8.8. Cụ thể hóa các tiêu chuẩn về cấp nước qua các giai đoạn

STT	Tiêu chuẩn	Hiện trạng năm 2018		Định hướng đến năm 2020		Định hướng giai đoạn 2021 - 2025			Định hướng giai đoạn 2026 - 2030	

		Hiện trạng huyện Côn Đảo năm 2017	Số điểm	Mục tiêu	Số điểm	Mục tiêu	Số điểm	Đánh giá	Mục tiêu	Số điểm
5.19	Cấp nước sinh hoạt	350	0,75	100	0,75	120	1,00	ĐTĐ	120	1,00
5.20	Tỷ lệ hộ dân được cấp nước sạch, hợp vệ sinh	98,00	2,00	100	2,00	100	2,00	ĐTĐ	100	2,00
Định hướng giải pháp				Nội dung công việc						
<p>1- Sử dụng nguồn nước cấp từ nhà máy nước ngầm hiện có (công suất 3.400 m³/ngày) và sử dụng nguồn nước mặt hồ Quang Trung, hồ An Hải, trong tương lai nguồn nước ngầm sẽ làm nguồn nước hỗ trợ dự phòng.</p> <p>2- Phát triển hệ thống cấp nước từ nước biển.</p> <p>3- Sử dụng nguồn nước mưa và nước tái sử dụng dùng cho mục đích tưới cây, rửa đường và chữa cháy.</p>				<p>1- Nạo vét và kè hồ Quang Trung I.</p> <p>2- Nạo vét và kè hồ An Hải.</p> <p>3- Giai đoạn đến năm 2020: Xây dựng nhà máy nước sinh hoạt huyện Côn Đảo công suất 3.000 m³/ngày sử dụng nguồn nước mặt hồ Quang Trung, hồ An Hải.</p> <p>4- Giai đoạn 2021 - 2030: Nâng công suất nhà máy nước mặt hồ Quang Trung, hồ An Hải từ 3.000 m³/ngày lên 10.000 m³/ngày.</p> <p>5- Bảo vệ, giữ nguồn nước ngọt cho Côn Đảo: Xây dựng hệ thống mương thu gom nước vào các hồ chứa nước, nạo vét hồ chứa nước Lò Voi, hồ chứa nước Núi Một, hồ chứa nước ngọt Bưng Bèo - Cỏ Ống, hồ chứa nước Đất Dốc.</p> <p>6- Xây mới, cải tạo hệ thống cấp nước, thay thế những tuyến ống cũ, giảm tỷ lệ thất thoát.</p> <p>7- Xây dựng trạm phòng cháy chữa cháy trung tâm Côn Đảo.</p>						

8.4.6. Nhóm các tiêu chuẩn về hệ thống viễn thông

Bảng 8.9. Cụ thể hóa các tiêu chuẩn về hệ thống viễn thông qua các giai đoạn

STT	Tiêu chuẩn	Hiện trạng năm 2018	Định hướng đến năm 2020	Định hướng giai đoạn 2021 - 2025	Định hướng giai đoạn 2026 - 2030
-----	------------	---------------------	-------------------------	----------------------------------	----------------------------------

		Hiện trạng huyện Côn Đảo năm 2017	Số điểm	Mục tiêu	Số điểm	Mục tiêu	Số điểm	Đánh giá	Mục tiêu	Số điểm
5.21	Số thuê bao internet (băng rộng cố định và băng rộng di động)	37,00	1,00	> 20	1,00	> 20	1,00	ĐTĐ	> 20	1,00
5.22	Tỷ lệ phủ sóng thông tin di động trên dân số	100,00	1,00	100	1,00	100	1,00	ĐTĐ	100	1,00
Định hướng giải pháp				Nội dung công việc						
<p>1- Nâng cao chất lượng, đa dạng hóa các loại hình dịch vụ, duy trì tốc độ tăng trưởng các dịch vụ bưu chính viễn thông.</p> <p>2- Xây dựng và phát triển cơ sở hạ tầng viễn thông có công nghệ hiện đại, có tốc độ bao phủ rộng khắp, dung lượng lớn, cung cấp đa dịch vụ với chất lượng tốt và có hiệu quả. Đưa viễn thông và internet trở thành ngành kinh tế quan trọng trong tăng trưởng kinh tế, góp phần hướng tới xây dựng Côn Đảo là đô thị du lịch thông minh.</p>				<p>1- Tăng thêm số thuê bao internet phục vụ cho thuê bao cố định và di động.</p> <p>2- Nâng cấp Host Trung tâm Côn Đảo lên 15.000 lines theo điều chỉnh quy hoạch chung Côn Đảo đã phê duyệt.</p> <p>3- Ngầm hóa các tuyến cáp quang cấp tin hiệu đi khu Cỏ Ống, Bến Đầm và trong khu trung tâm.</p>						

8.4.7. Nhóm các tiêu chuẩn về hệ thống thoát nước mưa và chống ngập úng

Bảng 8.10. Cụ thể hóa nhóm các tiêu chuẩn về hệ thống thoát nước mưa và chống ngập úng qua các giai đoạn

STT	Tiêu chuẩn	Hiện trạng năm 2018	Định hướng đến năm 2020	Định hướng giai đoạn	Định hướng giai đoạn
-----	------------	---------------------	-------------------------	----------------------	----------------------

						2021 - 2025		Đánh giá	2026 - 2030		
		Hiện trạng huyện Côn Đảo năm 2017	Số điểm	Mục tiêu	Số điểm	Mục tiêu	Số điểm		Mục tiêu	Số điểm	
5.23	Mật độ đường cống thoát nước chính	0,90	0,00	1,2	0,00	3	1,5	ĐTT	> 3,5	2,00	
5.24	Tỷ lệ các khu vực ngập úng có giải pháp phòng chống, giảm ngập úng	Đang triển khai thực hiện các giải pháp phòng chống, giảm ngập úng	1,00	Đang triển khai thực hiện các giải pháp phòng chống, giảm ngập úng	1,00	Đang triển khai thực hiện các giải pháp phòng chống, giảm ngập úng	1,00	ĐTĐ	Đang triển khai thực hiện các giải pháp phòng chống, giảm ngập úng	1,00	
Định hướng giải pháp				Nội dung công việc							
Cải tạo, nâng cấp hệ thống thoát nước mưa, sử dụng mạng lưới mương nắp đan kết hợp công tròn và mương xây hờ, giữ nguyên hệ thống công chung thoát nước mưa và nước thải, cuối miệng xả có các hố ga kỹ thuật tách dòng để tách nước thải đi riêng. Có giải pháp xử lý các điểm ngập úng cục bộ.				1- Nạo vét, bảo vệ các hồ chứa nước ngọt trên địa bàn Côn Đảo. 2- Xây dựng công trình đảm bảo cao độ nền xây dựng không chế tại các đồ án quy hoạch xây dựng đã phê duyệt. 3- Đầu tư xây dựng hoàn thiện hệ thống thoát nước mưa riêng tại các khu vực phát triển mới, cải tạo các đoạn cống nhỏ không đủ năng lực thoát nước tại khu vực dân cư trung tâm hiện hữu.							

8.4.8. Nhóm các tiêu chuẩn về thu gom, xử lý nước thải, chất thải

Bảng 8.11. Cụ thể hóa các tiêu chuẩn về thu gom, xử lý nước thải, chất thải

STT	Tiêu chuẩn	Hiện trạng năm 2018		Định hướng đến năm 2020		Định hướng giai đoạn 2021 - 2025			Định hướng giai đoạn 2026 - 2030		
		Hiện trạng huyện Côn Đảo năm 2017	Số điểm	Mục tiêu	Số điểm	Mục tiêu	Số điểm	Đánh giá	Mục tiêu	Số điểm	
5.25	Tỷ lệ chất thải nguy hại được xử lý, tiêu hủy, chôn lấp an toàn sau xử lý, tiêu hủy	95,00	1,00	96	1,00	100	1,00	ĐTĐ	100	1,00	
5.26	Tỷ lệ nước thải đô thị được xử lý đạt quy chuẩn kỹ thuật	10,00	0,75	15	0,75	50	1,00	ĐTĐ	100	1,00	
5.27	Tỷ lệ chất thải rắn sinh hoạt được thu gom	97,00	1,00	100	1,00	100	1,00	ĐTĐ	100	1,00	
5.28	Tỷ lệ chất thải rắn sinh hoạt được xử lý tại khu chôn lấp hợp vệ sinh hoặc tại các nhà máy đốt, nhà máy chế biến rác thải	22,22	0,00	40	0,00	100	1,00	ĐTĐ	100	1,00	
5.29	Tỷ lệ chất thải y tế được xử lý, tiêu hủy, chôn lấp an toàn sau xử lý, tiêu hủy	95,00	1,00	100	1,00	100	1,00	ĐTĐ	100	1,00	
Định hướng giải pháp				Nội dung công việc							
1- Xây dựng hệ thống thoát nước hỗn hợp đối với khu				1- Xây dựng trạm xử lý nước thải số 1 công suất 3.500 m ³ /ngày tại vị trí phía Tây Nam hồ An Hải.							

STT	Tiêu chuẩn	Hiện trạng năm 2018		Định hướng đến năm 2020		Định hướng giai đoạn 2021 - 2025			Định hướng giai đoạn 2026 - 2030	
		Hiện trạng huyện Côn Đảo	Số điểm	Mục tiêu	Số điểm	Mục tiêu	Số điểm	Đánh giá	Mục tiêu	Số điểm
		<p>trung tâm Côn Sơn hiện hữu và xây dựng hệ thống thoát nước riêng đối với khu vực xây dựng mới, nước thải sinh hoạt sau khi xử lý đạt giới hạn A của tiêu chuẩn QCVN14-2008/BTNMT mới được xả ra môi trường.</p> <p>2- Hạn chế tối đa lượng CTR thải ra môi trường. Tăng cường công tác thu gom CTR, xử lý CTR an toàn, đúng quy chuẩn, bảo vệ môi trường.</p>		<p>2- Xây dựng hệ thống thu gom và xử lý nước thải khu trung tâm Côn Đảo.</p> <p>3- Xây dựng hệ thống thu gom và xử lý nước thải khu Bến Đầm.</p> <p>4- Xây dựng hệ thống thu gom và xử lý nước thải khu Cỏ Ống.</p> <p>5- Phát triển các đề án khuyến khích phân loại tại nguồn, thu hồi và tái chế rác thải sinh hoạt trên đảo. Khuyến khích hạn chế sử dụng túi nilong, phát triển các vật liệu tiêu dùng mới thân thiện môi trường.</p> <p>6- Quy hoạch các nhà vệ sinh công cộng tại các khu vực công cộng có mật độ người cao như bãi đỗ xe, công viên vui chơi giải trí,...</p> <p>7- Xây dựng phương án vận chuyển lượng rác tồn đọng tại bãi rác Bãi Nhát vào đất liền để xử lý trong giai đoạn chưa xây dựng nhà máy thu gom và xử lý rác thải Côn Đảo theo quy hoạch.</p> <p>8- Xây dựng nhà máy xử lý chất thải rắn Côn Đảo kết hợp phát điện sử dụng công nghệ tiên tiến: công nghệ nhiệt phân - plasma.</p> <p>9- Đầu tư, nâng cấp lò đốt chất thải y tế tại Trung tâm y tế Quân Dân y, nâng cao hiệu quả quản lý, xử lý chất thải y tế theo đúng quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.</p>						

8.4.9. Nhóm các tiêu chuẩn về nhà tang lễ

Bảng 8.12. Cụ thể hóa các tiêu chuẩn về nhà tang lễ qua các giai đoạn

STT	Tiêu chuẩn	Hiện trạng năm 2018	Định hướng đến năm 2020	Định hướng giai đoạn 2021 - 2025	Định hướng giai đoạn 2026 - 2030
-----	------------	---------------------	-------------------------	----------------------------------	----------------------------------

		Hiện trạng huyện Côn Đảo năm 2017	Số điểm	Mục tiêu	Số điểm	Mục tiêu	Số điểm	Đánh giá	Mục tiêu	Số điểm
5.30	Nhà tang lễ	0,00	0,00	Có dự án	0,75	1	1,00	ĐTĐ	1	1,00
5.31	Tỷ lệ sử dụng hình thức hỏa táng	0,00	0,00	0	0,00	10	1,00	ĐTĐ	20	1,00
Định hướng giải pháp				Nội dung công việc						
Đầu tư xây dựng nhà tang lễ và cơ sở hỏa táng tổ chức theo hình thức công viên nghĩa trang, đảm bảo vệ sinh môi trường.				1- Xây dựng nghĩa trang nhân dân huyện Côn Đảo. 2- Phân đầu trong giai đoạn 2021 - 2025 huyện Côn Đảo có 1 nhà tang lễ và có chính sách khuyến khích người dân sử dụng hình thức hỏa táng.						

8.4.10. Nhóm các tiêu chuẩn về cây xanh đô thị

Bảng 8.13. Cụ thể hóa các tiêu chuẩn về cây xanh đô thị qua các giai đoạn

STT	Tiêu chuẩn	Hiện trạng năm 2018		Định hướng đến năm 2020		Định hướng giai đoạn 2021 - 2025			Định hướng giai đoạn 2026 - 2030	
		Hiện trạng huyện Côn Đảo năm 2017	Số điểm	Mục tiêu	Số điểm	Mục tiêu	Số điểm	Đánh giá	Mục tiêu	Số điểm
5.32	Đất cây xanh toàn đô thị	≥ 10	2,00	≥ 10	2,00	≥ 10	2,00	ĐTĐ	≥ 10	2,00
5.33	Đất cây xanh công cộng khu vực nội thành, nội thị	1,89	0,00	2	0,00	>5	2,00	ĐTĐ	>5	2,00
Định hướng giải pháp				Nội dung công việc						
Tiếp tục đầu tư xây dựng các dự án cây xanh, công viên theo điều chỉnh quy hoạch chung đã được phê duyệt nhằm đảm bảo bán kính và chỉ tiêu phục vụ, nâng cao giá trị cảnh quan và không gian công cộng cho Côn				1- Đầu tư hoàn thiện các vườn hoa tại khu vực trung tâm Côn Đảo. 2- Đầu tư xây dựng khu công viên cảnh quan - TDTT khu vực hồ Quang Trung I - Quang Trung II - An Hải (khoảng 49,67 ha). 3- Đầu tư xây dựng các vườn hoa tại khu Bến Đầm.						

STT	Tiêu chuẩn	Hiện trạng năm 2018		Định hướng đến năm 2020		Định hướng giai đoạn 2021 - 2025			Định hướng giai đoạn 2026 - 2030	
		Hiện trạng huyện Côn Đảo	Số điểm	Mục tiêu	Số điểm	Mục tiêu	Số điểm	Đánh giá	Mục tiêu	Số điểm
Đảo.		4- Đầu tư xây dựng các vườn hoa tại khu Cỏ Ống. 5- Tổ chức các cuộc thi thiết kế biểu tượng, thiết kế không gian các công viên, vườn hoa trên địa bàn Côn Đảo nhằm hình thành những không gian mở có tính thẩm mỹ cao kết hợp giới thiệu bản sắc, văn hóa lịch sử Côn Đảo.								

8.4.11. Nhóm các tiêu chuẩn về kiến trúc, cảnh quan đô thị

Bảng 8.14. Cụ thể hóa nhóm tiêu chuẩn về kiến trúc, cảnh quan đô thị qua các giai đoạn

STT	Tiêu chuẩn	Hiện trạng năm 2018		Định hướng đến năm 2020		Định hướng giai đoạn 2021 - 2025			Định hướng giai đoạn 2026 - 2030	
		Hiện trạng huyện Côn Đảo năm 2017	Số điểm	Mục tiêu	Số điểm	Mục tiêu	Số điểm	Đánh giá	Mục tiêu	Số điểm
5.34	Quy chế quản lý quy hoạch, kiến trúc đô thị	Đã có quy chế	1,50	Đã có quy chế, thực hiện tốt quy chế	2,00	Đã có quy chế, thực hiện tốt quy chế	2,00	ĐTĐ	Đã có quy chế, thực hiện tốt quy chế	2,00
5.35	Tỷ lệ tuyến phố văn minh đô thị tính trên tổng số trục phố chính	40	2,00	> 40	2,00	> 40	2,00	ĐTĐ	> 40	2,00
5.36	Số lượng dự án cải tạo, chỉnh trang đô thị	> 5	2,00	> 5	2,00	> 5	2,00	ĐTĐ	> 5	2,00
5.37	Số lượng không gian công cộng của đô thị	5,00	2,00	5	2,00	> 5	2,00	ĐTĐ	>5	2,00
5.38	Công trình kiến trúc tiêu biểu	Có công trình cấp quốc gia	2,00	Có công trình cấp quốc gia	2,00	Có công trình cấp quốc gia	2,00	ĐTĐ	Có công trình cấp quốc gia	2,00

STT	Tiêu chuẩn	Hiện trạng năm 2018		Định hướng đến năm 2020		Định hướng giai đoạn 2021 - 2025			Định hướng giai đoạn 2026 - 2030	
		Hiện trạng huyện Côn Đảo	Số điểm	Mục tiêu	Số điểm	Mục tiêu	Số điểm	Đánh giá	Mục tiêu	Số điểm
5.39 - 5.46	Nhóm các tiêu chuẩn về trình độ phát triển cơ sở hạ tầng và kiến trúc, cảnh quan khu vực ngoại thành, ngoại thị (gồm có 8 tiêu chuẩn)	Côn Đảo không có khu vực ngoại thành, ngoại thị, nên nhóm tiêu chuẩn về trình độ phát triển cơ sở hạ tầng và kiến trúc, cảnh quan khu vực ngoại thành, ngoại thị đạt 12 điểm	12,00		12,00		12,00	ĐTĐ		12,00
Định hướng giải pháp				Nội dung công việc						
<p>1- Quản lý phát triển Côn Đảo theo quy chế quản lý quy hoạch kiến trúc - cảnh quan đã được phê duyệt.</p> <p>2- Đầu tư xây dựng hoàn thiện các khu cây xanh, vườn hoa và các không gian công cộng theo điều chỉnh quy hoạch chung đô thị đã được phê duyệt.</p> <p>3- Bảo tồn, tôn tạo Di tích lịch sử quốc gia đặc biệt Côn Đảo, vừa đáp ứng yêu cầu về bảo tồn di tích trong tình hình mới, vừa đáp ứng nhu cầu phát triển kinh tế - xã hội của địa phương theo Quyết định số 2136/QĐ-TTg ngày 02/12/2015 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Điều chỉnh quy hoạch tổng thể bảo tồn, tôn tạo và phát huy giá trị Di tích lịch sử quốc gia đặc biệt Côn Đảo, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.</p>				<p>1- Lập điều chỉnh quy hoạch chung nhằm phù hợp hơn với thực trạng và yêu cầu phát triển của Côn Đảo.</p> <p>2- Lập dự án chỉnh trang, thiết kế đô thị riêng cho các tuyến đường chính nhằm kiểm soát chặt chẽ kiến trúc cảnh quan và giữ gìn bản sắc văn hóa - lịch sử của Côn Đảo theo mục tiêu đề ra.</p> <p>3- Lập đề án công nhận các tuyến phố văn minh đô thị trên địa bàn Côn Đảo.</p> <p>4- Lập các dự án cải tạo, chỉnh trang trong khu vực trung tâm hiện hữu, chú trọng các dự án về cải tạo hệ thống hạ tầng kỹ thuật và kiểm soát kiến trúc, cảnh quan trong khu vực, tăng giá trị thẩm mỹ và văn hóa - lịch sử trong khu vực bảo tồn đô thị.</p> <p>5- Bảo tồn, tôn tạo các di tích lịch sử. Xây dựng mới các công trình hỗ trợ phát huy giá trị di tích gắn với phát triển du lịch theo Điều chỉnh quy hoạch tổng thể bảo tồn, tôn tạo và phát huy giá trị di tích lịch sử quốc gia đặc biệt Côn Đảo đã được phê duyệt.</p> <p>6- Đầu tư xây dựng hoàn thiện các khu cây xanh, vườn hoa và các không gian công cộng theo điều chỉnh quy hoạch chung đô thị đã được phê duyệt.</p>						

Bảng 8.15. Lộ trình khắc phục, hoàn thiện các tiêu chuẩn phát triển đô thị Côn Đảo theo tiêu chí đô thị loại IV

Thời gian	Tiêu chí	Số điểm	Số tiêu chuẩn đạt điểm tối đa	Số tiêu chuẩn đạt điểm tối thiểu	Số tiêu chuẩn chưa đạt
2018	Tổng cộng	78,85	36	14	9
	Vị trí, chức năng, vai trò, cơ cấu và trình độ phát triển kinh tế - xã hội	19,25	6	1	0
	Quy mô dân số	4,50	0	1	1
	Mật độ dân số	0,00	0	0	2
	Tỷ lệ lao động phi nông nghiệp	6,00	2	0	0
	Trình độ phát triển cơ sở hạ tầng và kiến trúc, cảnh quan đô thị	49,10	28	12	6
2019 - 2020	Tổng cộng	86,25	41	3	6
	Vị trí, chức năng, vai trò, cơ cấu và trình độ phát triển kinh tế - xã hội	20,00	7	0	0
	Quy mô dân số	6,00	0	2	0
	Mật độ dân số	0,00	0	0	1
	Tỷ lệ lao động phi nông nghiệp	6,00	2	0	0
	Trình độ phát triển cơ sở hạ tầng và kiến trúc, cảnh quan đô thị	50,75	32	0	5
2021 - 2025	Tổng cộng	94,40	51	7	1
	Vị trí, chức năng, vai trò, cơ cấu và trình độ phát triển kinh tế - xã hội	20,00	7	0	0
	Quy mô dân số	6,15	0	2	0
	Mật độ dân số	0,00	0	1	1
	Tỷ lệ lao động phi nông nghiệp	6,00	2	0	0
	Trình độ phát triển cơ sở hạ tầng và kiến trúc, cảnh quan đô thị	58,75	42	4	0
2026 - 2030	Tổng cộng	96,60	53	6	0
	Vị trí, chức năng, vai trò, cơ cấu và trình độ phát triển kinh tế - xã hội	20,00	7	0	0
	Quy mô dân số	6,60	0	2	0
	Mật độ dân số	0,00	0	2	0
	Tỷ lệ lao động phi nông nghiệp	6,00	2	0	0
	Trình độ phát triển cơ sở hạ tầng và kiến trúc, cảnh quan đô thị	59,50	44	2	0

Chương 9. Xây dựng danh mục dự án hạ tầng kỹ thuật khung, công trình đầu mối hạ tầng kỹ thuật và hạ tầng xã hội ưu tiên đầu tư

Việc xác định danh mục dự án ưu tiên đầu tư dựa trên cơ sở các tiêu chuẩn phát triển đô thị đã được cụ thể hóa cho từng giai đoạn, nâng điểm các tiêu chuẩn này theo lộ trình đã đề ra, phù hợp với kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của Côn Đảo, đồng thời dựa trên việc xem xét khả năng huy động nguồn lực thực hiện hiện có của Côn Đảo.

Dựa vào đề xuất tổng hợp các giải pháp của Chương trình phát triển đô thị huyện Côn Đảo cùng với các quy hoạch, kế hoạch phát triển ngành, các dự án đang triển khai hoặc đang đăng ký nguồn vốn được rà soát, tổng hợp theo hệ thống dự án hạ tầng kỹ thuật khung, công trình đầu mối hạ tầng kỹ thuật và hạ tầng xã hội ưu tiên, các dự án cơ sở, phù hợp với điều kiện phát triển thực tế của địa phương.

Bảng 9.1. Xác định danh mục các dự án ưu tiên đầu tư

STT	Lĩnh vực	2019 - 2020	2021 - 2025	2026 - 2030
I	Dự án hạ tầng kỹ thuật khung và công trình đầu mối hạ tầng kỹ thuật			
1	Giao thông	Xây dựng tuyến đường Tây Bắc Côn Đảo	Tiếp tục xây dựng tuyến đường Tây Bắc Côn Đảo	Xây dựng tuyến đường Đinh Tiên Hoàng (đường nối khu dân cư Bến Đầm và Hòn Bà)
2		Nâng cấp, mở rộng CHK Côn Sơn lên cấp 3C	Tiếp tục nâng cấp, mở rộng CHK Côn Sơn	Tiếp tục xây dựng cảng Ông Đụng
3		Xây dựng tuyến đường Ngô Gia Tự nối dài (đường Trường Chinh)	Tiếp tục xây dựng tuyến đường Ngô Gia Tự nối dài (đường Trường Chinh)	Tiếp tục xây dựng các bến thuyền tại các đảo phục vụ du lịch tại các đảo còn lại theo quy hoạch
4		Nâng cấp cảng Bến Đầm hiện hữu	Xây dựng mới các cảng phía Bắc và Nam cảng Bến Đầm hiện hữu	Xây dựng các tuyến đường nối với khu vực Đầm Tre
5			Xây dựng đường trục phía Bắc trung tâm Côn Đảo (đường Hùng Vương)	Xây dựng các tuyến đường trong khu vực du lịch Hòn Bà
6			Mở rộng, cải tạo tuyến đường Cỏ Ống - trung tâm Côn Sơn - Bến Đầm	Tiếp tục xây dựng 3 tuyến cáp treo: Côn Sơn- Sở Rẫy, Sở Rẫy - Núi Thánh Giá, Sở Rẫy - Núi Chúa
7			Xây dựng 03 tuyến cáp treo: Côn Sơn - Sở Rẫy, Sở Rẫy - Núi Thánh Giá, Sở Rẫy - Núi Chúa	Tiếp tục xây dựng hệ thống giao thông công cộng bằng xe buýt
8			Xây dựng các bến thuyền tại các đảo phục vụ du lịch (hòn Bảy Cạnh, Hòn Cau, hòn Tre Lớn, Hòn Bà)	
9			Xây dựng cảng Ông Đụng	
10			Xây dựng tuyến đường Lý Thái Tổ	
11			Xây dựng bến kỹ thuật của xe buýt, xe taxi	
12			Xây dựng bến xe trung tâm huyện Côn Đảo	
13			Xây dựng đường Nguyễn Tất Thành	

STT	Lĩnh vực	2019 - 2020	2021 - 2025	2026 - 2030
14			Xây dựng hệ thống giao thông công cộng bằng xe buýt	
15	Hệ thống cấp điện	Dự án nhà máy điện mặt trời (sản lượng ước tính từ 30 - 40MWh) với quy mô đất dự kiến khoảng 30 ha	Tiếp tục đầu tư dự án nhà máy điện mặt trời (sản lượng ước tính từ 30 - 40MWh) với quy mô đất dự kiến khoảng 30 ha	Tiếp tục phát triển các dự án điện mặt trời, điện gió, điện khí (LNG)
16		Đầu tư hệ thống đèn chiếu sáng trên các tuyến đường chính	Lập dự án hoàn thiện mạng lưới chiếu sáng đô thị gồm cả đường phố chính và ngõ hẻm.	Tiếp tục ngầm hóa các tuyến hào kỹ thuật
17			Đầu tư xây dựng mới, cải tạo lưới điện nguồn điện diesel huyện Côn Đảo theo Đề án quy hoạch phát triển nguồn năng lượng trên địa bàn huyện Côn Đảo đến năm 2020, có xét đến năm 2030.	Tiếp tục đầu tư xây dựng mới, cải tạo lưới điện huyện Côn Đảo
18			Ngầm hóa các tuyến hào kỹ thuật nhằm đảm bảo an toàn và mỹ quan đô thị	
19			Đầu tư phát triển các nguồn điện gió (hồ Quang Trung), điện khí (LNG) theo Đề án quy hoạch phát triển nguồn năng lượng trên địa bàn huyện Côn Đảo đến năm 2020, có xét đến năm 2030	
20	Hệ thống cấp nước	Xây dựng đường ống cấp nước mới từ trung tâm Côn Sơn đến Bến Đầm	Xây dựng nhà máy cấp nước và hệ thống cấp nước ở khu vực Cỏ Ống	Tiếp tục xây dựng hoàn thiện, nâng cấp hệ thống cấp nước Côn Đảo
21		Xây dựng nhà máy nước sinh hoạt 3.000 m ³	Tiếp tục xây dựng nhà máy nước sinh hoạt 3.000 m ³	Tiếp tục bảo vệ, giữ nguồn nước ngọt cho Côn Đảo: Xây dựng hệ thống mương thu gom nước vào các hồ chứa nước, nạo vét hồ chứa nước Lò Vôi, hồ chứa nước Núi Một, hồ chứa nước ngọt Bung Bèo - Cỏ Ống, hồ chứa nước Đất Dốc.
22		Nạo vét và kè hồ Quang Trung I	Tiếp tục nạo vét và kè hồ An Hải	
23		Nạo vét và kè hồ An Hải	Nâng công suất nhà máy nước mặt hồ Quang Trung, hồ An Hải từ 3.000	

STT	Lĩnh vực	2019 - 2020	2021 - 2025	2026 - 2030
			m ³ /ngày lên 10.000 m ³ /ngày.	
24			Bảo vệ, giữ nguồn nước ngọt cho Côn Đảo: Xây dựng hệ thống mương thu gom nước vào các hồ chứa nước, nạo vét hồ chứa nước Lò Vôi, hồ chứa nước Núi Một, hồ chứa nước ngọt Bung Bèo - Cỏ Ống, hồ chứa nước Đất Dốc.	
25			Xây dựng trạm phòng cháy chữa cháy trung tâm Côn Đảo	
26	Hệ thống thu gom và xử lý nước thải, chống ngập úng	Xây dựng hệ thống thu gom và xử lý nước thải khu trung tâm Côn Đảo	Tiếp tục xây dựng hệ thống thu gom và xử lý nước thải khu trung tâm Côn Đảo	Tiếp tục xây dựng hoàn thiện, nâng cấp hệ thống thu gom và xử lý nước thải Côn Đảo
27			Xây dựng hệ thống thu gom và xử lý nước thải khu Bến Đầm, Cỏ Ống	
28	Xử lý chất thải rắn và nghĩa trang	Xây dựng nhà máy xử lý chất thải rắn Côn Đảo	Tiếp tục xây dựng nhà máy xử lý chất thải rắn Côn Đảo	
29		Lập dự án xây dựng nhà tang lễ	Xây dựng nghĩa trang nhân dân Côn Đảo	
30			Xây dựng nhà tang lễ	
31	Xây dựng hạ tầng khu đô thị, khu công nghiệp	Xây dựng cơ sở hạ tầng Cụm công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp Bến Đầm	Tiếp tục xây dựng cơ sở hạ tầng Cụm công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp Bến Đầm	Tiếp tục xây dựng hệ thống hạ tầng kỹ thuật khu dân cư Cỏ Ống
32		Xây dựng hệ thống hạ tầng kỹ thuật tại khu dân cư số 3	Tiếp tục xây dựng hệ thống hạ tầng kỹ thuật tại khu dân cư số 3	Tiếp tục xây dựng hoàn thiện, nâng cấp hệ thống hạ tầng kỹ thuật trên toàn Côn Đảo
33		Xây dựng hệ thống hạ tầng kỹ thuật tại khu dân cư Bến Đầm	Tiếp tục xây dựng hệ thống hạ tầng kỹ thuật tại khu dân cư Bến Đầm	
34			Xây dựng hệ thống hạ tầng kỹ thuật khu dân cư Cỏ Ống	
II	Dự án hạ tầng xã hội			
1	Trụ sở cơ quan		Xây dựng trung tâm hành chính huyện	
2	Công trình y tế		Xây dựng bệnh viện đa khoa kết hợp nghi	Nâng cấp Trung tâm y tế Quân dân y

STT	Lĩnh vực	2019 - 2020	2021 - 2025	2026 - 2030
			dưỡng	thành bệnh viện với quy mô 100 giường bệnh
3	Công trình thương mại dịch vụ		Xây dựng chợ tại khu dân cư số 3	Xây dựng khu dịch vụ đô thị - bến du thuyền phía Bắc cảng Bến Đầm
4			Xây dựng khu trung tâm thương mại	Xây dựng trung tâm thương mại dịch vụ - trung bày giới thiệu sản phẩm du lịch
5			Xây dựng khách sạn trung tâm Côn Sơn	Xây dựng bảo tàng tự nhiên Côn Đảo
6			Xây dựng trung tâm thương mại - giải trí Cỏ Ống	Xây dựng khu dịch vụ nhà ga cáp treo
7			Xây dựng chợ khu dân cư Bến Đầm	
8	Công trình văn hóa, TDTT	Quy hoạch phố đi bộ Côn Đảo	Đầu tư xây dựng khu công viên dọc Hồ Quang Trung, hồ An Hải	Tiếp tục đầu tư xây dựng khu công viên dọc Hồ Quang Trung, hồ An Hải
9		Cải tạo, nâng cấp sân vận động 30/4	Xây dựng nhà hát Côn Đảo	
10		Cải tạo, chỉnh trang, xây dựng mới các công viên, vườn hoa tại các khu dân cư	Lập Đề án thí điểm đô thị thông minh cho Côn Đảo	
11			Xây dựng Trung tâm Văn hóa - Thông tin - Thể thao (giai đoạn 2)	

Chương 10. Xác định kế hoạch vốn cho các dự án ưu tiên đầu tư

Khó có thể xác định chính xác năng lực cấp vốn của Trung ương, tỉnh và huyện Côn Đảo đối với lĩnh vực phát triển đô thị trong tương lai, do đó việc ước tính tổng mức đầu tư hay ngân sách dành cho xây dựng hạ tầng đô thị huyện Côn Đảo, cơ sở tính toán dựa trên:

- Nghị quyết số 85/NQ-HĐND ngày 14/12/2018 của HĐND tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu về phê chuẩn kế hoạch đầu tư công năm 2019 trên địa bàn tỉnh;

- Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2016 – 2020 và Danh mục dự án đề xuất bổ sung chuẩn bị đầu tư năm 2019 và giai đoạn 2021 – 2025 của UBND huyện Côn Đảo.

Kế hoạch vốn cụ thể cho các dự án ưu tiên đầu tư được thể hiện tại Phụ lục 3. Xác định kế hoạch vốn cho các dự án ưu tiên đầu tư.

Chương 11. Xây dựng các giải pháp về cơ chế, chính sách huy động các nguồn vốn

11.1. Giải pháp chung

Căn cứ vào danh mục ưu tiên đầu tư để gọi vốn đầu tư của mọi thành phần kinh tế trong và ngoài tỉnh:

- Sử dụng vốn đầu tư đúng mục đích theo dự án thông qua đấu thầu, giảm thiểu tình trạng lãng phí.

- Khuyến khích các ngân hàng, các tổ chức tín dụng trong và ngoài nước mở chi nhánh trên địa bàn huyện. Từng bước hình thành thị trường vốn trên địa bàn, đơn giản hóa các thủ tục cấp phát nhằm cải thiện môi trường vốn đầu tư.

- Tiến hành tuyên truyền, quảng bá các thế mạnh của địa phương, quảng bá vị trí, vai trò và khả năng thu hút đầu tư vào các khu du lịch, các dự án hạ tầng kỹ thuật của huyện.

- Đẩy mạnh xã hội hóa một số ngành, lĩnh vực xã hội (giáo dục đào tạo, y tế, văn hóa thông tin và thể thao,...) để huy động các nguồn lực trong và ngoài tỉnh cho phát triển những ngành, lĩnh vực trên.

- Huy động kịp thời các nguồn thu theo quy định pháp luật (thuế nhà đất, đấu giá quỹ đất, theo phân cấp từ các khoản thu của huyện,...).

11.2. Giải pháp huy động vốn ngân sách

- Cân đối ngân sách hàng năm để bố trí thực hiện các chương trình, dự án mà Nhà nước phải làm, trong đó tập trung đầu tư xây dựng các công trình kết cấu hạ tầng trực chính của huyện theo quy hoạch, theo phân kỳ giai đoạn đầu tư và tiến độ triển khai dự án.

- Phối hợp chặt chẽ với các Sở, ban ngành triển khai các công trình, dự án của Sở ngành đang thực hiện trên địa bàn đúng kế hoạch.

11.3. Giải pháp huy động vốn từ các doanh nghiệp và từ nhân dân

- Nguồn vốn này sẽ tăng nhanh và đóng vai trò ngày càng quan trọng trong cơ cấu vốn đầu tư của huyện Côn Đảo. Để huy động nguồn vốn này cần thực hiện cải cách hành chính, tạo thông thoáng trong lĩnh vực đầu tư; đề ra các chính sách ưu đãi cho các nhà đầu tư tư nhân về thuế, giải phóng mặt bằng, mở rộng các hình thức đầu tư như PPP, BOT, BT và các hình thức khác để thu hút vốn của các doanh nghiệp; định hướng phát triển của huyện cần có tính chiến lược và đảm bảo tính linh hoạt, khả năng phản ứng nhanh chóng với các xu hướng phát triển của thị trường.

- Khuyến khích đầu tư từ khu vực dân cư và tư nhân, đặc biệt ở các loại hình dịch

vụ du lịch, vui chơi giải trí, tài chính, vận tải, nhà ở, văn phòng, tư vấn đầu tư,... để từng bước đáp ứng yêu cầu phát triển.

11.4. Giải pháp huy động vốn nước ngoài

Vốn nước ngoài bao gồm 02 nguồn vốn chính là vốn hỗ trợ phát triển chính thức (ODA) và vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài (FDI).

- Đẩy mạnh việc thực hiện chương trình thu hút vốn đầu tư không hoàn lại của các nước, các tổ chức quốc tế và các tổ chức phi chính phủ vào phát triển kết cấu hạ tầng.

- Đối với nguồn vốn FDI cần đẩy mạnh cải cách thủ tục hành chính, giảm bớt các đầu mối tiếp xúc, xây dựng đồng bộ và từng bước hiện đại hóa hệ thống kết cấu hạ tầng, tạo điều kiện thuận lợi và thông thoáng để thu hút các dự án đầu tư trực tiếp nước ngoài vào phát triển sản xuất công nghiệp phục vụ cho sản xuất nông, lâm, ngư nghiệp trên địa bàn.

11.5. Giải pháp nâng cao năng lực cho cán bộ công chức lãnh đạo, quản lý phát triển

- Nâng cao nhận thức các cấp, ngành và toàn xã hội về phát triển nhân lực:

+ Quán triệt và nâng cao nhận thức về mục đích và vai trò phát triển nhân lực chất lượng cao để phục vụ cho phát triển toàn huyện.

+ Từng cấp, ngành cần có kế hoạch, chương trình cụ thể, giải pháp sát hợp nhằm phát triển nhân lực ngành mình theo yêu cầu phát triển.

+ Khuyến khích đầu tư, nhằm đẩy mạnh xã hội hóa gắn với tăng cường đầu tư trong lĩnh vực giáo dục đào tạo, thu hút mọi nguồn lực xã hội tạo bước chuyển biến tích cực về phát triển nguồn nhân lực.

- Thu hút nhân lực: khuyến khích, thu hút trí thức, người có năng lực chuyên môn bổ trí đúng chuyên ngành nhằm phát huy năng lực quản lý; chú trọng thu hút trí thức trẻ tham gia đội ngũ quản lý, lãnh đạo.

- Đào tạo và bồi dưỡng nhân lực, tăng cường cơ sở vật chất:

+ Đa dạng hóa các loại hình đào tạo, như ngắn hạn, dài hạn, mở rộng hợp tác với các trường đại học trong và ngoài tỉnh.

+ Đưa cán bộ đi đào tạo trong và ngoài nước, nhất là đào tạo sau đại học.

+ Tổ chức đào tạo, tập huấn, chuyển giao công nghệ cho cán bộ quản lý, điều hành.

Chương 12. Phân công tổ chức thực hiện

12.1. Sở Kế hoạch và Đầu tư

Đầu mối giúp UBND tỉnh kiến nghị với các Bộ, Ngành, Trung ương, các cơ quan liên quan huy động và tổng hợp nguồn lực thực hiện mục tiêu Chương trình; Phối hợp với các Sở Tài chính, Tài nguyên và Môi trường, Giao thông Vận tải, Xây dựng và các chủ đầu tư tham mưu cho UBND tỉnh huy động các nguồn vốn trái phiếu Chính phủ, vốn hỗ trợ mục tiêu của Trung ương, vốn hỗ trợ của các tổ chức tài chính Quốc tế, vốn vay, vốn ODA; Xem xét đề xuất triển khai đầu tư những dự án có điều kiện, cần thiết phải đầu tư theo các hình thức BT, BOT, PPP, xã hội hóa,

Chủ trì, phối hợp với các Sở, ngành liên quan tham mưu UBND tỉnh hướng dẫn UBND huyện Côn Đảo thực hiện các ưu đãi đầu tư cho các dự án đầu tư phát triển đô thị.

Tham mưu cho UBND tỉnh tổng hợp kế hoạch kinh phí đầu tư phát triển hàng năm kê cả đầu tư cho phát triển đô thị và các nguồn vốn lồng ghép từ các Chương trình, dự án đầu tư tại huyện Côn Đảo trình HĐND tỉnh thông qua.

12.2. Sở Tài nguyên và Môi trường

Thực hiện việc thẩm định, phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư; tham mưu UBND tỉnh chỉ đạo, xử lý và tháo gỡ những khó khăn vướng mắc để đẩy nhanh tiến độ thực hiện công tác bồi thường, giải phóng mặt bằng của các dự án phát triển và nâng cấp đô thị.

Căn cứ quy định của Luật Đất đai số 45/2013/QH13 ngày 29/11/2013, tham mưu UBND tỉnh quyết định giá đất trong trường hợp cụ thể để thực hiện công tác bồi thường, giải phóng mặt bằng đối với các dự án.

Giải quyết các thủ tục hành chính liên quan đến việc giới thiệu địa điểm, thu hồi đất, giao đất để thực hiện các dự án nâng cấp và phát triển đô thị.

12.3. Sở Tài chính

Chủ trì, phối hợp với Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Xây dựng và các Sở, ngành, địa phương có liên quan tham mưu cho UBND tỉnh tổng hợp kinh phí sự nghiệp hàng năm từ nguồn vốn ngân sách nhà nước trên địa bàn huyện Côn Đảo, trình Hội đồng nhân dân tỉnh thông qua dự toán chi hàng năm cho công tác lập quy hoạch, đề án, chương trình và thanh quyết toán theo quy định hiện hành.

12.4. Sở Xây dựng

Hướng dẫn, hỗ trợ UBND huyện Côn Đảo trong công tác lập kế hoạch, triển khai

thực hiện Chương trình phát triển đô thị; lập, phê duyệt và quản lý quy hoạch phân khu, quy hoạch chi tiết xây dựng đô thị, kể cả các khu vực dân cư đô thị chính trang, đảm bảo định hướng phát triển đô thị theo mục tiêu đề ra.

Chủ trì, phối hợp với các Sở, ngành liên quan tổ chức kiểm tra, giám sát việc thực hiện các dự án thuộc Chương trình phát triển đô thị.

12.5. Sở Nội vụ

Chủ trì phối hợp với Sở Xây dựng, các Sở ban ngành, thành phố hoàn thiện hệ thống tổ chức, bộ máy quản lý và phát triển đô thị trên địa bàn để thực hiện có hiệu quả các nội dung Chương trình phát triển đô thị đã đề ra; Phối hợp với UBND huyện Côn Đảo để nâng cấp các đơn vị hành chính.

12.6. Sở Giao thông Vận tải

- Lập kế hoạch và thực hiện phát triển các tuyến giao thông (theo phân cấp) theo định hướng Quy hoạch chung thành phố đã phê duyệt phù hợp với Chương trình phát triển đô thị theo từng giai đoạn để đảm bảo kết nối giữa các đô thị trên địa bàn được thuận lợi và thông suốt.

- Chủ trì tham mưu cho Ủy ban nhân dân tỉnh tiếp tục đề xuất trung ương về dự án đầu tư, nâng cấp, mở rộng CHK Côn Đảo. Tham mưu UBND tỉnh đầu tư phát triển khu cảng biển Bến Đầm và các tuyến đường thủy quan trọng giữa đất liền với Côn Đảo, nhằm tăng cường kết nối với đất liền và vùng kinh tế trọng điểm phía Nam, tạo điều kiện thu hút phát triển đô thị Côn Đảo.

12.7. Sở Thông tin và Truyền thông

Tham mưu cho UBND tỉnh đầu tư cơ sở vật chất cho Côn Đảo để ứng dụng khung tham chiếu về ICT, xây dựng hệ sinh thái các sản phẩm, dịch vụ và ứng dụng công nghệ thông tin phục vụ đô thị thông minh cho Côn Đảo.

12.8. Các Sở, ban, ngành có liên quan

Trên cơ sở nhiệm vụ được phân công, các Sở, ban, ngành có liên quan hướng dẫn, đôn đốc, kiểm tra huyện Côn Đảo thực hiện các dự án thuộc lĩnh vực của từng sở, ban, ngành quản lý; đồng thời tham gia huy động nguồn lực để phát triển kết cấu hạ tầng đô thị.

12.9. UBND huyện Côn Đảo

Chủ trì triển khai công bố Chương trình phát triển đô thị huyện Côn Đảo;

Tổ chức lập kế hoạch, triển khai thực hiện và chỉ đạo thực hiện các chương trình, dự án phát triển đô thị có trong danh mục định hướng phát triển trên địa bàn huyện, tổng

hợp tình hình thực hiện và định kỳ báo cáo Chủ tịch UBND tỉnh.

Rà soát quy hoạch và có hướng điều chỉnh quy hoạch xây dựng đô thị cho phù hợp với định hướng và lộ trình phát triển của huyện.

Tăng cường công tác quản lý trật tự đô thị hiện hữu và các khu vực dự kiến phát triển đô thị trên địa bàn huyện quản lý.

Đề xuất các dự án trọng điểm đưa vào chương trình Nghị quyết Hội đồng nhân dân hàng năm, làm cơ sở triển khai thực hiện theo kế hoạch.

PHẦN IV: KẾT LUẬN VÀ KIẾN NGHỊ

Qua nhiều năm phấn đấu, được sự quan tâm đầu tư của tỉnh, Đảng bộ và nhân dân huyện Côn Đảo đã nỗ lực phát huy mọi nguồn lực để phát triển kinh tế – xã hội, tập trung xây dựng phát triển hệ thống hạ tầng kỹ thuật và hạ tầng xã hội, đẩy mạnh việc chỉnh trang đô thị, chất lượng cuộc sống của người dân được nâng lên.

Căn cứ Nghị quyết số 1210/2016/UBTVQH13 ngày 25/05/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội Khóa XIII về phân loại đô thị, huyện Côn Đảo hiện nay là trung tâm chuyên ngành cấp tỉnh về du lịch, đầu mối giao thông có vai trò thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu, đang triển khai đầu tư xây dựng nhằm nâng cấp thành đô thị loại IV theo lộ trình phát triển đô thị toàn tỉnh đã đề ra, tuy nhiên còn tồn tại những tiêu chuẩn chưa đạt. Do đó Côn Đảo cần sớm lập chương trình hành động, tập trung mọi nguồn lực để đầu tư xây dựng hoàn thiện các tiêu chuẩn trên.

Để tạo điều kiện cho đô thị phát triển với chất lượng đô thị ngày càng cao hơn, kiến nghị:

- Kính đề nghị Sở Xây dựng tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu xem xét và thẩm định trình UBND tỉnh phê duyệt Chương trình phát triển đô thị huyện Côn Đảo giai đoạn 2019 - 2030. Nhằm làm cơ sở triển khai thực hiện, phân bổ nguồn lực từng dự án, từng giai đoạn phù hợp với tình hình phát triển kinh tế xã hội của huyện Côn Đảo nói riêng và của tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu nói chung.

- Kính đề nghị UBND tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu quan tâm chỉ đạo, tạo điều kiện thuận lợi về cơ chế chính sách, vốn đầu tư, đặc biệt là vốn đầu tư về hạ tầng kỹ thuật để tăng cường cho huyện Côn Đảo xây dựng hoàn thiện được các tiêu chí đô thị loại IV.

Trong những năm tiếp theo, Đảng bộ, chính quyền và nhân dân huyện Côn Đảo quyết tâm tập trung mọi nguồn lực, phấn đấu phát huy hơn nữa tiềm năng, lợi thế để phát triển toàn diện các mặt kinh tế - văn hóa - xã hội, xây dựng huyện Côn Đảo giàu đẹp, văn minh, xứng đáng với vị thế là trung tâm chuyên ngành cấp tỉnh về du lịch, đầu mối giao thông của tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu./.

**PHỤ LỤC 1. CÁC
VĂN BẢN PHÁP
LÝ LIÊN QUAN**

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH BÀ RỊA – VŨNG TÀU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Số 3352/QĐ-UBND

Bà Rịa - Vũng Tàu, ngày 16 tháng 11 năm 2017

QUYẾT ĐỊNH
**Phê duyệt đề cương Chương trình phát triển đô thị
huyện Côn Đảo giai đoạn 2018 – 2025**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BÀ RỊA – VŨNG TÀU

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Quy hoạch đô thị ngày 17 tháng 6 năm 2009;

Căn cứ Luật Xây dựng ngày 18 tháng 6 năm 2014;

Căn cứ Nghị quyết số 1210/2016/UBTVQH13 ngày 25 tháng 5 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về Phân loại đô thị;

Căn cứ Nghị định số 11/2013/NĐ-CP ngày 14 tháng 01 năm 2013 của Chính phủ về quản lý đầu tư phát triển đô thị; Thông tư liên tịch số 20/2013/TTLT-BXD-BNV ngày 21 tháng 11 năm 2013 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng và Bộ trưởng Bộ Nội vụ hướng dẫn một số nội dung của Nghị định số 11/2013/NĐ-CP ngày 14 tháng 01 năm 2013 của Chính phủ về quản lý đầu tư phát triển đô thị; Thông tư số 12/2014/TT-BXD ngày 25 tháng 8 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng hướng dẫn lập, thẩm định và phê duyệt chương trình phát triển đô thị;

Căn cứ Quyết định số 1518/QĐ-TTg ngày 05 tháng 9 năm 2011 của Thủ tướng Chính phủ “Phê duyệt điều chỉnh quy hoạch chung xây dựng Côn Đảo, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu đến năm 2030”; Quyết định số 2737/QĐ-UB ngày 12 tháng 12 năm 2014 của UBND tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu “Phê duyệt đồ án Điều chỉnh cục bộ quy hoạch chung xây dựng Côn Đảo, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu đến năm 2030”;

Căn cứ Quyết định số 1659/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ ngày 07 tháng 11 năm 2012 về việc phê duyệt Chương trình phát triển đô thị quốc gia giai đoạn 2012 – 2020;

Căn cứ Quyết định số 05/2016/QĐ-UBND ngày 01 tháng 02 năm 2016 của UBND tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu về việc phê duyệt Chương trình phát triển đô thị tỉnh BR-VT giai đoạn 2015-2025.

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Xây dựng tại Tờ trình số 256/TTr-SXD ngày 17 tháng 10 năm 2017 về việc đề nghị phê duyệt đề cương Chương trình phát triển đô thị huyện Côn Đảo giai đoạn 2018 - 2025,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1: Phê duyệt đề cương Chương trình phát triển đô thị huyện Côn Đảo giai đoạn 2018 - 2025 với nội dung chính như sau:

1) Tên Chương trình: Chương trình phát triển đô thị huyện Côn Đảo giai đoạn 2018 – 2025.

2) Phạm vi nghiên cứu, thời gian thực hiện:

- Phạm vi nghiên cứu, lập Chương trình theo đúng ranh giới quy hoạch chung huyện Côn Đảo đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 1518/QĐ-TTg ngày 05/9/2011 (với tổng diện tích khoảng 7.678 ha; trong đó đảo Côn Sơn có diện tích khoảng 6.128 ha).

- Thời gian thực hiện Chương trình: Theo giai đoạn 2018 – 2020 và 2021-2025.

3) Hồ sơ Chương trình phát triển đô thị:

Bao gồm thuyết minh, bản vẽ và những yêu cầu với nội dung chính như sau:

a) Thuyết minh

- Phần mở đầu:

+ Khái quát chung: Giới thiệu vị trí, vai trò và tầm quan trọng của Côn Đảo trong hệ thống đô thị của tỉnh, của quốc gia và tiềm năng, thế mạnh phát triển kinh tế - xã hội.

+ Cơ sở pháp lý và nguồn số liệu lập Chương trình phát triển đô thị;

+ Lý do, sự cần thiết lập Chương trình phát triển đô thị;

+ Phạm vi lập Chương trình phát triển đô thị;

- Nội dung Chương trình phát triển đô thị:

+ Đánh giá chung về huyện Côn Đảo; tình hình quản lý, phát triển đô thị; chỉ tiêu quy hoạch đô thị được duyệt (dân số, đất đai, định hướng phát triển đô thị, các chỉ tiêu quy hoạch;...). Tình hình đầu tư phát triển hệ thống hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng xã hội. Phân tích, đánh giá đô thị theo từng tiêu chí phân loại đô thị. Chấm điểm, nêu rõ những chỉ tiêu đạt và chỉ tiêu chưa đạt;

+ Quan điểm và mục tiêu phát triển đô thị: Nêu rõ mục tiêu tổng quát và mục tiêu cụ thể;

+ Xây dựng các chỉ tiêu về phát triển đô thị:

* Xây dựng các chỉ tiêu về phát triển đô thị của Côn Đảo cần đạt được cho từng giai đoạn 5 năm và hàng năm phù hợp quy hoạch chung, quy hoạch phân khu và kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội được cấp có thẩm quyền phê duyệt. Cần luận cứ cơ sở tính toán, đề xuất chỉ tiêu phát triển đô thị cần đạt được hàng năm cho các giai đoạn 2018 - 2020 và 2021 - 2025 trên cơ sở khảo sát đánh giá hiện trạng và xây dựng chỉ tiêu phấn đấu đạt để lập đề án phân loại đô thị;

* Danh mục các tiêu chuẩn đánh giá, phương pháp xác định các chỉ tiêu thực hiện theo Nghị quyết số 1210/2016/UBTVQH13 ngày 25/5/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về Phân loại đô thị và Quyết định số 05/2016/QĐ-UBND ngày 01/02/2016 của UBND tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu phê duyệt Chương trình phát triển đô thị tỉnh BR-VT giai đoạn 2015-2025.

+ Đối với các khu vực phát triển đô thị:

* Xây dựng danh mục, quy mô diện tích, tính chất - chức năng, lộ trình triển khai xây dựng các khu vực phát triển đô thị bao gồm các khu vực phát triển khu đô thị mới, mở rộng, cải tạo, bảo tồn, tái thiết hoặc khu vực đô thị có chức năng chuyên biệt cho từng giai đoạn 5 năm và ưu tiên giai đoạn đầu (5 năm và hàng năm) phù hợp các giai đoạn của quy hoạch chung, quy hoạch phát triển kinh tế xã hội và các quy hoạch chuyên ngành đã được phê duyệt;

* Việc xác định quy mô, ranh giới, tính chất,... các khu vực phát triển đô thị dựa trên cơ sở Quy định quản lý theo quy hoạch chung, quy hoạch phân khu, quy hoạch ngành và Quy chế quản lý quy hoạch – kiến trúc Côn Đảo. Đồng thời xem xét khả năng định hướng khu vực phát triển đô thị hình thành trung tâm các phường trong tương lai;

* Xây dựng danh mục dự án hạ tầng kỹ thuật khung và công trình đầu mối hạ tầng kỹ thuật và hạ tầng xã hội; ưu tiên đầu tư nhằm kết nối các khu vực phát triển đô thị với hệ thống hạ tầng kỹ thuật chung của đô thị.

+ Xây dựng danh mục dự án hạ tầng kỹ thuật khung, công trình đầu mối (bao gồm danh mục, vị trí, tính chất, quy mô dự án);

+ Xác định kế hoạch, lộ trình ưu tiên phân bổ nguồn vốn cho các công trình hạ tầng kỹ thuật khung và công trình đầu mối. Các công trình hạ tầng kỹ thuật khung và công trình đầu mối phải phù hợp với điều kiện phát triển thực tế của địa phương và theo nguyên tắc tập trung, không dàn trải, đầu tư đến đâu dứt điểm đến đó;

+ Các giải pháp về cơ chế chính sách huy động vốn: Xây dựng các giải pháp cơ chế, chính sách, phương án tìm kiếm, huy động các nguồn vốn hợp pháp trong và ngoài nước cho đầu tư phát triển đô thị. Nghiên cứu, đề xuất các nhóm giải pháp chi tiết cho từng ngành, lĩnh vực và quan tâm huy động các nguồn vốn ngoài ngân sách cho phát triển đô thị;

+ Phân công tổ chức thực hiện: Nêu rõ cơ quan chủ trì, cơ quan phối hợp và trách nhiệm các bên tham gia tổ chức thực hiện Chương trình.

- Phụ lục tài liệu: Bao gồm văn bản, danh mục và số liệu có liên quan.

b) Phần Bản vẽ

Ngoài các bản vẽ thu nhỏ kèm theo thuyết minh và Phụ lục, các bản vẽ màu A₀ trong thành phần hồ sơ gồm:

- Sơ đồ vị trí và mối liên hệ vùng của huyện Côn Đảo;

- Sơ đồ phân bố các khu vực phát triển đô thị theo lộ trình 5 năm phù hợp quy hoạch chung được phê duyệt. Xác định khu vực phát triển đô thị đợt đầu;

- Bản đồ xác định các dự án ưu tiên về hạ tầng kỹ thuật khung, công trình đầu mối trên nền bản vẽ quy hoạch chung được cấp có thẩm quyền phê duyệt cho khu vực xây dựng đợt đầu.

4) Hồ sơ sản phẩm: Theo Phụ lục II, ban hành kèm theo Thông tư 12/2014/TT-BXD ngày 25/08/2014 của Bộ xây dựng về Hướng dẫn lập, thẩm định và phê duyệt Chương trình phát triển đô thị.

5) Dự toán chi phí và nguồn vốn lập Chương trình:

Dự toán chi phí: 1.255.000.000 đồng (Một tỷ hai trăm năm năm triệu đồng).
Nguồn vốn: Ngân sách tỉnh năm 2018.

6) Tiến độ, kế hoạch lập Chương trình:

a) Thời gian lập Chương trình phát triển đô thị: Khoảng 09 tháng, tính từ khi hoàn thành kết quả lựa chọn nhà thầu và ký kết hợp đồng với đơn vị tư vấn. (Chưa tính thời gian thẩm định, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh, thông qua Hội đồng nhân dân tỉnh và lấy ý kiến của Bộ Xây dựng).

b) Thời điểm công bố Chương trình phát triển đô thị: Sở Xây dựng phối hợp với UBND huyện Côn Đảo có trách nhiệm tổ chức công bố Chương trình phát triển đô thị không quá 01 tháng kể từ khi Chương trình phát triển đô thị được phê duyệt.

7) Tổ chức thực hiện:

a) Cơ quan phê duyệt: Ủy Ban nhân dân tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

b) Cơ quan thỏa thuận, thống nhất bằng văn bản: Bộ Xây dựng.

c) Cơ quan thẩm định: Sở Xây dựng tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

d) Hình thức thẩm định: Lấy ý kiến bằng văn bản của các tổ chức, chuyên gia.

e) Chủ đầu tư: Sở Xây dựng tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

g) Cơ quan phối hợp: UBND huyện Côn Đảo, các Sở, ban ngành và tổ chức liên quan.

h) Đơn vị tư vấn lập Chương trình phát triển đô thị: Do Sở Xây dựng tổ chức lựa chọn theo quy định của pháp luật.

Điều 2. Trách nhiệm của các đơn vị liên quan:

- Sở Xây dựng là chủ đầu tư có trách nhiệm phối hợp với UBND huyện Côn Đảo, Sở Kế hoạch và Đầu tư, các cơ quan, tổ chức có liên quan lập, thẩm định, phê duyệt và công bố Chương trình phát triển đô thị huyện Côn Đảo giai đoạn 2018 – 2025 theo đúng quy định của pháp luật.

- Giao Sở Tài chính cân đối, bố trí nguồn vốn ngân sách tỉnh năm 2018 để lập Chương trình phát triển đô thị huyện Côn Đảo theo quy định.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc các Sở: Xây dựng, Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính; Chủ tịch UBND huyện Côn Đảo và Thủ trưởng các sở, ngành có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như điều 3;
- TTr. Tỉnh uỷ, TTr. HĐND tỉnh (b/c);
- Chủ tịch UBND tỉnh (báo cáo);
- Kho bạc Nhà nước BR-VT;
- Lưu: VT, TH, TH2, TH5. (8)

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN

KT. CHỦ TỊCH

PHÓ CHỦ TỊCH



Lê Tuấn Quốc

PHỤ LỤC 2. GIẢI TRÌNH Ý KIẾN GÓP Ý CỦA CÁC SỞ, BAN NGÀNH

TRUNG TÂM KIẾN TRÚC MIỀN NAM

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

V/v: Văn bản giải trình, tiếp thu ý kiến góp ý của các cơ quan, ban ngành huyện Côn Đảo và các sở, ban ngành tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu đối với Chương trình phát triển đô thị huyện Côn Đảo giai đoạn 2019 - 2030

Bà Rịa – Vũng Tàu, ngày 12 tháng 9 năm 2019

GIẢI TRÌNH

Căn cứ Nghị quyết số 1210/2016/UBTVQH13 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về phân loại đô thị;

Căn cứ Quyết định số 1659/QĐ-TTg ngày 07/11/2012 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình phát triển đô thị quốc gia giai đoạn 2012 – 2020;

Căn cứ Quyết định số 05/2016/QĐ-UBND ngày 01/02/2016 của UBND tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu phê duyệt Chương trình phát triển đô thị tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu giai đoạn năm 2015 đến năm 2025;

Căn cứ Quyết định số 3352/QĐ-UBND ngày 16/11/2017 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu phê duyệt đề cương Chương trình phát triển đô thị huyện Côn Đảo giai đoạn 2018 – 2025;

Sở Xây dựng đã tổ chức lấy ý kiến góp ý về hồ sơ Chương trình phát triển đô thị huyện Côn Đảo giai đoạn 2019 – 2025 tại Công văn số 438/SXD-PTĐT&HTKT ngày 26/2/2019.

Đơn vị tư vấn là Trung tâm Kiến trúc Miền Nam tổng hợp kết quả góp ý về hồ sơ Chương trình phát triển đô thị huyện Côn Đảo giai đoạn 2019 – 2025, tiếp thu và giải trình theo nội dung góp ý, làm cơ sở chỉnh sửa hồ sơ, cụ thể như sau:

1. Ban Kinh tế - xã hội HĐND huyện

Ban Kinh tế - xã hội HĐND huyện Côn Đảo báo cáo kết quả thẩm tra tại Báo cáo số 08/BC-BKTXH.

a) Dự báo tình hình khách du lịch và các dịch vụ lưu trú:

Lượng khách du lịch đến Côn Đảo năm 2018 là 286.171 lượt khách (khách nước ngoài là 32.016 lượt khách). Lượng khách du lịch đến Côn Đảo 6 tháng đầu năm 2019 là 211.986 lượt khách (khách nước ngoài là 17.340 lượt khách).

Đề nghị ĐVTV cập nhật các số liệu trên làm cơ sở dự báo khách du lịch và các dịch vụ lưu trú đến năm 2020 và đến năm 2030 chính xác tương đối hơn.

Giải trình: ĐVTV đã cập nhật lại số liệu lượng khách du lịch được cung cấp và điều chỉnh dự báo quy mô dân số theo các giai đoạn.

b) Quy mô dân số:

Đề nghị cập nhật số liệu dân số và lượng khách du lịch đến Côn Đảo theo thực tế hiện nay (chênh lệch khá cao) để quy đổi ra quy mô dân số Côn Đảo đến năm 2020 và đến năm 2030 cho tương đối chính xác hơn.

Giải trình: ĐVTV đã cập nhật lại số liệu lượng khách du lịch được cung cấp và điều chỉnh dự báo quy mô dân số theo các giai đoạn.

b1) Hiện trạng dân số toàn huyện là 10.848 người. Trong đó:

- Dân số thường trú: 7.085 người.
- Dân số tạm trú đã quy đổi (quy đổi từ 286.171 lượt khách năm 2018): 3.763 người.

b2) Dự báo khách du lịch:

- Dự báo đến năm **2020** khoảng **350.000 đến 400.000** lượt khách/năm.
- Dự báo đến năm **2025** khoảng **400.000 - 500.000** lượt khách/năm.
- Dự báo đến năm **2030** khoảng **600.000 - 700.000** lượt khách/năm.

b3) Dự báo đến năm **2020** quy mô dân số khoảng **16.000** người. Trong đó dân số đô thị khoảng 9.000 - 10.000 người, dân số quy đổi từ khách du lịch khoảng 5.000 – 6.000 người.

b4) Dự báo đến năm **2025** quy mô dân số khoảng **23.000** người. Trong đó dân số đô thị khoảng 13.000 – 15.000 người, dân số quy đổi từ khách du lịch khoảng 6.000 - 8.000 người.

b5) Dự báo đến năm **2030** quy mô dân số khoảng **32.000** người. Trong đó dân số đô thị khoảng 20.000 người, dân số quy đổi từ khách du lịch khoảng 12.000 người.

c) Quy hoạch cấp nước:

- ĐVTV đã cập nhật số liệu thực tế được huyện cung cấp.
- ĐVTV đã bỏ dự án Khoan giếng bơm và tuyến ống nước thô khai thác bổ sung cho nguồn nước nhà máy nước.

d) Mật độ dân số và mật độ dân số khu vực nội thành, nội thị tính trên diện tích đất xây dựng đô thị:

Giải trình: ĐVTV đã đánh giá lại tiêu chuẩn mật độ dân số toàn đô thị và mật độ dân số khu vực nội thành, nội thị tính trên diện tích đất xây dựng đô thị trên cơ sở áp dụng “Điều 9. Phân loại đô thị áp dụng cho một số đô thị có tính chất đặc thù” của Nghị quyết số 1210/2016/UBTVQH, cụ thể như sau: “Đô thị ở hải đảo thì tiêu chí trình độ phát triển cơ sở hạ tầng và kiến trúc cảnh quan đô thị tối thiểu đạt 50% mức quy định; các tiêu chí về quy mô dân số, mật độ dân số, tỷ lệ lao động phi nông nghiệp và tiêu chuẩn về kinh tế - xã hội tối thiểu đạt 30% mức quy định của loại đô thị tương ứng”.

e) Cơ sở hạ tầng xã hội:

- Cơ sở y tế cấp đô thị: ĐVTV đã cập nhật số liệu Trung tâm y tế Quân dân y đã

nâng lên quy mô 50 giường.

- Cơ sở giáo dục, đào tạo cấp đô thị: ĐVTV đã tiếp thu và chỉnh sửa.

- Công trình văn hóa cấp đô thị: Các trung tâm văn hóa học tập cộng đồng khu 1,2,3 không phải công trình văn hóa cấp đô thị. Do đó ĐVTV không tính vào số cơ sở văn hóa cấp đô thị. ĐVTV đã nghiên cứu thêm hướng đầu tư đô thị thông minh theo góp ý.

- Công trình thể dục, thể thao cấp đô thị: ĐVTV đã nghiên cứu theo hướng trong giai đoạn 2021 – 2025 sẽ đầu tư xây dựng Trung tâm văn hóa – thông tin- TDTT giai đoạn 2 của huyện.

2. Ủy ban nhân dân huyện Côn Đảo

UBND huyện Côn Đảo góp ý tại Công văn số 696/UBND-TNMT ngày 8/3/2019.

- Về văn bản pháp lý: Đề nghị bổ sung Quyết định phê duyệt điều chỉnh cục bộ Quy hoạch chung xây dựng Côn Đảo đến năm 2030 của UBND tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu; Quyết định phê duyệt điều chỉnh cục bộ Quy hoạch phân khu tỷ lệ 1/2000 khu Trung tâm Côn Sơn và phân khu Bến Đầm.

Giải trình: ĐVTV đã tiếp thu và chỉnh sửa theo góp ý.

- Phần khái quát đồ án điều chỉnh quy hoạch chung không nên đưa thành một chương trong chương trình.

Giải trình: Theo Phụ lục 2: Hồ sơ Chương trình phát triển từng đô thị (ban hành kèm theo Thông tư số 12/2014/TT-BXD ngày 25/8/2014 của Bộ Xây dựng về hướng dẫn lập, thẩm định và phê duyệt Chương trình phát triển đô thị) quy định phải có nội dung: “Một số chỉ tiêu quy hoạch đô thị được phê duyệt (dân số, đất đai, hướng phát triển đô thị, các chỉ tiêu phát triển đô thị có liên quan...)”.

Đồng thời, ĐVTV đưa nội dung chính của đồ án điều chỉnh quy hoạch chung vào một chương để dễ dàng trong việc đối chiếu các nội dung của Chương trình có phù hợp với nội dung của đồ án điều chỉnh quy hoạch chung hay không (Chương trình phát triển đô thị Côn Đảo phải phù hợp với nội dung và khung thời gian của điều chỉnh quy hoạch chung đã được phê duyệt).

- Việc đánh giá về tiêu chí và tiêu chuẩn nên chia thành 3 mức: Đạt tối đa, Chưa đạt tối đa, Không đạt để việc đánh giá rõ ràng và phân loại được mức độ cần đầu tư.

Giải trình: ĐVTV đã tiếp thu và chỉnh sửa theo góp ý.

- Cần chính xác hóa lại các khu vực đô thị hiện hữu, khu vực Bảo tồn tôn tạo di tích cấp quốc gia đặc biệt, các khu vực phát triển mới, phát triển mở rộng,...và việc phân chia các giai đoạn các khu vực phát triển đô thị chưa phù hợp với điều kiện thực tiễn.

Giải trình: ĐVTV đã tiếp thu và chỉnh sửa theo góp ý. Đối với khu vực bảo tồn

tôn tạo di tích cấp quốc gia đặc biệt, ĐVTV đã cập nhật theo ranh giới, quy mô quy định tại đồ án Điều chỉnh quy hoạch tổng thể bảo tồn, tôn tạo và phát huy giá trị Di tích lịch sử quốc gia đặc biệt Côn Đảo, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

- Định hướng các chỉ tiêu nên cụ thể hơn nữa, nên đặt con số cụ thể cho các giai đoạn, không nên chung chung theo mức quy định của tiêu chuẩn.

Giải trình: Việc định hướng các chỉ tiêu phát triển theo các giai đoạn dựa trên mục tiêu loại đô thị mà huyện Côn Đảo hướng tới. Có nhiều chỉ tiêu rất khó xác định được con số cụ thể, vì phụ thuộc vào nhiều yếu tố (nguồn lực đầu tư, tình hình phát triển kinh tế - xã hội thay đổi liên tục,...). Do đó, có các chỉ tiêu ĐVTV sẽ để số liệu theo mức quy định của tiêu chuẩn để tạo cơ sở đầu tư phát triển.

- Danh mục dự án ưu tiên đầu tư cần đối chiếu với Kế hoạch đầu tư công trung hạn của huyện Côn Đảo và tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu. Cần xác định nhu cầu vốn, nguồn vốn và đưa ra được giai đoạn thực hiện.

Giải trình: ĐVTV đã tiếp thu và chỉnh sửa theo góp ý: đưa ra danh mục dự án ưu tiên đầu tư trên cơ sở đối chiếu với Kế hoạch đầu tư công năm 2019 trên địa bàn tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu (Nghị quyết số 85/NQ-HĐND ngày 14/12/2018), Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2016 – 2020 tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu (Nghị quyết số 67/2016/NQ-HĐND ngày 09/12/2016); đã xác định nhu cầu vốn và đã đề xuất giai đoạn thực hiện.

- Phần xây dựng các giải pháp về cơ chế, chính sách huy động các nguồn vốn cần nêu rõ hơn về giải pháp đề xuất đối với các cơ chế chính sách về đất đai, về phát triển nhà ở, về phát triển hạ tầng và dịch vụ đô thị; các giải pháp về quản lý nguồn vốn ngân sách nhà nước trong đầu tư xây dựng đô thị cho hiệu quả cũng như các giải pháp thu hút nguồn vốn ngoài ngân sách.

Giải trình: ĐVTV đã tiếp thu và bổ sung nội dung đầy đủ hơn.

3. Sở Xây dựng tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu

Sở Xây dựng tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu góp ý tại Công văn số 933/SXD-PTĐT&HTKT ngày 17/4/2019.

CTPTĐT do ĐVTV thực hiện cơ bản tuân thủ quy định theo Nghị định số 11/2013/NĐ-CP ngày 14/01/2013 của Chính phủ về quản lý đầu tư phát triển đô thị và thông tư số 12/2014/TT-BXD. Cần rà soát bổ sung thêm:

- Về giai đoạn thực hiện Chương trình: đề nghị điều chỉnh Chương trình phát triển đô thị huyện Côn Đảo giai đoạn 2018 – 2025 thành 2019 – 2025 cho phù hợp hơn.

Giải trình: ĐVTV đã chỉnh sửa.

- UBND tỉnh đã có văn bản số 4829/UBND-SNV ngày 01/6/2017 yêu cầu UBND huyện Côn Đảo chưa xây dựng Đề án thành lập thành phố Côn Đảo. Vì vậy cần rà soát,

đối chiếu các tiêu chí, tiêu chuẩn đánh giá chất lượng đô thị tương ứng đô thị loại V, IV.

Giải trình: ĐVTV đã thay đổi, bổ sung cách đánh giá các tiêu chí, tiêu chuẩn phát triển đô thị huyện Côn Đảo theo tiêu chuẩn đô thị loại IV, loại V cho phù hợp với tình hình phát triển huyện Côn Đảo.

- Cần rà soát, nghiên cứu những nội dung, ý kiến chỉ đạo, điều hành của các cấp lãnh đạo để CTPTĐT mang lại hiệu quả thiết thực. Trong đó cần quan tâm NQ 09/NQ-TU ngày 27/12/2017 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh về phát triển du lịch chất lượng cao tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu giai đoạn 2017 – 2020, định hướng đến năm 2030; Quyết định 32/2013/QĐ-TTg ngày 22/5/2013 về một số cơ chế, chính sách ưu đãi đối với địa bàn Côn Đảo, vv...

Giải trình: ĐVTV nghiên cứu, bổ sung các nội dung liên quan đến các ý kiến chỉ đạo, điều hành của các cấp lãnh đạo liên quan đến CTPTĐT; đã nghiên cứu các định hướng, quy hoạch ngành liên quan đến địa bàn huyện Côn Đảo.

- Phần quan điểm, mục tiêu nên đưa về Phần III – Nội dung CTPTĐT, sau khi đã đánh giá xong phần thực trạng phát triển đô thị.

Giải trình: ĐVTV đã chỉnh sửa theo góp ý.

- Về việc xây dựng danh mục ưu tiên đầu tư và kế hoạch vốn: Đề nghị rà soát, cập nhật số liệu và những thông tin mới nhất về danh mục dự án ưu tiên đầu tư (chỉ cập nhật những dự án quan trọng đang triển khai hoặc chưa triển khai,...) và kế hoạch nguồn vốn theo ý kiến đóng góp và trong cuộc họp của các cơ quan chức năng và UBND huyện Côn Đảo. Ngoài ra, cần quan tâm bổ sung những dự án về cấp điện, cấp thoát nước, xử lý rác và công trình đầu mối hạ tầng kỹ thuật khác như cảng, nâng cấp sân bay,...

Giải trình: ĐVTV đã chỉnh sửa, bổ sung các nội dung. Đã bổ sung những dự án về cấp điện, cấp thoát nước, xử lý rác, nâng cấp sân bay,...

- Xây dựng các giải pháp về cơ chế, chính sách: cần bám sát những nội dung của Quyết định 32/2013/QĐ-TTg và chính sách hiện hành của tỉnh để đề xuất cho cụ thể hơn.

Giải trình: ĐVTV đã bổ sung các phần giải pháp về cơ chế, chính sách theo góp ý.

Sở Xây dựng tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu góp ý tại Công văn số 2133/SXD-PTĐT&HTKT ngày 25/7/2019.

- Cập nhật Quy hoạch phát triển kinh tế - xã hội của huyện.

Giải trình: ĐVTV đã cập nhật.

- Rà soát lại mật độ dân số, quy mô dân số huyện Côn Đảo ở thời điểm hiện tại. Đồng thời dự báo số lượng khách du lịch trong các giai đoạn đến năm 2030.

Giải trình: ĐVTV đã làm việc với các phòng ban huyện Côn Đảo cuối tháng

8/2019 để lấy các số liệu dân số và khách du lịch, đã cập nhật lại số liệu.

- Các khu vực phát triển đô thị cần tính toán để hình thành trung tâm cấp phường, xã sau này.

Giải trình: Các khu vực phát triển đô thị hình thành dựa trên cơ sở đồ án Điều chỉnh Quy hoạch chung huyện Côn Đảo đã được duyệt. Trong đồ án điều chỉnh quy hoạch chung huyện Côn Đảo được duyệt đã bố trí các khu vực đất dành cho công trình công cộng dịch vụ, trong tương lai khi hình thành các trung tâm cấp phường, xã sẽ bố trí trong các quỹ đất này.

Sở Xây dựng tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu góp ý tại Công văn số 2251/SXD-PTĐT&HTKT ngày 05/8/2019.

- Bổ sung dự án Nhà máy điện mặt trời với sản lượng ước tính từ 30 đến 40 MWh, dự kiến đất dự án khoảng từ 30 ha.

Giải trình: ĐVTV đã bổ sung dự án Nhà máy điện mặt trời vào danh mục dự án ưu tiên đầu tư.

- Bổ sung thêm một số dự án hồ nhân tạo.

Giải trình: ĐVTV đã bổ sung một số dự án hồ nhân tạo theo kế hoạch đầu tư giai đoạn 2021 – 2025 của huyện Côn Đảo.

- Định hướng phát triển Côn Đảo thành đô thị thông minh làm nền tảng hướng tới đô thị tăng trưởng xanh, phát triển bền vững. Đưa nhiệm vụ lập Đề án thí điểm đô thị thông minh cho Côn Đảo vào giai đoạn 2021 – 2025.

Giải trình: ĐVTV đã bổ sung nhiệm vụ lập Đề án thí điểm đô thị thông minh cho Côn Đảo trong giai đoạn 2021 – 2025.

- Bổ sung dự án Phòng cháy chữa cháy.

Giải trình: ĐVTV đã bổ sung dự án phòng cháy chữa cháy vào danh mục dự án ưu tiên đầu tư.

- Chương trình chưa nêu rõ nguồn vốn của danh mục dự án.

Giải trình: ĐVTV đã phân cụ thể nguồn vốn của các dự án ưu tiên đầu tư.

4. Ban Quản lý vườn quốc gia Côn Đảo

Ban Quản lý vườn quốc gia Côn Đảo góp ý tại Công văn số 68/BQLVQG-KH&HTQT ngày 05/3/2019.

Địa điểm quy hoạch khu du lịch bãi Đầm Trầu (5,34 ha) và 02 khu du lịch Bãi Nhát (6,62 ha) nằm trong phân khu phục hồi sinh thái thuộc Hợp phần bảo tồn rừng Vườn quốc gia Côn Đảo; đồng thời các địa điểm này nằm trong khu vực cho thuê môi trường rừng được phê duyệt tại Quyết định số 625/QĐ-UBND ngày 28/3/2014 của UBND tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu về việc phê duyệt Đề án cho thuê môi trường rừng để kinh doanh du lịch sinh thái kết hợp bảo tồn thiên nhiên tại Vườn quốc gia Côn Đảo giai

đoạn đến năm 2020. Hiện nay tại các khu vực trên đã có chủ trương của UBND tỉnh đồng ý cho phép các nhà đầu tư đến khảo sát, lập dự án đầu tư và đang tiến hành các thủ tục thuê môi trường rừng để kinh doanh du lịch sinh thái trong Vườn quốc gia Côn Đảo.

Giải trình: Khu du lịch bãi Đầm Trầu (KVPTĐT 17) và 02 khu du lịch Bãi Nhất (KVPTĐT 13) định hướng trong Chương trình không ảnh hưởng đến kế hoạch đầu tư phát triển trong khu vực Vườn quốc gia Côn Đảo. ĐVTV đã tiếp nhận thông tin cung cấp.

5. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn

Sở Nông nghiệp và phát triển nông thôn góp ý tại Công văn số 553/SNN-NVTH ngày 06/3/2019.

- Về đánh giá hiện trạng: đã phù hợp với quy định tại Nghị quyết 1210/2016/UBTVQH13 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội 13.

- Tại Chương 9: Cụ thể hóa các chỉ tiêu phát triển đô thị cần đạt được cho từng giai đoạn chưa đề cập đến các tiêu chí theo đánh giá hiện trạng năm 2017 chưa đạt như: tỷ lệ tăng dân số, quy mô dân số toàn đô thị, dân số nội thành, nội thị, mật độ dân số toàn đô thị, mật độ dân số nội thành, nội thị,... để xây dựng chương trình, giải pháp theo lộ trình, nhằm đạt được quy định tại Nghị quyết số 1210/2016/UBTVQH13 của Ủy ban thường vụ Quốc hội 13.

Giải trình: ĐVTV đã tiếp thu góp ý và bổ sung nội dung.

- Cần bổ sung nội dung xác định vốn đầu tư và phân bổ nguồn vốn đầu tư, chính sách huy động nguồn vốn.

Giải trình: ĐVTV đã tiếp thu góp ý và bổ sung các nội dung còn thiếu về xác định vốn đầu tư và phân bổ nguồn vốn đầu tư, chính sách huy động nguồn vốn.

6. Sở Lao động – Thương binh và Xã hội

Sở Lao động – Thương binh và Xã hội góp ý tại Công văn số 648/SLĐTBXH – KHTC ngày 08/3/2019.

Cơ bản thống nhất nội dung hồ sơ Chương trình phát triển đô thị huyện Côn Đảo giai đoạn 2018 – 2025.

7. Sở Du lịch

Sở Du lịch góp ý tại Công văn số 160/SDL-QLPTDL ngày 04/3/2019.

- Về cơ bản thống nhất với nội dung, bố cục của Chương trình phát triển đô thị huyện Côn Đảo giai đoạn 2018 – 2025.

- Đề nghị bổ sung Quyết định số 870/QĐ-TTg ngày 17/6/2015 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Quy hoạch tổng thể phát triển khu du lịch quốc gia Côn Đảo tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu đến năm 2030.

Giải trình: ĐVTV đã bổ sung.

- Về đánh giá thực trạng phát triển: Đề nghị cập nhật, đánh giá đến thời điểm hiện nay.

Giải trình: ĐVTV đã tiếp thu.

- Về quy hoạch giao thông cần bổ sung hệ thống bãi đỗ xe tại các khu vực trung tâm.

Giải trình: ĐVTV đã tiếp thu, bổ sung hệ thống bãi đỗ xe tại các khu vực trung tâm.

- Về các khu Đô thị - Du lịch, công trình hạ tầng xã hội, cây xanh, các di tích: Đề nghị bổ sung quy hoạch phố đi bộ, chợ đêm, nhà hát để phục vụ du khách.

Giải trình: ĐVTV đã tiếp thu và bổ sung nội dung.

8. Sở y tế

Sở Y tế góp ý tại Công văn số 543/SYT-KHTC ngày 01/3/2019.

Thông nhất với các nội dung Chương trình phát triển đô thị huyện Côn Đảo giai đoạn 2018 – 2025.

9. Sở Công Thương

Sở Công Thương góp ý tại Công văn số 301/SCT-QLNL ngày 01/3/2019.

- Tiêu chuẩn về cấp điện sinh hoạt: đề nghị cập nhật, tính toán lại tiêu chí này, lấy số liệu điện thương phẩm theo thành phần quản lý tiêu dùng tại Côn Đảo là 6.910.000 kWh (năm 2018) để tính toán tiêu chuẩn cấp điện sinh hoạt sẽ phù hợp hơn.

Giải trình: ĐVTV đã cập nhật số liệu và chỉnh sửa theo góp ý.

- Tại chương 10: Xây dựng danh mục dự án hạ tầng kỹ thuật khung, công trình đầu mối hạ tầng kỹ thuật và hạ tầng xã hội ưu tiên đầu tư, đề nghị rà soát, bổ sung danh mục ưu tiên đầu tư nguồn điện diesel Côn Đảo để đảm bảo nguồn điện cung cấp, phục vụ phát triển kinh tế xã hội, an ninh quốc phòng theo Quyết định số 314/QĐ-UBND ngày 10/02/2015 của UBND tỉnh phê duyệt Đề án Quy hoạch phát triển nguồn năng lượng trên địa bàn huyện Côn Đảo đến năm 2020, có xét đến năm 2030.

Giải trình: ĐVTV đã rà soát, bổ sung.

- Bổ sung nội dung xác định kế hoạch vốn cho các công trình hạ tầng kỹ thuật khung và công trình ưu tiên đầu tư.

Giải trình: ĐVTV đã bổ sung nội dung xác định kế hoạch vốn.

10. Bộ Chỉ huy quân sự tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu

Bộ chỉ huy quân sự tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu góp ý tại công văn số 489/BCH-PTM ngày 14/3/2019.

- Bộ Chỉ huy quân sự thống nhất các nội dung, tiêu chí, giải pháp Chương trình đề ra.

- Đề nghị trong quá trình thực hiện hạn chế tối đa việc làm biến dạng lớn địa hình

của các điểm cao như: núi Chúa, núi Thánh Giá, núi Tàu Bể, hòn Bảy Cạnh, hòn Cau, hòn Bà, mũi Cá Mập, khu vực Bến Đầm, khu sân bay Cỏ Ống; trong từng dự án sẽ có văn bản đóng góp riêng.

11. Sở Thông tin và Truyền thông

Sở Thông tin và Truyền thông góp ý tại Công văn số 292/STTTT-VTCNTT ngày 04/3/2019.

- Bổ sung Nghị quyết số 117/NQ-CP ngày 06/9/2018 của Chính phủ về điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất đến năm 2020 và kế hoạch sử dụng đất kỳ cuối (2016 – 2020) của tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu và các quyết định phê duyệt điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất đến năm 2020, kế hoạch sử dụng đất năm 2019 trên địa bàn huyện Côn Đảo.

Giải trình: ĐVTV đã tiếp thu.

- Xem xét, sửa đổi thời gian thực hiện Chương trình phát triển đô thị huyện Côn Đảo giai đoạn 2018 – 2025 cho phù hợp.

Giải trình: ĐVTV đã tiếp thu và chỉnh sửa.

Trên đây là tổng hợp các góp ý của các cơ quan, ban ngành của huyện Côn Đảo và tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu về CTPTĐT Côn Đảo giai đoạn 2019 – 2025 và giải trình cụ thể của Trung tâm Kiến trúc Miền Nam về việc tiếp thu, chỉnh sửa các ý kiến đóng góp.

Trân trọng!

